



Liên hợp quốc

FCCC/PA/CMA/2018/3/Add.2



Framework Convention on
Climate Change

Công bố: Ngày 19 tháng 3
năm 2019
Phiên bản: Tiếng Anh

**Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris
về biến đổi khí hậu**

**Báo cáo của Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận
Paris về biến đổi khí hậu phần thứ ba của phiên thứ
nhất, tổ chức tại Katowice từ ngày 2 đến ngày 15,
tháng 12, năm 2018**

Phụ lục

**Phần hai: Các hoạt động của Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận
Paris về biến đổi khí hậu**

Nội
dung

**Các quyết định được thông qua bởi Hội nghị các Bên
tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu**

<i>Quyết định</i>	<i>Trang</i>
13/CMA.1 Các vấn đề liên quan đến Quỹ Thích ứng	2
14/CMA.1 Xác định mục tiêu định lượng cụ thể mới về tài chính phù hợp với quyết định 1/CP.21, khoản 53	3
15/CMA.1 Khuôn khổ công nghệ thuộc Điều 10, khoản 4 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.....	4
16/CMA.1 Phạm vi và phương thức đánh giá định kỳ được đề cập tại khoản 69 thuộc quyết định 1/CP.21	11
17/CMA.1 Cách thức tăng cường triển khai hoạt động giáo dục, đào tạo, nâng cao nhận thức, sự tham gia và tiếp cận thông tin của cộng đồng để tăng cường các hành động thuộc Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu	15
18/CMA.1 Phương thức, thủ tục và hướng dẫn cho khung minh bạch cho hành động và hỗ trợ đề cập tại Điều 13 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu	18
19/CMA.1 Các vấn đề liên quan đến Điều 14 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và khoản 99– 101 của quyết định 1/CP.21	53
20/CMA.1 Các phương thức và thủ tục để vận hành hiệu quả ủy ban thúc đẩy triển khai và sự tuân thủ theo Điều 15, khoản 2 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu	59
<i>Nghị quyết</i>	
3/CMA.1 Sự bày tỏ lòng biết ơn đối với Chính phủ Cộng hòa Ban Lan và người dân thành phố Katowice	65

GE.19-03302(E)



Please recycle

Quyết định 13/CMA.1

Các vấn đề liên quan đến Quỹ Thích ứng

Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu,

1. *Quyết định* rằng Quỹ Thích ứng sẽ phục vụ Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu theo sự hướng dẫn và chịu trách nhiệm trước Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu đối với các vấn đề liên quan đến Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, và các quyết định về vấn đề này bởi Hội nghị các Bên tham gia Nghị định thư Kyoto;
2. *Khuyến nghị* Hội nghị các Bên tham gia Nghị định thư Kyoto quyết định rằng Quỹ Thích ứng sẽ tiếp tục được tài trợ bởi các hoạt động thuộc Điều 6, 12 và 17 của Nghị định thư Kyoto;
3. *Đồng thời khuyến nghị* Hội nghị các Bên tham gia Nghị định thư Kyoto rằng Quỹ Thích ứng sẽ phục vụ riêng cho Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu sau khi nhận được các nguồn lực tài chính thuộc Điều 6, khoản 4 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;
4. *Kêu gọi* Hội nghị các Bên tham gia Nghị định thư Kyoto đảm bảo rằng các Bên là các quốc gia đang phát triển và các Bên là các quốc gia phát triển thuộc Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu có thể đáp ứng tiêu chuẩn tham gia Hội đồng Quỹ Thích ứng;
5. *Quyết định* rằng, khi Quỹ Thích ứng phục vụ Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, Quỹ sẽ được cung cấp tài chính từ cơ chế thiết lập tại Điều 6, khoản 4 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và từ nhiều nguồn lực công, tư tự nguyện khác nhau;
6. *Kêu gọi* Hội nghị các Bên tham gia Nghị định thư Kyoto yêu cầu Hội đồng Quỹ Thích ứng xem xét các quy tắc thủ tục của Hội đồng, các thỏa thuận của Quỹ Thích ứng đối với Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và các tác động từ nguồn lực tài chính mà Quỹ Thích ứng nhận được từ các hoạt động thuộc Điều 6, 12 và 17 của Nghị định thư Kyoto khi Quỹ Thích ứng phục vụ Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, nhằm gửi các đề xuất tới Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu để xem xét tại phiên họp thứ hai (tháng 12, 2019).

*Hội nghị toàn thể lần thứ 26
Ngày 15, tháng 12, năm 2018*

Quyết định 14/CMA.1

Xác định mục tiêu định lượng cụ thể mới về tài chính phù hợp với quyết định 1/CP.21, khoản 53

Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu,

Căn cứ quyết định 1/CP.21, khoản 53,

1. *Quyết định* bắt đầu tại kỳ họp thứ ba (tháng 11, 2020), theo Điều 9, khoản 3 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, các cuộc thảo luận nhằm xác định mục tiêu định lượng cụ thể mới về tài chính với mức sàn 100 tỷ USD mỗi năm cho các hoạt động về giảm nhẹ có hiệu quả và triển khai minh bạch, có xem xét nhu cầu và ưu tiên của các quốc gia đang phát triển;

2. *Đồng ý* xem xét tại các cuộc thảo luận đề cập tại khoản 1 nêu trên, nhằm mục đích tăng cường nỗ lực toàn cầu đối với mối đe dọa của biến đổi khí hậu trong bối cảnh phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo, bao gồm thiết lập các nguồn tài chính phù hợp với lộ trình phát triển phát thải thấp, thích ứng với khí hậu.

*Hội nghị toàn thể lần thứ 26
Ngày 15, tháng 12, năm 2018*

Quyết định 15/CMA.1

Khuôn khổ công nghệ thuộc Điều 10, khoản 4 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu,

Căn cứ Điều 10, khoản 1 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, về tầm nhìn dài hạn về phát triển và chuyển giao công nghệ,

Đồng thời căn cứ Điều 10, khoản 3 và 4 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu,

Đồng thời căn cứ quyết định 1/CP.21, khoản 67 và 68,

Ghi nhận nhu cầu đảm bảo việc vận hành khuôn khổ công nghệ do Cơ chế Công nghệ thực hiện sẽ hỗ trợ việc triển khai Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu là phù hợp với tầm nhìn dài hạn về phát triển và chuyển giao công nghệ và Điều 2 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu,

Ghi nhận và đánh giá cao công việc do Ban hỗ trợ về Khoa học và Công nghệ đã thực hiện trong việc xây dựng khuôn khổ công nghệ theo quyết định 1/CP.21, khoản 67,

1. *Thông qua* khuôn khổ công nghệ thuộc Điều 10, khoản 4 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu như được trình bày trong phụ lục;
2. *Quyết định* rằng Ủy ban Điều hành Công nghệ và Trung tâm và Mạng lưới Công nghệ Khí hậu, theo chức năng, nhiệm vụ và phương thức làm việc, sẽ triển khai khuôn khổ công nghệ với sự hợp tác chặt chẽ dưới sự hướng dẫn Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;
3. *Yêu cầu* Ủy ban Điều hành Công nghệ và Trung tâm và Mạng lưới Công nghệ Khí hậu:
 - (a) Kết hợp hướng dẫn trong khuôn khổ công nghệ vào các chương trình và kế hoạch công tác, bao gồm các phương pháp giám sát và đánh giá các hoạt động;
 - (b) Đưa các thông tin vào báo cáo thường niên cho năm 2019 về phương thức kết hợp hướng dẫn của khuôn khổ công nghệ vào các chương trình và kế hoạch công tác như đề cập tại khoản 3(a) nêu trên;
4. *Ghi nhận* các đề xuất của Ủy ban Điều hành Công nghệ và Trung tâm và Mạng lưới Công nghệ Khí hậu để chuẩn bị và đệ trình báo cáo thường niên đến Hội nghị các Bên tham gia và Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;¹
5. *Yêu cầu* Ủy ban Điều hành Công nghệ và Trung tâm và Mạng lưới Công nghệ Khí hậu báo cáo tiến độ công việc, những thách thức và bài học kinh nghiệm trong việc triển khai khuôn khổ công nghệ trong các báo cáo thường niên;
6. *Nhắc lại* tầm quan trọng của các nguồn lực hỗ trợ, bao gồm tài chính sẽ được cung cấp cho các Bên là các quốc gia đang phát triển để tăng cường hành động hợp tác về phát triển và chuyển giao công nghệ tại các giao đoạn khác nhau của chu kỳ công nghệ, và *thống nhất* rằng khuôn khổ công nghệ sẽ tạo điều kiện cho việc tăng cường các hỗ trợ này;
7. *Quyết định* rằng kết quả của và/hoặc đề xuất từ các đánh giá định kỳ đề cập tại quyết định 1/CP.21, khoản 69, sẽ được xem xét khi cập nhật khuôn khổ công nghệ;
8. *Yêu cầu* ban thư ký hỗ trợ việc triển khai khuôn khổ công nghệ;

¹ FCCC/SB/2017/3, khoản 43.

9. *Đồng thời yêu cầu* các hoạt động của ban thư ký được yêu cầu tại quyết định này sẽ được thực hiện tùy thuộc vào sự sẵn có của các nguồn lực tài chính.

Phụ lục

Khuôn khổ công nghệ thuộc Điều 10, khoản 4 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu của khuôn khổ công nghệ thuộc Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu là cung cấp hướng dẫn tổng thể cho công việc của Cơ chế Công nghệ trong việc thúc đẩy và tạo điều kiện cho các hoạt động tăng cường phát triển và chuyển giao công nghệ nhằm hỗ trợ triển khai Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu theo đuổi tầm nhìn dài hạn tại Điều 10, khoản 1. Tầm nhìn dài hạn về phát triển và chuyển giao công nghệ của các Bên liên quan đến tầm quan trọng của việc thực hiện phát triển và chuyển giao công nghệ nhằm tăng khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính.
2. Khuôn khổ công nghệ đóng vai trò chiến lược trong việc nâng cao hiệu quả và năng suất trong công việc của Cơ chế Công nghệ, bao gồm Ủy ban Điều hành Công nghệ (TEC) và Trung tâm và Mạng lưới Công nghệ Khí hậu (CTCN), bằng cách giải quyết các thay đổi mang tính chuyển đổi được xác định trong Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và tầm nhìn dài hạn về phát triển và chuyển giao công nghệ.

II. Nguyên tắc

3. Các nguyên tắc của khuôn khổ công nghệ, bao gồm tính nhất quán, bao trùm, tiếp cận theo định hướng kết quả, mang tính chuyển đổi và minh bạch, sẽ hướng dẫn Cơ chế Công nghệ trong triển khai Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, như sau:
 - (a) Phù hợp với tầm nhìn dài hạn về phát triển và chuyển giao công nghệ cũng như các quy định khác của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, các kế hoạch và chiến lược quốc gia thuộc Công ước khung và các hành động được thực hiện bởi các tổ chức khí hậu liên quan và hơn nữa;
 - (b) Được thiết kế và triển khai theo cách tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia tích cực của các bên liên quan và xem xét đến vấn đề phát triển bền vững, giới, hoàn cảnh đặc biệt của các quốc gia kém phát triển và các Quốc đảo nhỏ đang phát triển, và tăng cường năng lực cho công nghệ nội sinh, bản địa;
 - (c) Theo định hướng kết quả đầu ra và tác động;
 - (d) Giải quyết các thay đổi mang tính chuyển đổi được xác định trong Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;
 - (e) Được thiết kế và triển khai nhằm nâng cao tính minh bạch của các kết quả, chi phí và quy trình, bao gồm lập kế hoạch, quản lý nguồn lực và báo cáo về các hoạt động, hỗ trợ nhận được.

III. Các chủ đề chính

4. Các chủ đề chính sau đây cho khuôn khổ công nghệ đại diện cho các lĩnh vực hành động được ưu tiên thực hiện:
 - (a) Đổi mới;
 - (b) Triển khai;
 - (c) Tăng cường năng lực;
 - (d) Tăng cường sự hợp tác và tham gia của các bên;
 - (e) Hỗ trợ.

A. Đổi mới

5. Như quy định tại Điều 10, khoản 5 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, thúc đẩy, khuyến khích và tạo điều kiện cho sự đổi mới là rất quan trọng để ứng phó hiệu quả, lâu dài trên toàn cầu với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững. Để đạt được mục tiêu và các mục đích của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, đòi hỏi cấp bách phải đẩy nhanh và tăng cường đổi mới công nghệ để có thể cung cấp các công nghệ khí hậu có tính hiệu quả về môi trường, xã hội, chi phí, năng suất trên quy mô lớn hơn, phổ biến hơn.

6. Các hành động và hoạt động thuộc chủ đề này cần thúc đẩy và mở rộng quy mô tại các giai đoạn khác nhau của chu kỳ công nghệ, giải quyết vấn đề về thích ứng và giảm nhẹ một cách cân bằng để hỗ trợ các quốc gia tăng sức chống chịu và giảm phát thải, đồng thời tăng cường sự tham gia hiệu quả của các Bên là các quốc gia đang phát triển, thúc đẩy phát triển bền vững, đảm bảo bình đẳng giới.

7. Thúc đẩy sự đổi mới có thể thực hiện thông qua các hướng tiếp cận hợp tác mới để nghiên cứu, phát triển và trình diễn công nghệ khí hậu (RD&D); việc thiết lập và thúc đẩy chính sách tạo điều kiện có liên quan để khuyến khích và xây dựng một môi trường hỗ trợ sự đổi mới; sự tham gia tích cực của khu vực tư nhân, sự hợp tác chặt chẽ hơn giữa khu vực công và tư nhân.

8. Các hành động và hoạt động thuộc chủ đề này bao gồm:

(a) Hỗ trợ các quốc gia trong việc khuyến khích đổi mới bằng cách cải thiện môi trường chính sách, chiến lược, khuôn khổ pháp lý và quy định, sắp xếp thể chế để thiết lập và/hoặc củng cố hệ thống quốc gia hệ hành;

(b) Cung cấp thông tin và tạo điều kiện chia sẻ thông tin về các đối tác, sáng kiến trong RD&D, thông lệ tốt và bài học kinh nghiệm từ các hoạt động, chính sách của quốc gia về RD&D trong công nghệ khí hậu;

(c) Thúc đẩy sự phát triển, triển khai và phổ biến các công nghệ đổi mới hiện hành và thúc đẩy việc mở rộng quy mô và phổ biến các công nghệ mới;

(d) Hỗ trợ các quốc gia phát triển lộ trình chuyển đổi công nghệ dài hạn hướng tới việc áp dụng rộng rãi các công nghệ khí hậu nhằm tăng sức chống chịu khí hậu và phát triển phát thải thấp;

(e) Thúc đẩy hợp tác với các đối tác, sáng kiến RD&D để thúc đẩy RD&D trong công nghệ khí hậu;

(f) Hỗ trợ các quốc gia khởi xướng các hoạt động hợp tác RD&D trong công nghệ khí hậu;

(g) Xác định các cách thức tăng cường sự tham gia hiệu quả của các Bên là các quốc gia đang phát triển trong tiếp cận RD&D;

(h) Thúc đẩy sự tham gia của khu vực tư nhân trong phát triển công nghệ khí hậu mới, bao gồm:

(i) Nâng cao nhận thức về các cơ hội thị trường trong tương lai trong đổi mới công nghệ khí hậu;

(ii) Xác định các cách thức khuyến khích sự tham gia;

(i) Thúc đẩy sự hợp tác giữa khu vực công và tư nhân trong phát triển và chuyển giao công nghệ khí hậu.

A. Triển khai

9. Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu nhấn mạnh tầm quan trọng của công nghệ đổi mới với việc thực hiện cách hành động về giảm nhẹ và thích ứng thuộc Thỏa thuận. Cơ chế Công nghệ cần tạo điều kiện và thúc đẩy tăng cường hành động về công nghệ nhằm hỗ trợ các quốc gia đạt được mục tiêu và các mục đích của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, đồng thời nhận thức được tầm quan trọng của việc thúc đẩy các thay đổi mang tính chuyển đổi theo hướng thích ứng với khí hậu và phát thải thấp.

10. Các hành động và hoạt động thuộc chủ đề này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện hợp tác phát triển và chuyển giao công nghệ, xây dựng dựa trên các hoạt động đã và đang diễn ra của Cơ chế Công nghệ và có xem xét đến vai trò của Bắc-Nam, Nam-Nam, tam giác và hợp tác khu vực trong việc tạo điều kiện thực hiện.

11. Các hành động và hoạt động thuộc chủ đề này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai hành động về giảm nhẹ và thích ứng được xác định bằng các công cụ và quy trình lập kế hoạch như đóng góp do quốc gia tự quyết định, các chiến lược phát triển dài hạn phát thải thấp, đánh giá nhu cầu công nghệ (TNAs), kế hoạch thích ứng quốc gia, lộ trình công nghệ và các chính sách liên quan, tạo điều kiện giải quyết các thách thức bằng cách triển khai các hành động.

12. Các hành động và hoạt động thuộc chủ đề này bao gồm:

(a) Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện và cập nhật các TNAs, cũng như tăng cường việc thực hiện các kết quả, đặc biệt là các kế hoạch hành động và ý tưởng dự án công nghệ, tăng cường năng lực liên quan đến TNAs;

(b) Thúc đẩy liên kết của các TNAs với các đóng góp do các quốc gia tự quyết định, kế hoạch thích ứng quốc gia nhằm tăng cường sự gắn kết giữa việc triển khai kế hoạch và chiến lược quốc gia nhằm tăng sức chống chịu khí hậu và ít phát thải;

(c) Rà soát các hướng dẫn về TNAs và cập nhật khi cần thiết để TNAs hướng đến các kế hoạch và triển khai phù hợp với những thay đổi mang tính chuyển đổi được xác định trong Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;

(d) Xác định và phát triển các đề xuất về các tiếp cận, công cụ và phương tiện phù hợp để đánh giá công nghệ sẵn sàng chuyển giao;

(e) Xác định và phát triển các đề xuất nhằm tạo điều kiện và giải quyết các rào cản phát triển và chuyển giao công nghệ có hiệu quả về môi trường, xã hội.

B. Tăng cường năng lực

13. Nhằm phát triển và chuyển giao công nghệ, các quốc gia có thể phải đối mặt với nhiều thách thức khác nhau. Việc tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển và chuyển giao công nghệ có hiệu quả về môi trường, xã hội cần xem xét các thách thức và nhu cầu khác nhau của các quốc gia để vượt qua các thách thức đó.

14. Tăng cường năng lực cho phát triển và chuyển giao công nghệ là một vấn đề xuyên suốt và toàn diện. Mặc dù các sáng kiến và hoạt động về tăng cường năng lực để phát triển và chuyển giao công nghệ đã được thực hiện, nhưng cần có thêm các biện pháp trong lĩnh vực này để phát triển, củng cố và tăng cường năng lực của các quốc gia để thực hiện hiệu quả các hành động khí hậu trong khuôn khổ Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

15. Các hành động và hoạt động thuộc chủ đề này sẽ thúc đẩy và tạo ra môi trường thuận lợi, bao gồm môi trường chính sách và quy định để phát triển và chuyển giao công nghệ, đồng thời tăng cường năng lực của các quốc gia để giải quyết hiệu quả các thách thức khác nhau.

16. Các hành động và hoạt động thuộc chủ đề này bao gồm:

(a) Nâng cao nhận thức cộng đồng về phát triển và chuyển giao công nghệ khí hậu;

(b) Hỗ trợ các quốc gia trong việc thúc đẩy môi trường thân thiện với đầu tư, bao gồm các chiến lược và kế hoạch hành động quốc gia, môi trường chính sách, khuôn khổ pháp lý và quy định cũng như các sắp xếp thể chế khác;

- (c) Hỗ trợ các quốc gia trong việc thúc đẩy môi trường thuận lợi để đẩy mạnh các công nghệ nội sinh và bình đẳng giới trong các công nghệ về giảm nhẹ và thích ứng;
- (d) Hỗ trợ các quốc gia trong phát triển và triển khai chính sách thúc đẩy môi trường để khuyến khích khu vực công, tư nhân phát triển và chuyển giao công nghệ;
- (e) Hỗ trợ các chính phủ đóng vai trò chủ chốt trong việc thúc đẩy sự tham gia của khu vực tư nhân bằng cách thiết kế và thực hiện cách chính sách, quy định và tiêu chuẩn nhằm tạo ra môi trường và thị trường thuận lợi cho công nghệ khí hậu;
- (f) Thúc đẩy chia sẻ thông tin và kết nối giữa các tổ chức và thể chế liên quan để tạo ra sự đồng bộ và cho phép trao đổi giữa các bên liên quan về các thông lệ tốt, kinh nghiệm và kiến thức về phát triển và chuyển giao công nghệ;
- (g) Xây dựng và phân tích thông tin về các hoạt động tăng cường năng lực tại các giai đoạn khác nhau của chu kỳ công nghệ;
- (h) Xúc tiến phát triển và tăng cường năng lực nội sinh đối với các công nghệ khí hậu và khai thác kiến thức bản địa;
- (i) Tăng cường hợp tác với các tổ chức, thể chế về tăng cường năng lực hiện hành thuộc khuôn khổ Công ước khung nhằm tạo sự đồng bộ, nâng cao hiệu quả và tránh sự trùng lặp;
- (j) Tăng cường năng lực của các tổ chức quốc gia được chỉ định (NDEs) của các Bên, đặc biệt là tại các quốc gia đang phát triển nhằm hoàn thành vai trò của mình;
- (k) Tăng cường năng lực của các Bên để lập kế hoạch, giám sát và đạt được sự chuyển đổi công nghệ phù hợp với mục tiêu và mục đích của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

C. Tăng cường sự hợp tác và tham gia của các bên

17. Sự hợp tác và tham gia của các bên sẽ tăng cường sự tương tác giữa những người tham gia vào việc phát triển và chuyển giao công nghệ khí hậu, giúp chia sẻ kinh nghiệm và huy động nguồn lực. Trong bối cảnh này, các bên liên quan sẽ cung cấp đầu vào quan trọng cho công việc của Cơ chế Công nghệ.
18. Do đó, Cơ chế Công nghệ sẽ hoạt động theo hướng cởi mở và bao trùm, bao gồm bình đẳng giới, theo đó, các bên liên quan sẽ được khuyến khích tích cực tham gia. Sự hợp tác và tham gia của các bên liên quan sẽ diễn ra ở các giai đoạn khác nhau của chu kỳ công nghệ.
19. Sự tham gia của các bên liên quan được tăng cường ở cấp địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế sẽ đem lại các lợi ích cho Cơ chế Công nghệ. Hơn nữa, các hoạt động hợp tác phát triển và chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, thể chế và sáng kiến cần được hài hòa và đồng bộ để tránh trùng lặp và đảm bảo tính nhất quán, chặt chẽ.
20. Các hành động và hoạt động thuộc chủ đề này bao gồm:
- (a) Tăng cường sự tham gia và hợp tác của các bên liên quan, bao gồm cộng đồng và chính quyền địa phương, các nhà hoạch định quốc gia, khu vực tư nhân và các tổ chức xã hội dân sự, trong việc lập kế hoạch và triển khai hoạt động của Cơ chế Công nghệ;
- (b) Tăng cường sự tham gia và hợp tác của khu vực tư nhân trên cơ sở tự nguyện, để tận dụng chuyên môn, kinh nghiệm và kiến thức liên quan đến các môi trường thuận lợi hiệu quả hỗ trợ việc triển khai Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;
- (c) Tăng cường sự tham gia giữa các NDEs và bên liên quan, bao gồm việc cung cấp hướng dẫn và thông tin;
- (d) Tăng cường sự hợp tác và đồng bộ với các tổ chức, cơ quan và sáng kiến quốc tế liên quan, bao gồm giới học giả và cộng đồng khoa học, để tận dụng chuyên môn, kinh nghiệm, kiến thức và thông tin cụ thể về các công nghệ mới và sáng tạo.

D. Hỗ trợ

21. Điều 10, khoản 6 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu quy định rằng các hỗ trợ, bao gồm hỗ trợ tài chính, sẽ được cung cấp cho các Bên là các quốc gia đang phát triển để triển khai Điều 10, bao gồm tăng cường hành động hợp tác về phát triển và chuyển giao công nghệ ở các giai đoạn khác nhau của chu kỳ công nghệ, nhằm đạt được sự cân bằng giữa vấn đề giảm nhẹ và thích ứng.
22. Việc hỗ trợ của chủ đề này không chỉ bao gồm hỗ trợ tài chính, mà có thể bao gồm nhiều khía cạnh khác để triển khai Điều 10 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Hỗ trợ sẽ được cung cấp cho các chủ đề chính của khuôn khổ công nghệ, xem xét đến quan điểm bình đẳng giới, khía cạnh nội sinh và bản địa.
23. Việc cung cấp và huy động các hình thức hỗ trợ từ nhiều nguồn khác nhau là rất quan trọng để thực hiện Điều 10 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và tăng cường hành động hợp tác về phát triển và chuyển giao công nghệ.
24. Giám sát và đánh giá của Cơ chế Công nghệ sẽ tăng cường hiệu quả của hỗ trợ được cung cấp.
25. Các hành động và hoạt động thuộc chủ đề này bao gồm:
- (a) Tăng cường sự hợp tác của Cơ chế Công nghệ với Cơ chế Tài chính để tăng cường hỗ trợ phát triển và chuyển giao công nghệ;
 - (b) Xác định và thúc đẩy tài chính và đầu tư đổi mới tại các giai đoạn khác nhau của chu kỳ công nghệ;
 - (c) Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật nâng cao cho các Bên là các quốc gia đang phát triển, theo định hướng quốc gia, hỗ trợ khả năng tiếp cận nguồn lực tài chính cho các đổi mới, bao gồm RD&D, tạo môi trường thuận lợi và tăng cường năng lực, phát triển và triển khai kết quả của các TNAs, sự tham gia và hợp tác của các bên liên quan, bao gồm hỗ trợ về tổ chức và thể chế;
 - (d) Tăng cường huy động nhiều hình thức hỗ trợ, bao gồm hỗ trợ bằng tiền và hiện vật, từ nhiều nguồn khác nhau cho việc triển khai các hành động và hoạt động thuộc các chủ đề chính của khuôn khổ công nghệ;
 - (e) Phát triển và/hoặc tăng cường hệ thống giám sát và theo dõi các hành động và hoạt động đã được thực hiện, mức hỗ trợ được cung cấp bởi Cơ chế Công nghệ để triển khai khuôn khổ công nghệ, nhằm góp phần tăng cường khung minh bạch đề cập tại Điều 13 và đánh giá nỗ lực toàn cầu đề cập tại Điều 14 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

*Hội nghị toàn thể lần thứ 26
Ngày 15, tháng 12, năm 2018*

Quyết định 16/CMA.1

Phạm vi và phương thức đánh giá định kỳ đề cập tại khoản 69 của quyết định 1/CP.21

Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu,

Căn cứ quyết định 1/CP.21, tại khoản 69, và quyết định 1/CP.23,

1. *Thông qua* phạm vi và phương thức đánh giá định kỳ tính hiệu quả và toàn diện của hỗ trợ được cung cấp bởi Cơ chế Công nghệ hỗ trợ triển khai Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trong các vấn đề liên quan đến phát triển và chuyển giao công nghệ, tuân thủ quyết định 1/CP.21, như trong phụ lục;
2. *Quyết định* rằng việc đánh giá định kỳ đề cập tại khoản 1 nêu trên sẽ được thực hiện một cách minh bạch, toàn diện với sự tham gia của nhiều bên;
3. *Đồng thời quyết định* bắt đầu đánh giá định kỳ lần thứ nhất đề cập tại khoản 1 nêu trên tại phiên họp thứ tư (tháng 11, 2021) theo phạm vi và phương thức như trong phụ lục, hoặc theo những sửa đổi sau này, nhằm hoàn thiện đánh giá định kỳ lần thứ nhất tại phiên họp thứ năm (tháng 11, 2022);
4. *Đồng thời quyết định* các kết quả của việc đánh giá định kỳ đề cập tại khoản 1 nêu trên sẽ là thông tin đầu vào cho việc đánh giá nỗ lực toàn cầu đề cập tại Điều 14 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;
5. *Quyết định* rằng kết quả của việc đánh giá định kỳ sẽ hướng dẫn nâng cao hiệu quả và tăng cường hỗ trợ Cơ chế Công nghệ trong việc hỗ trợ triển khai Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;
6. *Yêu cầu* Cơ quan phụ trách Triển khai bắt đầu tại phiên họp thứ năm mươi mốt (tháng 12, 2019), xem xét sự liên kết giữa các quy trình liên quan đến việc rà soát của Trung tâm và Mạng lưới Công nghệ Khí hậu¹ và việc đánh giá định kỳ đề cập tại khoản 1 nêu trên nhằm đề xuất dự thảo quyết định để Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu xem xét và thông qua tại phiên họp thứ ba (tháng 11, 2020);
7. *Đồng thời yêu cầu* các hoạt động của ban thư ký được yêu cầu tại quyết định này sẽ được thực hiện tùy thuộc vào sự sẵn có của các nguồn lực tài chính.

¹ Theo quyết định 2/CP.17, 14/CP.18 và 12/CP.24.

Phụ lục

Phạm vi và phương thức đánh giá định kỳ đề cập tại khoản 69 của quyết định 1/CP.21

I. Phạm vi

1. Nhiệm vụ là thực hiện đánh giá về tính hiệu quả và toàn diện của các hỗ trợ được cung cấp bởi Cơ chế Công nghệ trong hỗ trợ triển khai Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trong các vấn đề liên quan đến phát triển và chuyển giao công nghệ (sau đây gọi là đánh giá định kỳ).¹ Phạm vi bao gồm hai yếu tố:²

(a) Tính hiệu quả của Cơ chế Công nghệ trong hỗ trợ triển khai Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trong các vấn đề liên quan đến phát triển và chuyển giao công nghệ;

(b) Tính toàn diện của hỗ trợ được cung cấp bởi Cơ chế Công nghệ trong hỗ trợ triển khai Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trong các vấn đề liên quan đến phát triển và chuyển giao công nghệ.

A. Tính hiệu quả của Cơ chế Công nghệ

2. Về tính hiệu quả của Cơ chế Công nghệ trong việc hỗ trợ triển khai Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, theo hướng dẫn của khuôn khổ công nghệ,³ trong phạm vi cho phép bao gồm việc đánh giá tác động, kết quả đầu ra của Cơ chế Công nghệ, cụ thể tác động về:

(a) Tạo điều kiện cho những thay đổi mang tính chuyển đổi được xác định trong Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;

(b) Đóng góp vào việc đạt được tầm nhìn dài hạn nêu tại Điều 10, khoản 1 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;

(c) Đóng góp vào việc tăng cường hành động hợp tác về phát triển và chuyển giao công nghệ;

(d) Tăng cường thực hiện các yếu tố công nghệ của các đóng góp do quốc gia tự quyết định và đánh giá nhu cầu công nghệ;

(e) Dẫn đến các tác động định lượng thông qua hỗ trợ kỹ thuật, bao gồm tiềm năng giảm phát thải, số lượng giải pháp công nghệ được chuyển giao và các khoản đầu tư được sử dụng;

(f) Thực hiện công việc một cách tiết kiệm, hiệu quả;

(g) Thành công của Cơ chế Công nghệ trong việc triển khai chương trình công tác;

(h) Vượt qua các thử thách;

(i) Xác định cơ hội để cải thiện;

(j) Phối hợp với các bên liên quan hỗ trợ triển khai Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trong các vấn đề liên quan đến phát triển và chuyển giao công nghệ;

(k) Tuân thủ hướng dẫn tổng thể được cung cấp bởi khuôn khổ công nghệ đề cập tại Điều 10 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, bao gồm việc điều chỉnh công việc với các chủ đề của khuôn khổ công nghệ;

¹ Quyết định 1/CP.21, khoản 69.

² Xem tài liệu FCCC/SBI/2016/8, khoản 94.

³ Quyết định 15/CMA.1.

(l) Tuân thủ các quy định hiện hành thuộc Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và hướng dẫn của các Bên.

3. Để thực hiện việc đánh giá tính hiệu quả đề cập tại khoản 2 nêu trên, công việc của Cơ chế Công nghệ trong việc hỗ trợ thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trong các vấn đề liên quan đến phát triển và chuyển giao công nghệ sẽ được đánh giá bao gồm:

(a) Công việc của Ủy ban Điều hành Công nghệ (TEC) trong hỗ trợ triển khai Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trong các vấn đề liên quan đến phát triển và chuyển giao công nghệ;

(b) Công việc của Trung tâm và Mạng lưới Công nghệ Khí hậu trong hỗ trợ triển khai Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trong các vấn đề liên quan đến phát triển và chuyển giao công nghệ, bao gồm:

(i) Việc triển khai ba dịch vụ cốt lõi: đáp ứng nhu cầu từ các quốc gia đang phát triển; thúc đẩy sự hợp tác và chia sẻ thông tin; củng cố các mạng lưới, quan hệ đối tác và tăng cường năng lực;

(ii) Sắp xếp thể chế;

(c) Sự hợp tác giữa TEC và CTCN, và mối liên kết giữa các cơ quan này với các thể chế thuộc Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;

(d) Công việc đánh giá nhu cầu công nghệ và triển khai kế hoạch hành động về công nghệ để hỗ trợ triển khai Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trong các vấn đề liên quan đến phát triển và chuyển giao công nghệ.

B. Tính toàn diện của hỗ trợ được cung cấp bởi Cơ chế Công nghệ

4. Về tính toàn diện của sự hỗ trợ được cung cấp cho Cơ chế Công nghệ⁴ nhằm hỗ trợ triển khai Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trong các vấn đề liên quan đến phát triển và chuyển giao công nghệ, trong phạm vi cho phép bao gồm, nhưng không giới hạn, việc đánh giá bao gồm:

(a) Người nhận hỗ trợ đã được cung cấp:

(i) TEC;

(ii) CTCN, bao gồm các tổ chức quốc gia được chỉ định;

(b) Nguồn hỗ trợ được cung cấp;

(c) Loại hỗ trợ được cung cấp;

(d) Cách thức hỗ trợ được cung cấp đã được sử dụng, xét đến các giai đoạn khác nhau của chu kỳ công nghệ:

(i) Hành động về giảm nhẹ;

(ii) Hành động về thích ứng;

(iii) Hành động đa ngành;

(e) Mức hỗ trợ được cung cấp và sự thay đổi theo thời gian;

(f) Mức độ hỗ trợ đã đáp ứng được ngân sách và kế hoạch của Cơ chế Công nghệ.

II. Phương thức

5. Phạm vi và phương thức đánh giá định kỳ về tính hiệu quả và toàn diện của hỗ trợ cung cấp bởi Cơ chế Công nghệ phải tuân thủ theo các thông lệ quốc tế tốt nhất để thực hiện đánh giá. Những thông lệ tốt nhất này bao gồm năm loại tiêu chí đánh giá sau: mức độ phù hợp, hiệu quả, năng suất, tác động và tính bền vững.

⁴ Phù hợp với quyết định 2/CP.17, khoản 139–141.

6. Việc đánh giá định kỳ được thực hiện bởi Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu (CMA). CMA sẽ:

- (a) Bắt đầu đánh giá định kỳ theo khoản 10 dưới đây;
- (b) Cung cấp hướng dẫn cho ban thư ký và yêu cầu chuẩn bị báo cáo giữa kỳ và cuối kỳ về việc đánh giá định kỳ;
- (c) Hoàn thành đánh giá định kỳ, với các kết quả đầu ra phù hợp với khoản 11 dưới đây.

7. Ban hỗ trợ Thực hiện (SBI) hỗ trợ CMA bằng cách thức:

- (a) Xem xét báo cáo giữa kỳ và cung cấp hướng dẫn cho ban thư ký để chuẩn bị báo cáo cuối kỳ. SBI thực hiện việc này trong kỳ họp đầu tiên vào năm sau khi CMA bắt đầu việc đánh giá;
- (b) Chuẩn bị các dự thảo đề xuất để CMA xem xét và thông qua, nếu phù hợp, dựa trên việc xem xét báo cáo cuối kỳ.

8. Việc đánh giá định kỳ sẽ vừa định tính vừa định lượng:

- (a) Các yếu tố định tính có thể bao gồm xem xét các báo cáo hiện có và thu thập thông tin từ các bên liên quan;
- (b) Các yếu tố định lượng có thể bao gồm việc thu thập thông tin và phân tích thống kê.

9. Các nguồn thông tin cho đánh giá định kỳ bao gồm, nhưng không giới hạn ở:

- (a) Khuôn khổ công nghệ;
- (b) Báo cáo chung hàng năm của TEC và CTCN đến CMA;
- (c) Các tài liệu và quy trình báo cáo khác của UNFCCC liên quan đến việc thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trong các vấn đề liên quan đến phát triển và chuyển giao công nghệ;
- (d) Thông tin được cung cấp bởi các bên;
- (e) Tài liệu và kết quả thu được từ các đánh giá độc lập của CTCN;
- (f) Các báo cáo liên quan của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu.

10. Đánh giá định kỳ:

- (a) Được thực hiện 5 năm một lần;
- (b) Hoàn thành trong vòng một năm hoặc ít hơn.

11. Các kết quả đầu ra của việc đánh giá định kỳ nếu phù hợp bao gồm:

- (a) Báo cáo đến CMA qua SBI;
- (b) Đề xuất của CMA về việc cập nhật khuôn khổ công nghệ.

*Hội nghị toàn thể lần thứ 26
Ngày 15, tháng 12, năm 2018*

Quyết định 17/CMA.1

Cách thức tăng cường triển khai hoạt động giáo dục, đào tạo, nâng cao nhận thức, sự tham gia và tiếp cận thông tin của cộng đồng để tăng cường các hành động thuộc Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu,

Căn cứ Điều 12 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu quy định các Bên sẽ hợp tác thực hiện các biện pháp, nếu phù hợp, nhằm tăng cường triển khai hoạt động giáo dục, đào tạo, nâng cao nhận thức, sự tham gia và tiếp cận thông tin của cộng đồng,

Tái khẳng định tầm quan trọng của các yếu tố thuộc Điều 6 của Công ước khung và thuộc Điều 12 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu nhằm triển khai mục tiêu của Công ước khung và Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu,

Ghi nhận vai trò chủ chốt của Hành động Trao quyền cho Khí hậu có thể thực hiện ở tất cả giai đoạn và cấp độ của việc triển khai Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu,

Căn cứ quyết định 15/CP.18, thiết lập chương trình công tác Doha cho Điều 6 và xác định các lĩnh vực và hoạt động để triển khai Điều 6 của Công ước khung,

Đồng thời căn cứ quyết định 17/CP.22, quyết định rằng các nỗ lực liên quan đến việc triển khai Điều 6 của Công ước khung sẽ được gọi là Hành động Trao quyền cho Khí hậu,

Ghi nhận rằng Hành động Trao quyền cho Khí hậu đóng một vai trò chủ chốt trong việc đẩy mạnh những thay đổi trong lối sống, thái độ và hành vi cần thiết để thúc đẩy phát triển bền vững, chống chịu với khí hậu và phát thải thấp,

Tái khẳng định vai trò chủ chốt của các bên liên quan, chính phủ quốc gia, các khu vực, thành phố, các tổ chức giáo dục và văn hóa, bảo tàng, khu vực tư nhân, tổ chức liên chính phủ, tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế, nhà hoạch định chính sách, nhà khoa học, truyền thông, giáo viên, thanh niên, phụ nữ và người bản địa đối với Hành động Trao quyền cho Khí hậu,

Ghi nhận tầm quan trọng của mối liên kết giữa các hoạt động được thực hiện để hỗ trợ Điều 6 của Công ước khung, Điều 12 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và các Mục tiêu phát triển bền vững,

1. *Quyết định* rằng những nỗ lực liên quan đến việc triển khai Điều 12 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu sẽ được gọi là Hành động Trao quyền cho Khí hậu;
2. *Kêu gọi* Hội nghị các Bên khi xem xét chương trình công tác Doha thuộc Điều 6 của Công ước khung theo quyết định 15/CP.18, sẽ bao gồm các nỗ lực liên quan đến việc triển khai Điều 12 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;
3. *Quyết định* rằng các đầu mối được đề cử theo Điều 6 của Công ước khung sẽ là đầu mối theo Điều 12 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và sẽ được gọi là đầu mối của Hành động Trao quyền cho Khí hậu trong Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;

4. *Khuyến khích* các Bên hoàn thành việc chỉ định đầu mối cho Hành động Trao quyền cho Khí hậu và cung cấp hỗ trợ về thể chế cần thiết cho các hoạt động của đầu mối, nếu phù hợp;
5. *Đồng thời khuyến khích* các Bên tiếp tục thúc đẩy việc lồng ghép có hệ thống vấn đề các hoạt động giáo dục, đào tạo, nâng cao nhận thức, sự tham gia và truy cập thông tin của cộng đồng theo hướng bình đẳng giới vào tất cả hoạt động về giảm nhẹ và thích ứng thuộc Công ước khung, cũng như Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, nếu phù hợp, bao gồm trong các quy trình thiết kế và triển khai các đóng góp do quốc gia tự quyết định, kế hoạch thích ứng quốc gia, chiến lược phát triển phát thải thấp dài hạn và chính sách khí hậu;
6. *Kêu gọi* các Bên xây dựng và triển khai các chiến lược quốc gia về Hành động Trao quyền cho Khí hậu liên quan đến Điều 12 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu phù hợp với hoàn cảnh quốc gia;
7. *Đồng thời kêu gọi* các Bên và các bên liên quan xem xét các hoạt động liên quan để thúc đẩy Hành động Trao quyền cho Khí hậu, đề cập trong các báo cáo tại Hội thảo Hành động Trao quyền cho Khí hậu¹ được tổ chức tại phần đầu tiên của phiên họp thứ bốn mươi tám của Ban hỗ trợ Triển khai và diễn đàn thanh niên Hành động Trao quyền cho Khí hậu,² khi xây dựng và triển khai Hành động Trao quyền cho Khí hậu, có xem xét đến hoàn cảnh quốc gia;
8. *Khuyến khích* các Bên bao gồm thông tin về cách thức hoạt động giáo dục, đào tạo, nâng cao nhận thức, sự tham gia và truy cập thông tin của cộng đồng, hợp tác khu vực và quốc tế được xem xét trong quá trình chuẩn bị và triển khai hành động của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;
9. *Cần nhắc rằng* các Bên và bên có thể xem xét các hành động thúc đẩy hoạt động giáo dục, đào tạo, nâng cao nhận thức, sự tham gia và truy cập thông tin của cộng đồng, hợp tác khu vực và quốc tế theo Điều 14 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, nếu phù hợp;
10. *Khuyến khích* các Bên thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng và hợp tác với các chính quyền khu vực và địa phương, cộng đồng khoa học, trường đại học, khu vực tư nhân, tổ chức xã hội dân sự và thanh niên để mở rộng quy mô triển khai Hành động Trao quyền cho Khí hậu;
11. *Kêu gọi* các Bên, các tổ chức song phương và đa phương, khu vực tư nhân và các nguồn tiềm năng khác hỗ trợ các hoạt động liên quan đến triển khai Điều 12 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;
12. *Yêu cầu* ban thư ký:
 - (a) Tiếp tục phối hợp với các Bên và các tổ chức quốc tế để tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo và các hoạt động khác để trao đổi các thông lệ tốt để xây dựng và củng cố kỹ năng hiện có và năng lực của các đầu mối của Hành động Trao quyền cho Khí hậu, các bên liên quan;
 - (b) Tổ chức Đối thoại Hành động Trao quyền cho Khí hậu lần thứ 7 vào năm 2019 để thúc đẩy các cuộc thảo luận về đánh giá cuối cùng của chương trình công tác Doha và cách thức tăng cường triển khai các hoạt động giáo dục, đào tạo, nâng cao nhận thức, sự tham gia và truy cập thông tin của cộng đồng, hợp tác khu vực và quốc tế để tăng cường các hành động thuộc Điều 12 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;
 - (c) Tiếp tục tổ chức các chiến dịch nâng cao nhận thức và đào tạo nhằm trao quyền cho trẻ em và thanh niên để hỗ trợ và chủ trì các hành động vì khí hậu;
 - (d) Tiếp tục phối hợp với các Bên, bên liên quan, tổ chức khu vực và quốc tế nhằm thúc đẩy việc triển khai Điều 12 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;

¹ Xem <https://unfccc.int/sites/default/files/resource/Action%20for%20Climate%20Empowerment%20Workshop%20outcomes.pdf>.

² Xem https://unfccc.int/sites/default/files/resource/180505_Outcomes%20AYF%20-%20Final.pdf.

13. *Lưu ý* tác động ngân sách được ước tính cho các hoạt động của ban thư ký theo các quy định tại khoản 12 nêu trên.
14. *Yêu cầu* các hoạt động của ban thư ký được yêu cầu tại quyết định này sẽ được thực hiện tùy thuộc vào sự sẵn có của các nguồn lực tài chính.

*Hội nghị toàn thể lần thứ 26
Ngày 15, tháng 12, năm 2018*

Quyết định 18/CMA.1

Phương thức, thủ tục và hướng dẫn cho khung minh bạch cho hành động và hỗ trợ đề cập tại Điều 13 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu,

Căn cứ Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu được Công ước khung thông qua, cụ thể tại Điều 2, khoản 2, và Điều 13, bao gồm khoản 1, 14 và 15,

Đồng thời căn cứ quyết định 1/CP.21,

Ghi nhận rằng Sáng kiến Tăng cường năng lực cho tính minh bạch được thiết lập theo quyết định 1/CP.21, khoản 84, sẽ tiếp tục hỗ trợ các Bên là các quốc gia đang phát triển, theo yêu cầu, để tăng cường năng lực thể chế và kỹ thuật, trước và sau năm 2020.

Đồng thời ghi nhận sự linh hoạt đối với các Bên là các quốc gia đang phát triển tùy theo năng lực sẽ được thể hiện trong các phương thức, thủ tục và hướng dẫn về tính minh bạch của hành động và hỗ trợ,

1. *Thông qua*, theo Điều 13, khoản 13 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, các phương thức, thủ tục và hướng dẫn cho khung minh bạch của hành động và hỗ trợ (sau đây được gọi là các phương thức, thủ tục và hướng dẫn) như trong phụ lục;

2. *Yêu cầu* Ban hỗ trợ về Khoa học và Công nghệ thực hiện đánh giá lần thứ nhất và cập nhật các phương thức, thủ tục và hướng dẫn trước năm 2028 trên cơ sở kinh nghiệm từ các báo cáo, đánh giá của chuyên gia kỹ thuật và đánh giá đa phương về tiến độ, và *quyết định* rằng các đánh giá, cập nhật tiếp theo sẽ được thực hiện khi Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu quyết định;

3. *Quyết định* các Bên sẽ đệ trình báo cáo minh bạch hai năm một lần và báo cáo kiểm kê khí nhà kính quốc gia, nếu đệ trình dưới dạng báo cáo độc lập, theo các phương thức, thủ tục và hướng dẫn, chậm nhất vào ngày 31, tháng 12 năm 2024;

4. *Đồng thời quyết định* rằng các Bên là các quốc gia kém phát triển và các Quốc đảo nhỏ đang phát triển có thể đệ trình thông tin đề cập tại Điều 13, khoản 7, 8, 9 và 10 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên cơ sở tự nguyện;

5. *Kêu gọi* các Bên và, nếu phù hợp, các tổ chức liên chính phủ đề cử các chuyên gia kỹ thuật với trình độ chuyên môn phù hợp vào danh sách các chuyên gia của UNFCCC đề cập tại Chương VII.I của phụ lục;

6. *Yêu cầu* ban thư ký, ngoài các hành động được nêu cụ thể trong các phương thức, thủ tục và hướng dẫn, sẽ:

(a) Xây dựng các báo cáo tổng hợp về báo cáo minh bạch hai năm một lần và báo cáo kiểm kê khí nhà kính của các Bên;

(b) Xây dựng báo cáo thường niên về đánh giá của chuyên gia kỹ thuật;

(c) Xuất bản các báo cáo minh bạch hai năm một lần và báo cáo kiểm kê khí nhà kính của các Bên, nếu đệ trình dưới dạng báo cáo độc lập, các báo cáo về đánh giá của chuyên gia kỹ thuật, hồ sơ về việc đánh giá đa phương về tiến độ của các Bên trên website của UNFCCC;

7. *Căn cứ* theo Điều 13, khoản 14 và 15 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, hỗ trợ sẽ được cung cấp cho các Bên là các quốc gia đang phát triển để triển khai Điều 13 và tăng cường năng lực về tính minh bạch cho các Bên là các quốc gia đang phát triển một cách liên tục;

8. *Thúc giục và yêu cầu* Quỹ Môi trường Toàn cầu, với tư cách là cơ quan trực thuộc Cơ chế Tài chính, trong các quy trình bổ sung, sẽ hỗ trợ các Bên là các quốc gia đang phát triển để xây dựng báo cáo minh bạch hai năm một lần lần thứ nhất và tiếp theo;
9. *Khuyến khích* Quỹ Môi trường Toàn cầu xem xét các lựa chọn để nâng cao hiệu quả của quá trình cung cấp hỗ trợ cho việc báo cáo thuộc Điều 13 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, đặc biệt để giải quyết những thách thức trong quá trình đăng ký, bao gồm việc cung cấp khả năng đăng ký hỗ trợ cho nhiều hơn một báo cáo trong một hồ sơ đăng ký trong mỗi kỳ bổ sung;
10. *Thúc giục* Quỹ Môi trường Toàn cầu và các cơ quan triển khai, điều hành của Quỹ và *khuyến khích* Hội đồng Quỹ Môi trường Toàn cầu xem xét các lựa chọn tăng cường hiệu quả của quá trình cung cấp hỗ trợ cho việc báo cáo thuộc Điều 13 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, bao gồm việc hợp lý hóa các quá trình liên quan đến các hồ sơ đăng ký, kế hoạch triển khai và ký kết thỏa thuận tài trợ;
11. *Yêu cầu* Quỹ Môi trường Toàn cầu tiếp tục hỗ trợ hoạt động của Sáng kiến Tăng cường năng lực về tính minh bạch như một nhu cầu ưu tiên về việc báo cáo;
12. *Đồng thời yêu cầu* Ban hỗ trợ về Khoa học và Công nghệ xây dựng theo các phương thức, thủ tục và hướng dẫn, để Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu xem xét và thông qua tại phiên họp thứ ba (tháng 11, 2020):
- (a) Các bảng báo cáo chung cho báo cáo điện tử của thông tin đề cập tại chương II, và mẫu bảng chung cho việc báo cáo điện tử của thông tin đề cập tại chương III, V và VI của phụ lục, có xem xét đến các mẫu, bảng báo cáo chung hiện có;
 - (b) Khung báo cáo minh bạch hai năm một lần, tài liệu kiểm kê khí nhà kính quốc gia và báo cáo đánh giá của chuyên gia kỹ thuật theo các phương thức, thủ tục và hướng dẫn có trong phụ lục;
 - (c) Chương trình đào tạo cho các chuyên gia kỹ thuật tham gia đánh giá chuyên gia kỹ thuật;
13. *Kêu gọi* các Bên đệ trình quan điểm về công việc đề cập tại khoản 12 thông qua cổng thông tin¹ trước ngày 31, tháng 3 năm 2019;
14. *Lưu ý* quyết định 1/CP.24, khoản 45 và 46, trong đó Hội nghị các Bên đã quyết định rằng phụ lục kỹ thuật đề cập tại quyết định 14/CP.19, khoản 7, bao gồm các phương thức đo lường, báo cáo và xác minh các hoạt động đề cập tại quyết định 1/CP.16, khoản 70, sẽ được đệ trình như một phụ lục của báo cáo minh bạch hai năm một lần được các Bên đệ trình thuộc Điều 13 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, và phân tích kỹ thuật đề cập tại quyết định 14/CP.19, khoản 11, sẽ được thực hiện đồng thời với việc đánh giá của chuyên gia kỹ thuật thuộc Điều 13 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;
15. *Quyết định* rằng, phụ thuộc vào việc gia hạn nhiệm kỳ bởi Hội nghị các Bên đề cập tại quyết định 11/CP.24, khoản 1, Nhóm Chuyên gia Tư vấn được đề cập trong đó cũng sẽ phục vụ Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, từ ngày 1 tháng 1 năm 2019, hỗ trợ triển khai khung minh bạch tăng cường thuộc Điều 13 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu:
- (a) Tạo điều kiện cho việc tư vấn kỹ thuật và hỗ trợ các Bên là các quốc gia đang phát triển, nếu phù hợp, bao gồm việc chuẩn bị và đệ trình các báo cáo minh bạch hai năm một lần và cải thiện việc báo cáo theo thời gian;
 - (b) Cung cấp tư vấn kỹ thuật cho ban thư ký về việc triển khai đào tạo các nhóm chuyên gia đánh giá đề cập tại khoản 12(c) nêu trên;
16. *Yêu cầu* các hoạt động của ban thư ký được yêu cầu tại quyết định này sẽ được thực hiện tùy thuộc vào sự sẵn có của các nguồn lực tài chính.

¹ https://unfccc.int/submissions_and_statements.

Phụ lục

Phương thức, thủ tục và hướng dẫn cho khung minh bạch cho hành động và hỗ trợ đề cập tại Điều 13 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

I. Mở đầu

A. Mục đích

1. Theo Điều 13, khoản 5 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, mục đích của khung minh bạch của hành động là cung cấp hiểu biết rõ ràng về hành động biến đổi khí hậu dựa trên mục tiêu của Công ước khung được xác định tại Điều 2 của Công ước khung, bao gồm sự rõ ràng và giám sát tiến độ đã đạt được thực hiện đóng góp do quốc gia tự quyết định của các Bên theo Điều 4, các hành động về thích ứng theo Điều 7, bao gồm các thông lệ tốt, ưu tiên, nhu cầu và thiếu sót để cung cấp thông tin cho việc đánh giá nỗ lực toàn cầu theo Điều 14.
2. Theo Điều 13, khoản 6 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, mục đích của khung minh bạch về hỗ trợ là cung cấp tính rõ ràng về các hỗ trợ đã được cung cấp và nhận được bởi các Bên liên quan cho các hành động biến đổi khí hậu theo Điều 4, 7, 9, 10 và 11, và nếu có thể, cung cấp đánh giá tổng quan về tổng lượng hỗ trợ tài chính đã được cung cấp, để cung cấp thông tin cho việc đánh giá nỗ lực toàn cầu theo Điều 14.

B. Nguyên tắc hướng dẫn

3. Các nguyên tắc hướng dẫn của các phương thức, thủ tục và hướng dẫn (MPGs) bao gồm:
 - (a) Xây dựng và tăng cường các thỏa thuận về minh bạch thuộc Công ước khung, ghi nhận hoàn cảnh đặc biệt của các quốc gia kém phát triển (LDCs) và các Quốc đảo nhỏ đang phát triển (SIDS), và triển khai khung minh bạch theo hướng tạo điều kiện thuận lợi, không xâm phạm, không trừng phạt, tôn trọng chủ quyền quốc gia và tránh tạo gánh nặng cho các Bên;
 - (b) Tầm quan trọng của việc hỗ trợ cải thiện việc báo cáo và tính minh bạch theo thời gian;
 - (c) Cung cấp tính linh hoạt cho các Bên là các quốc gia đang phát triển tùy theo năng lực;
 - (d) Thúc đẩy tính minh bạch, chính xác, toàn diện, nhất quán và có thể so sánh;
 - (e) Tránh trùng lặp công việc và tạo gánh nặng cho các Bên và ban thư ký;
 - (f) Đảm bảo các Bên duy trì tần suất và khối lượng báo cáo theo nghĩa vụ thuộc Công ước khung;
 - (g) Tránh sự trùng lặp trong tính toán;
 - (h) Đảm bảo tính toàn vẹn của môi trường.

C. Tính linh hoạt cho các Bên là các quốc gia đang phát triển tùy theo năng lực

4. Theo Điều 13, khoản 2 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, khung minh bạch tăng cường sẽ cung cấp tính linh hoạt trong triển khai các quy định của Điều 13 cho các Bên là các quốc gia đang phát triển tùy theo năng lực, và các MPGs sẽ phản ánh tính linh hoạt này.

5. Các MPG nêu rõ tính linh hoạt cho các Bên là các quốc gia đang phát triển tùy theo năng lực tuân thủ Điều 13, khoản 2, bao gồm phạm vi, tần suất và mức độ chi tiết của việc báo cáo, phạm vi của việc đánh giá đề cập tại quyết định 1/CP.21, khoản 89.

6. Việc áp dụng tính linh hoạt được quy định trong các MPG cho các Bên là các quốc gia đang phát triển tùy theo năng lực sẽ được tự quyết định. Bên là quốc gia đang phát triển sẽ nêu rõ điều khoản mà tính linh hoạt được áp dụng, làm rõ một cách ngắn gọn những hạn chế về năng lực, lưu ý rằng một số hạn chế có thể liên quan đến nhiều điều khoản, tự ước tính khung thời gian cho việc cải thiện các hạn chế này. Khi Bên là quốc gia đang phát triển áp dụng tính linh hoạt được quy định trong các MPG, các nhóm chuyên gia đánh giá kỹ thuật sẽ không đánh giá việc một Bên lựa chọn áp dụng tính linh hoạt hoặc nếu Bên đó có đủ năng lực triển khai mà không cần có tính linh hoạt.

D. Tạo điều kiện cải thiện việc báo cáo và tính minh bạch theo thời gian

7. Để tạo điều kiện cho việc cải thiện liên tục, mỗi Bên, trong điều kiện cho phép, sẽ xác định, thường xuyên cập nhật và đưa vào báo cáo minh bạch cập nhật hai năm một lần các thông tin về lĩnh vực được cải thiện liên quan đến việc báo cáo theo Chương II, III, IV, V và VI của các MPG, bao gồm:

(a) Các lĩnh vực cải thiện được xác định bởi một Bên và nhóm chuyên gia đánh giá kỹ thuật liên quan đến việc triển khai Điều 13 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;

(b) Cách thức một Bên giải quyết hoặc dự định giải quyết các lĩnh vực cần cải thiện đề cập tại khoản 7(a) nêu trên, nếu phù hợp;

(c) Các Bên là các quốc gia đang phát triển cần áp dụng tính linh hoạt theo năng lực được khuyến khích nêu rõ các lĩnh vực cần cải thiện liên quan đến điều khoản về tính linh hoạt được áp dụng;

(d) Xác định nhu cầu tăng cường năng lực liên quan đến việc báo cáo, bao gồm các nhu cầu đề cập tại khoản 6 nêu trên, và các tiến độ đã đạt được, bao gồm các nhu cầu đã được xác định trước đây trong đánh giá kỹ thuật của chuyên gia đề cập tại chương VII dưới đây.

8. Kế hoạch và ưu tiên quốc gia của các Bên nhằm cải thiện việc báo cáo theo khoản 7 nêu trên sẽ không yêu cầu đánh giá kỹ thuật, nhưng thông tin có thể cung cấp cho các thảo luận về lĩnh vực cần cải thiện và xác định nhu cầu tăng cường năng lực giữa các Bên và nhóm chuyên gia đánh giá kỹ thuật.

9. Theo Điều 13, khoản 14 và 15 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, hỗ trợ sẽ được cung cấp cho các Bên là các quốc gia đang phát triển để triển khai Điều 13 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và liên tục tăng cường năng lực về tính minh bạch của các Bên là các quốc gia đang phát triển.

E. Mẫu báo cáo

10. Trong báo cáo minh bạch hai năm một lần;

(a) Mỗi Bên sẽ cung cấp báo cáo kiểm kê khí nhà kính theo nguồn phát thải và hấp thụ khí nhà kính (GHGs), theo các MPG trong chương 2 dưới đây;

(b) Mỗi Bên sẽ cung cấp thông tin cần thiết để giám sát tiến độ triển khai và thực hiện NDCs thuộc Điều 4 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, tuân thủ các MPG trong chương III dưới đây;

(c) Mỗi Bên sẽ cung cấp thông tin về tác động và thích ứng với biến đổi khí hậu theo Điều 7 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, tuân thủ các MPG trong chương IV dưới đây;

(d) Các Bên là các quốc gia phát triển sẽ cung cấp thông tin theo Điều 13, khoản 9, tuân thủ các MPGs trong chương IV dưới đây. Các Bên khác cung cấp hỗ trợ được khuyến khích cung cấp thông tin sử dụng các MGPs trong chương V dưới đây;

(e) Các Bên là các quốc gia đang phát triển sẽ cung cấp thông tin về nhu cầu và hỗ trợ nhận được về tài chính, chuyển giao công nghệ và tăng cường năng lực thuộc Điều 9, 10 và 11 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu tuân thủ các MPGs trong chương IV dưới đây;

11. Trên cơ sở tự nguyện, các LDC và SIDS có thể đệ trình thông tin đề cập thông tin đề cập tại khoản 10 nêu trên.

12. Báo cáo kiểm kê khí nhà kính quốc gia đề cập tại khoản 10 nêu trên có thể được đệ trình như một báo cáo độc lập hoặc một phần của báo cáo minh bạch hai năm một lần.

13. Nếu một Bên đệ trình thông báo về thích ứng như một phần của báo cáo minh bạch hai năm một lần, thì Bên đó sẽ xác định rõ ràng phần nào của báo cáo là thông báo về thích ứng.

14. Khi báo cáo thông tin liên quan đến tác động và thích ứng với biến đổi khí hậu thuộc Điều 7 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu đề cập tại 10(c) nêu trên, mỗi Bên có thể tham khảo chéo thông tin đã báo cáo trước đó và tập trung việc báo cáo vào các cập nhật đối với thông tin đã báo cáo trước đó.

15. Mỗi Bên có thể chuyển báo cáo minh bạch hai năm một lần và báo cáo kiểm kê khí nhà kính nếu đệ trình như một báo cáo độc lập thông qua công đăng ký trực tuyến do ban thư ký điều hành. Ban thư ký sẽ đăng tải các báo cáo trên website của UNFCCC.

16. Mỗi Bên sẽ đệ trình các báo cáo đề cập tại khoản 10 và 12 nêu trên bằng một trong những ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc.

II. Báo cáo kiểm kê khí nhà kính theo nguồn phát thải và hấp thụ khí nhà kính

A. Các định nghĩa

17. Các định nghĩa về nguyên tắc kiểm kê khí nhà kính sẽ được cung cấp trong Hướng dẫn về Kiểm kê Khí nhà kính 2006 của Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi khí hậu (Ủy ban liên chính phủ về Biến đổi khí hậu) (sau đây được gọi là Hướng dẫn của IPCC 2006), tập 1, chương 1, phần 1.4.

B. Hoàn cảnh quốc gia và sắp xếp thể chế

18. Mỗi Bên sẽ triển khai và duy trì các sự sắp xếp cấp quốc gia về kiểm kê khí nhà kính, bao gồm thể chế, pháp lý và thủ tục để tiếp tục ước tính, tổng hợp và báo cáo kịp thời các báo cáo kiểm kê khí nhà kính tuân thủ các MPGs. Các sắp xếp cấp quốc gia về kiểm kê khí nhà kính có thể thay đổi tùy theo các Bên tùy theo hoàn cảnh và lựa chọn của quốc gia, và có thể thay đổi theo thời gian.

19. Mỗi Bên sẽ báo cáo về các chức năng liên quan đến việc lên kế hoạch, chuẩn bị và quản lý việc kiểm kê như dưới đây:

(a) Cơ quan và đầu mối quốc gia phụ trách vấn đề kiểm kê;

(b) Quá trình chuẩn bị kiểm kê, bao gồm việc phân chia trách nhiệm cụ thể của các tổ chức tham gia quá trình để đảm bảo việc thu thập đầy đủ dữ liệu, lựa chọn và xây dựng phương pháp, hệ số phát thải và các tham số khác tuân theo hướng dẫn của IPCC đề cập tại khoản 20 dưới đây và các MPGs;

(c) Lưu trữ tất cả các thông tin thu thập được cho chuỗi thời gian được báo cáo, bao gồm tất cả các hệ số phát thải và số liệu hoạt động, các tài liệu về việc tạo và tổng hợp dữ liệu, bao gồm quản lý/kiểm soát chất lượng (QA/QC), kết quả đánh giá và kế hoạch cải thiện hệ thống kiểm kê;

(d) Quy trình chính thức về việc xem xét và thông qua kết quả kiểm kê.

C. Các phương pháp

1. Các phương pháp luận, tham số và dữ liệu

20. Mỗi Bên sẽ sử dụng hướng dẫn IPCC 2006, và các bản cập nhật, cải thiện tiếp theo của hướng dẫn của IPCC được Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu (CMA) thông qua. Mỗi bên được khuyến khích sử dụng *Bản bổ sung năm 2013 cho Hướng dẫn IPCC 2006 về kiểm kê khí nhà kính quốc gia: Đất ngập nước*.

21. Mỗi Bên sẽ sử dụng phương pháp từ hướng dẫn của IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên. Mỗi Bên sẽ nỗ lực sử dụng một phương pháp được khuyến khích (cấp bậc) cho các lĩnh vực chính theo hướng dẫn của IPCC.

22. Mỗi Bên sẽ sử dụng phương pháp luận phù hợp với hoàn cảnh quốc gia, nếu có thể, phản ánh tốt hơn hoàn cảnh quốc gia và phù hợp với hướng dẫn của IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên. Trong trường hợp này, các Bên sẽ giải thích về phương pháp, dữ liệu và/hoặc tham số được lựa chọn.

23. Các Bên có thể không áp dụng phương pháp cấp cao hơn cho một lĩnh vực chính do thiếu nguồn lực. Trong trường hợp này, các Bên có thể sử dụng hướng tiếp cận cấp 1 và nêu rõ lý do sự lựa chọn phương pháp luận không phù hợp với khung hướng dẫn của IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên. Các Bên phải ưu tiên cải thiện trong tương lai các lĩnh vực chính mà chưa thể áp dụng phương pháp thực hành tốt được nêu trong hướng dẫn của IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên.

24. Mỗi Bên được khuyến khích sử dụng hệ số phát thải và số liệu hoạt động theo khu vực và quốc gia cụ thể, nếu phù hợp, hoặc đề xuất các kế hoạch xây dựng, theo các thực hành tốt trong hướng dẫn của IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên.

2. Phân tích các lĩnh vực chính

25. Mỗi Bên sẽ xác định các lĩnh vực chính cho năm bắt đầu và năm báo cáo gần nhất đề cập tại chương II.E.3 dưới đây, bao gồm và loại trừ lĩnh vực sử dụng đất, chuyển đổi sử dụng đất và lâm nghiệp (LULUCF), sử dụng hướng tiếp cận 1, cho cả đánh giá mức độ và xu hướng bằng cách triển khai phân tích lĩnh vực chính theo hướng dẫn của IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên; các Bên là các quốc gia đang phát triển cần tính linh hoạt tùy theo năng lực sẽ xác định các lĩnh vực chính sử dụng ngưỡng không thấp hơn 85% thay vì ngưỡng 95% được xác định trong hướng dẫn của IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên, cho phép việc tập trung vào ít lĩnh vực hơn và tận dụng các nguồn tài nguyên.

3. Tính nhất quán và tính toán lại theo chuỗi thời gian

26. Để đảm bảo tính nhất quán theo chuỗi thời gian, các Bên sẽ sử dụng thống nhất các phương pháp và hướng tiếp cận đối với các dữ liệu hoạt động và hệ số phát thải cho các năm báo cáo.

27. Mỗi Bên nên sử dụng dữ liệu thay thế, phép ngoại suy, phép nội suy và các phương pháp phù hợp với kỹ thuật nói có trong hướng dẫn của IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên để ước tính giá trị phát thải còn thiếu do thiếu dữ liệu hoạt động, hệ số phát thải hoặc các tham số khác để đảm bảo tính nhất quán theo chuỗi thời gian.

28. Mỗi Bên sẽ thực hiện tính toán lại theo hướng dẫn của IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên, đảm bảo không có các thay đổi về xu hướng phát thải do sự thay đổi trong phương pháp và giá định trong chuỗi thời gian.

4. Đánh giá tính không chắc chắn

29. Mỗi Bên sẽ ước tính định lượng và định tính về mức độ không chắc chắn của ước tính phát thải và hấp thụ của tất cả các nguồn phát thải và bể hấp thụ, bao gồm tổng lượng kiểm kê khí nhà kính, cho ít nhất là năm bắt đầu và năm báo cáo gần nhất của chuỗi thời gian kiểm kê đề cập tại khoản 57 và 58 dưới đây. Mỗi Bên sẽ ước tính mức độ không chắc chắn theo xu hướng đối với ước tính phát thải và hấp thụ của tất cả các nguồn phát thải và hấp thụ, bao gồm tổng lượng kiểm kê khí nhà kính, giữa năm bắt đầu và năm báo cáo mới nhất của chuỗi thời gian kiểm kê đề cập tại khoản 57 và 58 dưới đây, sử dụng ít nhất là cách tiếp cận 1, như được cung cấp trong các hướng dẫn của IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên; các Bên là các quốc gia đang phát triển cần áp dụng tính linh hoạt tùy theo năng lực sẽ cung cấp, ít nhất, thảo luận định tính về mức độ không chắc chắn cho các lĩnh vực chính, sử dụng hướng dẫn của IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên, nếu dữ liệu đầu vào định lượng không có sẵn để ước tính mức độ không chắc chắn, được khuyến khích ước tính mức độ không chắc chắn cho tất cả nguồn phát thải và bể hấp thụ khí nhà kính.

5. Đánh giá mức độ hoàn thiện

30. Mỗi Bên sẽ xác định nguồn phát thải và hấp thụ (lĩnh vực, bể chứa và khí) không được xem xét trong báo cáo kiểm kê khí nhà kính quốc gia nhưng hướng dẫn của IPCC có bao gồm phương pháp ước tính và giải thích về lý do không được xem xét.

31. Mỗi Bên sẽ sử dụng các ký hiệu trong trường hợp không có dữ liệu số khi hoàn thành các bảng báo cáo chung, nêu lý do nguồn phát thải, hấp thụ và các dữ liệu liên quan cho lĩnh vực, tiểu lĩnh vực không được báo cáo. Các ký hiệu này bao gồm:

(a) “NO” (không xảy ra) cho các lĩnh vực và quá trình, bao gồm hoạt động thu hồi thuộc một nguồn hoặc bể chứa không xảy ra trong lãnh thổ của Bên đó;

(b) “NE” (không ước tính) cho dữ liệu hoạt động và/hoặc phát thải từ nguồn và hấp thụ từ bể chứa khí nhà kính chưa được ước tính nhưng hoạt động xảy ra trong lãnh thổ của Bên đó;

(c) “NA” (không áp dụng) cho các hoạt động thuộc một loại nguồn/bể chứa xảy ra trong lãnh thổ của Bên đó tuy nhiên không phát thải hoặc hấp thụ một loại khí cụ thể;

(d) “IE” (bao gồm ở những nơi khác) cho các nguồn phát thải và bể hấp thụ khí nhà kính được bao gồm tại các phần khác của báo cáo kiểm kê;

(e) “C” (tuyệt mật) cho các nguồn phát thải và bể hấp thụ khí nhà kính trong đó việc báo cáo liên quan đến tiết lộ thông tin tuyệt mật.

32. Mỗi Bên có thể sử dụng ký hiệu “NE” (không ước tính) khi ước tính là không đáng kể về mức độ theo các tiêu chí sau: phát thải từ một lĩnh vực chỉ nên được coi là không đáng kể nếu mức phát thải có khả năng thấp hơn 0,05 phần trăm của tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia, loại trừ LULUCF, hoặc 500 kt CO₂ tương đương (kt CO₂ eq), sử dụng mức thấp hơn. Tổng lượng phát thải ước tính của quốc gia đối với tất cả các loại khí được coi là không đáng kể sẽ duy trì ở mức dưới 0,1 phần trăm của tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia, loại trừ LULUCF. Các Bên sẽ sử dụng dữ liệu hoạt động và hệ số phát thải mặc định của IPCC để ước tính mức phát thải khí nhà kính của các lĩnh vực này. Các Bên là các quốc gia đang phát triển cần áp dụng tính linh hoạt tùy theo năng lực đối với quy định này có thể xem xét mức độ phát thải là không đáng kể nếu mức phát thải có khả năng thấp hơn 0,1 phần trăm của tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia loại trừ LULUCF, hoặc 1,000 kt CO₂ tương đương, sử dụng mức thấp hơn. Tổng lượng phát thải ước tính của quốc gia đối với tất cả các loại khí được coi là không đáng kể sẽ duy trì ở mức dưới 0,2 phần trăm tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia, loại trừ LULUCF.

33. Khi lượng phát thải hoặc hấp thụ đã được ước tính cho một lĩnh vực và nếu tiếp tục xảy ra, các Bên sẽ phải báo cáo trong các lần đệ trình tiếp theo.

6. Quản lý/ kiểm soát chất lượng

34. Mỗi Bên sẽ xây dựng kế hoạch quản lý/kiểm soát chất lượng theo hướng dẫn IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên; bao gồm thông tin về cơ quan kiểm kê chịu trách nhiệm triển khai QA/QC; các Bên là các quốc gia đang phát triển cần áp dụng tính linh hoạt tùy theo năng lực đối với quy định này, được khuyến khích xây dựng kế hoạch QA/QC việc kiểm kê theo hướng dẫn IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên, bao gồm thông tin về cơ quan kiểm kê chịu trách nhiệm triển khai QA/QC.

35. Mỗi Bên sẽ triển khai và cung cấp thông tin về thủ tục QC kiểm kê chung theo kế hoạch QC và hướng dẫn của IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên; các Bên là các quốc gia đang phát triển cần áp dụng tính linh hoạt tùy theo năng lực đối với quy định này, được khuyến khích triển khai và cung cấp thông tin về thủ tục QC kiểm kê chung theo kế hoạch QA/QC và hướng dẫn của IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên. Ngoài ra, các Bên sẽ áp dụng thủ tục QC theo lĩnh vực cụ thể theo hướng dẫn của IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên cho các lĩnh vực chính và những lĩnh vực riêng lẻ mà đã có sự thay đổi đáng kể về phương pháp luận và/hoặc sửa đổi dữ liệu. Ngoài ra, các Bên sẽ triển khai các thủ tục QA thông qua rà soát của chuyên gia kỹ thuật về kiểm kê khí nhà kính theo hướng dẫn của IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên.

36. Mỗi Bên sẽ so sánh ước tính lượng phát thải khí CO₂ quốc gia từ việc đốt nhiên liệu với ước tính sử dụng cách tiếp cận tham chiếu, như trong hướng dẫn của IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên, và báo cáo kết quả của việc so sánh trong báo cáo kiểm kê khí nhà kính quốc gia.

D. Đơn vị đo lường

37. Các Bên sẽ sử dụng giá trị tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP) từ Báo cáo Đánh giá lần thứ năm của IPCC được CMA thông qua, để báo cáo tổng hợp phát thải và hấp thụ khí nhà kính, biểu thị ở đơn vị CO₂đ. Các bên có thể sử dụng các đơn vị đo lường khác (ví dụ như tiềm năng nhiệt độ toàn cầu) để báo cáo thông tin bổ sung về tổng lượng phát thải và hấp thụ khí nhà kính, biểu thị bằng CO₂đ. Trong trường hợp này, các Bên sẽ cung cấp thông tin trong tài liệu về kiểm kê khí nhà kính quốc gia về giá trị của đơn vị đo lường và nguồn trích dẫn từ báo cáo đánh giá của IPCC.

E. Hướng dẫn báo cáo

38. Theo Điều 13, khoản 7(a) của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, các Bên phải cung cấp báo cáo kiểm kê khí nhà kính theo nguồn phát thải và bể hấp thụ. Báo cáo kiểm kê khí nhà kính bao gồm tài liệu kiểm kê quốc gia và các bảng báo cáo chung. Mỗi Bên sẽ báo cáo thông tin đề cập tại khoản 39–46 dưới đây, ghi nhận tính linh hoạt được áp dụng cho các Bên là các quốc gia đang phát triển tùy theo năng lực.

1. Thông tin về các phương pháp và yếu tố liên ngành

39. Mỗi Bên sẽ báo cáo phương pháp được sử dụng, bao gồm cơ sở lý luận cho việc lựa chọn phương pháp, phù hợp với thông lệ tốt được nêu trong hướng dẫn của IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên, với các mô tả, giá định, tài liệu tham khảo và nguồn thông tin được sử dụng cho các hệ số phát thải và số liệu hoạt động được sử dụng để tổng hợp báo cáo.

40. Mỗi Bên sẽ cung cấp thông tin về lĩnh vực và khí, phương pháp luận, hệ số phát thải và số liệu hoạt động được sử dụng ở mức phân tách nhất, trong phạm vi cho phép, theo hướng dẫn của IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên, bao gồm các tham chiếu dữ liệu liên quan đối với các ước tính phát thải và hấp thụ cho lĩnh vực và khí cụ thể của quốc gia không nằm trong hướng dẫn của IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên.

41. Mỗi Bên sẽ mô tả các lĩnh vực chính, bao gồm thông tin về hướng tiếp cận được sử dụng để xác định, thông tin về mức độ phân tách được sử dụng theo khoản 25 nêu trên.
42. Mỗi Bên sẽ báo cáo các tỷ lệ đóng góp riêng và tích lũy đối với các lĩnh vực chính, bao gồm mức độ và xu hướng, theo hướng dẫn của IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên và các quy định đề cập tại khoản 25 nêu trên.
43. Mỗi Bên sẽ báo cáo việc tính toán lại cho năm bắt đầu đề cập tại khoản 57 và 58 dưới đây và các năm tiếp theo của chuỗi thời gian kiểm kê, cùng với thông tin giải thích và lý luận cho việc tính toán lại, chỉ ra các thay đổi liên quan và tác động với xu hướng phát thải, theo khoản 26-28 nêu trên.
44. Mỗi Bên sẽ báo cáo kết quả phân tích tính không chắc chắn cùng với phương pháp sử dụng, giả định, nếu có, và các xu hướng, ít nhất cho năm bắt đầu và năm báo cáo mới nhất của chuỗi thời gian kiểm kê đề cập tại khoản 57 và 58 dưới đây, theo khoản 29 nêu trên.
45. Mỗi Bên sẽ báo cáo thông tin về lý do thiếu sự hoàn thiện, bao gồm thông tin về các thiếu sót trong dữ liệu và phương pháp luận theo khoản 30-33 nêu trên.
46. Mỗi Bên sẽ báo cáo kế hoạch và thông tin về quy trình QA/QC hiện đang được triển khai hoặc trong tương lai theo khoản 34-36 nêu trên.

2. Các lĩnh vực và loại khí

47. Mỗi Bên sẽ báo cáo ước tính phát thải và hấp thụ từ các lĩnh vực, loại khí, trừ lượng các-bon được xem xét trong kiểm kê khí nhà kính trong suốt giai đoạn báo cáo trên cơ sở từng khí theo đơn vị khối lượng ở mức phân tách nhất, theo hướng dẫn của IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên, sử dụng các bảng báo cáo chung, bao gồm tóm tắt mô tả và số liệu về xu hướng phát thải, phát thải theo nguồn được liệt kê riêng với bề hấp thụ, trừ trường hợp không thể tách biệt thông tin về mặt kỹ thuật trong lĩnh vực LULUCF, do đảm bảo thông tin kinh doanh và bí mật quân sự.
48. Mỗi Bên sẽ báo cáo về bảy khí (CO_2 , methane (CH_4), nitrous oxide (N_2O), hydrofluorocarbons (HFCs), perfluorocarbons (PFCs), sulfur hexafluoride (SF_6) và nitrogen trifluoride (NF_3)); các Bên là các quốc gia đang phát triển cần áp dụng tính linh hoạt tùy theo năng lực đối với các quy định này có thể báo cáo ít nhất ba khí (CO_2 , CH_4 và N_2O) và các khí bổ sung (HFCs, PFCs, SF_6 và NF_3) bao gồm trong NDC của các Bên theo Điều 4 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, được đề cập trong hoạt động thuộc Điều 6 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, hoặc đã được báo cáo trước đây.
49. Mỗi Bên báo cáo về khí HFCs, PFCs, SF_6 và NF_3 sẽ báo cáo lượng phát thải thực tế của các khí, cung cấp dữ liệu phân tách theo hóa chất (ví dụ như HFC-134a) và lĩnh vực theo đơn vị khối lượng và CO_2id .
50. Mỗi Bên sẽ báo cáo các lĩnh vực sau: năng lượng, quy trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm, nông nghiệp, LULUCF và chất thải, theo hướng dẫn của IPCC tại khoản 20 nêu trên.
51. Mỗi Bên sẽ cung cấp thông tin về các khí sau đây: carbon monoxide (CO), nitrogen oxides và các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi không chứa methane (NMVOCs), cùng với sulfur oxides.
52. Mỗi Bên có thể báo cáo phát thải khí CO_2 gián tiếp từ quá trình oxy hóa CH_4 , CO và NMVOCs trong khí quyển. Đối với các Bên lựa chọn báo cáo phát thải khí CO_2 gián tiếp, tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia sẽ được thể hiện có và không có phát thải CO_2 gián tiếp. Mỗi Bên sẽ báo cáo phát thải khí N_2O gián tiếp từ các nguồn không phải từ lĩnh vực nông nghiệp và LULUCF trong mục bổ sung. Những ước tính về phát thải khí N_2O gián tiếp sẽ không tính trong tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia. Các Bên có thể cung cấp thông tin về các chất khác có tác động đến khí hậu.

53. Mỗi Bên sẽ báo cáo lượng phát thải nhiên liệu hàng không và hàng hải quốc tế dưới dạng hai mục riêng biệt và không bao gồm trong tổng lượng phát thải quốc gia mà báo cáo riêng biệt, nếu có sẵn dữ liệu phân tách, nỗ lực để áp dụng và báo cáo theo phương pháp trong hướng dẫn của IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên về phân tách phát thải nội địa và quốc tế.

54. Mỗi Bên sẽ chỉ rõ cách thức các nguyên liệu thô và sử dụng nhiên liệu phi năng lượng được tính toán trong kiểm kê, thuộc lĩnh vực năng lượng và các quá trình công nghiệp theo hướng dẫn của IPCC đề cập tại khoản 20 nêu trên.

55. Trong trường hợp một Bên tính toán phát thải và hấp thụ từ các xáo trộn tự nhiên từ việc quản lý sử dụng đất trong kiểm kê khí nhà kính quốc gia, Bên đó sẽ báo cáo thông tin về cách tiếp cận được sử dụng và tính thống nhất với hướng dẫn của IPCC, và nếu ước tính này được bao gồm trong tổng lượng phát thải quốc gia.

56. Trong trường hợp một Bên sử dụng cách tiếp cận để báo cáo phát thải và hấp thụ từ các sản phẩm gỗ đã khai thác theo hướng dẫn của IPCC thay cho cách tiếp cận về sản xuất, Bên đó sẽ cung cấp thông tin bổ sung về phát thải và hấp thụ từ các sản phẩm gỗ đã khai thác theo cách tiếp cận về sản xuất.

3. Chuỗi thời gian

57. Mỗi Bên sẽ báo cáo theo một chuỗi thời gian hàng năm có tính nhất quán từ năm 1990; các Bên là các quốc gia đang phát triển cần áp dụng tính linh hoạt tùy theo năng lực đối với quy định này có thể báo cáo dữ liệu bao gồm: năm/giai đoạn tham chiếu cho NDC thuộc Điều 4 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và, chuỗi thời gian hàng năm từ năm 2020 trở đi.

58. Đối với mỗi Bên, năm báo cáo mới nhất sẽ không quá hai năm trước khi đệ trình báo cáo kiểm kê khí nhà kính quốc gia; các Bên là các quốc gia đang phát triển cần áp dụng tính linh hoạt tùy theo năng lực đối với quy định này có thể chọn năm báo cáo mới nhất không quá ba năm trước khi đệ trình báo cáo kiểm kê khí nhà kính quốc gia.

III. Thông tin cần thiết để giám sát tiến độ trong triển khai và đạt được những đóng góp do quốc gia tự quyết định theo Điều 4 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

A. Hoàn cảnh quốc gia và sắp xếp thể chế

59. Mỗi Bên sẽ mô tả hoàn cảnh quốc gia liên quan đến quá trình triển khai và đạt được NDC thuộc Điều 4 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, bao gồm:

- (a) Tổ chức chính phủ;
- (b) Đặc điểm dân số;
- (c) Đặc điểm địa lý;
- (d) Đặc điểm kinh tế;
- (e) Đặc điểm khí hậu;
- (f) Chi tiết về các lĩnh vực.

60. Mỗi Bên sẽ cung cấp thông tin về tác động của hoàn cảnh quốc gia đến phát thải và hấp thụ khí nhà kính theo thời gian.

61. Mỗi Bên sẽ cung cấp thông tin về sắp xếp thể chế để tham dò tiến độ trong triển khai và đạt được những đóng góp do quốc gia tự quyết định theo Điều 4, bao gồm các thông tin được sử dụng để theo dõi kết quả giảm nhẹ được chuyển giao quốc tế, nếu phù hợp, cùng với các thay đổi trong sắp xếp thể chế từ báo cáo minh bạch cập nhật hai năm một lần gần đây nhất.

62. Mỗi Bên sẽ cung cấp thông tin về sắp xếp thể chế, chính sách, hành chính và thủ tục về triển khai, giám sát, báo cáo, lưu giữ thông tin và sự tham gia của các bên liên quan đến triển khai và đạt được các NDC theo Điều 4.

63. Khi báo cáo các thông tin đề cập tại khoản 59–62 nêu trên, các Bên có thể tham chiếu các thông tin đã báo cáo trước đó.

B. Mô tả Đóng góp do quốc gia tự quyết định của các Bên theo Điều 4 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, bao gồm nội dung cập nhật

64. Mỗi Bên sẽ cung cấp mô tả về NDC thuộc Điều 4, làm căn cứ giám sát tiến độ. Thông tin được cung cấp sẽ bao gồm các nội dung cập nhật so với thông tin được cung cấp trước đó:

(a) Các mục tiêu và mô tả, bao gồm loại mục tiêu (ví dụ như giảm phát thải tuyệt đối trên toàn nền kinh tế, giảm cường độ phát thải, giảm phát thải so với mức cơ sở, các đồng lợi ích về giảm nhẹ của các hành động về thích ứng hoặc kế hoạch, chính sách, biện pháp đa dạng hóa kinh tế, ...);

(b) Năm và giai đoạn mục tiêu, là mục tiêu một năm hay nhiều năm;

(c) Các điểm tham chiếu, mức độ, đường cơ sở, năm cơ sở, điểm bắt đầu và các giá trị tương ứng;

(d) Khung thời gian và/hoặc giai đoạn triển khai;

(e) Phạm vi bao gồm các lĩnh vực, hoạt động, nguồn phát thải, bể hấp thụ, bể chứa và các loại khí;

(f) Ý định sử dụng các cách tiếp cận hợp tác liên quan đến việc sử dụng kết quả về giảm nhẹ được chuyển giao quốc tế thuộc Điều 6 để thực hiện NDC theo Điều 4 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;

(g) Các cập nhật và làm rõ thông tin đã được báo cáo trước đây (ví dụ như tính toán lại dữ liệu kiểm kê được báo cáo trước đó, chi tiết về phương pháp luận hoặc cách tiếp cận hợp tác).

C. Thông tin cần thiết để giám sát tiến độ đạt được trong triển khai và đạt được các đóng góp do quốc gia tự quyết định thuộc Điều 4 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

Comment [TT1]: Đoạn gửi a Công

65. Mỗi Bên sẽ xác định các chỉ số được lựa chọn để giám sát tiến độ đạt được trong triển khai và đạt được các đóng góp do quốc gia tự quyết định thuộc Điều 4. Các chỉ số phải phù hợp với NDC của các Bên và có thể ở dạng định lượng hoặc định tính.

66. Các chỉ số này, nếu phù hợp, sẽ bao gồm: tổng lượng phát thải hoặc hấp thụ khí nhà kính; tỷ lệ giảm cường độ khí nhà kính; các chỉ số định lượng liên quan đến một chính sách, biện pháp cụ thể; đồng lợi ích về giảm nhẹ của các hành động về thích ứng và/hoặc kế hoạch đa dạng hóa kinh tế, ... (ví dụ như số héc-ta trồng rừng, tỷ lệ sử dụng hoặc sản xuất năng lượng tái tạo, trung hòa các-bon, tỷ lệ năng lượng tái tạo trong tiêu thụ năng lượng sơ cấp và các chỉ số không liên quan đến khí nhà kính).

67. Mỗi Bên sẽ cung cấp thông tin về cách thức lựa chọn các chỉ số về điểm tham chiếu, mức độ, đường cơ sở, năm cơ sở và điểm bắt đầu, và cập nhật thông tin về việc tính toán lại của kiểm kê khí nhà kính, nếu phù hợp.

68. Mỗi Bên sẽ cung cấp các thông tin mới nhất về các chỉ số được xác định tại khoản 65 nêu trên cho mỗi năm báo cáo trong suốt thời gian triển khai NDC thuộc Điều 4.

69. Các Bên sẽ so sánh thông tin gây đây nhất về các chỉ số được lựa chọn với thông tin được cung cấp theo khoản 67 nêu trên để giám sát tiến độ triển khai NDC theo Điều 4.
70. Đối với báo cáo minh bạch hai năm lần thứ nhất bao gồm thông tin về năm hoặc giai đoạn kết thúc đối với NDC thuộc Điều 4, mỗi Bên sẽ cung cấp đánh giá về việc đạt được các mục tiêu của NDC theo Điều 4 dựa trên các thông tin liên quan được mô tả tại khoản 59–69 nêu trên và khoản 78 dưới đây, nếu phù hợp, và thông tin mới nhất về các chỉ số được lựa chọn để theo dõi tiến độ triển khai và đạt được các NDC theo Điều 4.
71. Đối với NDC lần thứ nhất, mỗi Bên sẽ chỉ rõ và báo cáo cách tính toán, bao gồm tính nhất quán với Điều 4, khoản 13 và 14 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Mỗi Bên có thể lựa chọn cung cấp thông tin về cách thức tính toán của NDC lần thứ nhất, theo quyết định 4/CMA.1.
72. Đối với các NDC tiếp theo, mỗi Bên sẽ cung cấp thông tin đề cập trong chương III.B và C nêu trên thống nhất với quyết định 4/CMA.1. Mỗi Bên sẽ chỉ rõ cách báo cáo của mình thống nhất với quyết định 4/CMA.1.
73. Mỗi Bên sẽ cung cấp các định nghĩa cần thiết để hiểu rõ NDC của quốc gia thuộc Điều 4, bao gồm các định nghĩa liên quan đến chỉ số được xác định tại khoản 65 nêu trên, các định nghĩa liên quan đến các lĩnh vực được định nghĩa khác với trong báo cáo kiểm kê khí nhà kính quốc gia, hoặc đồng lợi ích về giảm nhẹ của các hành động về thích ứng và/hoặc kế hoạch đa dạng hóa kinh tế.
74. Mỗi Bên sẽ cung cấp mô tả về phương pháp luận và/hoặc cách tiếp cận được sử dụng để tính toán, nếu phù hợp về:
- (a) Các mục tiêu được mô tả tại khoản 65 nêu trên;
 - (b) Xây dựng đường cơ sở như được mô tả tại khoản 64 nêu trên;
 - (c) Các chỉ số được xác định tại khoản 65 nêu trên.
75. Thông tin đề cập tại khoản 74 nêu trên sẽ bao gồm, nếu có thể và có sẵn trong NDC thuộc Điều 4:
- (a) Các tham số chính, giả định, định nghĩa, dữ liệu, nguồn dữ liệu và mô hình được sử dụng;
 - (b) Các hướng dẫn của IPCC đã được sử dụng;
 - (c) Đơn vị đo lường đã được sử dụng;
 - (d) Khi áp dụng cho NDC, các giả định, phương pháp luận và cách tiếp cận theo lĩnh vực, hoạt động thống nhất với hướng dẫn của IPCC, xem xét đến các quyết định liên quan thuộc Công ước khung, có thể bao gồm:
 - (i) Cách tiếp cận được sử dụng để tính toán phát thải và hấp thụ tự nhiên từ xáo trộn tự nhiên trong quản lý sử dụng đất;
 - (ii) Cách tiếp cận được sử dụng để tính toán phát thải và hấp thụ từ các sản phẩm gỗ được thu hoạch;
 - (iii) Cách tiếp cận được sử dụng để tính toán tác động của cấu trúc cấp tuổi của rừng;
 - (e) Các phương pháp luận được sử dụng để ước tính đồng lợi ích về giảm nhẹ của các hành động về thích ứng và/hoặc kế hoạch đa dạng hóa kinh tế;
 - (f) Các phương pháp luận liên quan đến cách tiếp cận hợp tác liên quan đến việc sử dụng kết quả giảm nhẹ chuyển giao quốc tế để thực hiện NDC thuộc Điều 4, theo hướng dẫn của CMA về các cách tiếp cận hợp tác thuộc Điều 6;
 - (g) Các phương pháp luận được sử dụng để giám sát tiến độ triển khai các chính sách và biện pháp;
 - (h) Các phương pháp luận khác liên quan đến NDC thuộc Điều 4;
 - (i) Các điều kiện và giả thiết liên quan đến việc thực hiện NDC thuộc Điều 4.

76. Mỗi Bên sẽ:

- (a) Mô tả các chỉ số được xác định tại khoản 65 nêu trên và sự liên quan đến NDC thuộc Điều 4;
- (b) Giải thích tính thống nhất phương pháp luận của mỗi năm báo cáo với phương pháp luận được sử dụng trong NDC;
- (c) Giải thích sự mâu thuẫn về phương pháp luận với báo cáo kiểm kê khí nhà kính mới nhất, nếu có;
- (d) Mô tả việc tránh tính lặp lượng giảm phát thải khí nhà kính, theo hướng dẫn được xây dựng của Điều 6, nếu có liên quan.

77. Mỗi Bên sẽ cung cấp thông tin cần thiết để cập tại khoản 65-67 nêu trên trong một bản tóm tắt mẫu để giám sát tiến độ đạt được trong triển khai và đạt được NDC thuộc Điều 4, bao gồm:

- (a) Đối với mỗi chỉ số được lựa chọn:
 - (i) Thông tin về điểm tham chiếu, mức độ, đường cơ sở, năm cơ sở và điểm bắt đầu đề cập tại khoản 67 nêu trên;
 - (ii) Thông tin về các năm báo cáo trước đây trong giai đoạn triển khai NDC thuộc Điều 4, xác định tại khoản 68 nêu trên, nếu có;
 - (iii) Thông tin mới nhất được xác định trong khoản 68 nêu trên;
- (b) Nếu có, thông tin về phát thải và hấp thụ khí nhà kính phù hợp với phạm vi của NDC thuộc Điều 4;
- (c) Đóng góp của lĩnh vực LULUCF cho mỗi năm của giai đoạn hoặc năm mục tiêu, nếu không bao gồm trong chuỗi thời gian kiểm kê tổng lượng phát thải và hấp thụ khí nhà kính, nếu có;
- (d) Mỗi Bên tham gia các cách tiếp cận hợp tác liên quan đến việc sử dụng kết quả giảm nhẹ chuyển giao quốc tế để thực hiện NDC thuộc Điều 4, hoặc cho phép sử dụng kết quả giảm nhẹ chuyển giao quốc tế cho các mục tiêu về giảm nhẹ khác, sẽ cung cấp thông tin trong một bản tóm tắt mẫu theo các hướng dẫn liên quan được CMA thông qua về Điều 6:

- (i) Mức phát thải hàng năm do con người gây ra theo nguồn phát thải và bề hấp thụ trong phạm vi của NDC báo cáo hai năm một lần;
- (ii) Cân bằng lượng phát thải thể hiện mức phát thải do con người gây ra theo nguồn phát thải và bề hấp thụ trong phạm vi của NDC được điều chỉnh bằng cách cộng kết quả giảm nhẹ chuyển giao quốc tế và trừ kết quả giảm nhẹ chuyển giao quốc tế đã sử dụng, theo các quyết định được CMA thông qua về Điều 6;
- (iii) Các thông tin khác theo các quyết định được CMA thông qua về việc báo cáo thuộc Điều 6;
- (iv) Thông tin tác động của các cách tiếp cận hợp tác trong việc thúc đẩy phát triển bền vững; đảm bảo tính toàn vẹn môi trường và tính minh bạch, bao gồm trong quản trị; áp dụng cách tính toán để đảm bảo tránh tính lặp, tuân thủ các quyết định được CMA thông qua về Điều 6.

78. Mỗi Bên với NDC thuộc Điều 4 có bao gồm các hành động về thích ứng và/hoặc kế hoạch đa dạng hóa kinh tế có các đồng lợi ích về giảm nhẹ theo Điều 4, khoản 7 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu sẽ cung cấp thông tin cần thiết để giám sát tiến độ trong triển khai và đạt được các chính sách, biện pháp nhằm giải quyết các tác động về xã hội, kinh tế của các biện pháp ứng phó, bao gồm:

- (a) Các lĩnh vực và hoạt động liên quan đến các biện pháp ứng phó;
- (b) Các tác động về xã hội, kinh tế của các biện pháp ứng phó;

- (c) Các thách thức, rào cản để giải quyết các tác động;
- (d) Các hành động để giải quyết các tác động;

79. Mỗi Bên sẽ báo cáo thông tin đề cập tại khoản 65–78 nêu trên theo mẫu báo cáo chung. Các mẫu báo cáo chung sẽ phù hợp với tất cả các NDC thuộc Điều 4.

D. Các chính sách, biện pháp giảm nhẹ, hành động và kế hoạch, bao gồm các đồng lợi ích về giảm nhẹ từ các hành động về thích ứng và kế hoạch đa dạng hóa kinh tế, liên quan đến triển khai và đạt được các đóng góp do quốc gia tự quyết định thuộc Điều 4 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

80. Mỗi Bên sẽ báo cáo thông tin về các hành động, chính sách và biện pháp hỗ trợ việc triển khai và đạt được NDC theo Điều 4 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, tập trung vào những hành động có tác động đáng kể đến phát thải và hấp thụ khí nhà kính và tác động đến các lĩnh vực chính trong báo cáo kiểm kê khí nhà kính quốc gia. Các thông tin này sẽ được trình bày ngắn gọn và dạng bảng.

81. Trong phạm vi cho phép, các Bên sẽ báo cáo các hành động theo lĩnh vực (năng lượng, giao thông vận tải, các quá trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm, nông nghiệp, LULUCF, quản lý chất thải và các hành động khác).

82. Mỗi Bên sẽ cung cấp thông tin về các hành động, chính sách, biện pháp trong phạm vi cho phép, theo dạng bảng:

- (a) Tên hành động;
- (b) Mô tả;
- (c) Các mục tiêu;
- (d) Loại công cụ (pháp lý, kinh tế hoặc công cụ khác);
- (e) Tình trạng (được lập kế hoạch, đã thông qua, đã thực hiện);
- (f) Lĩnh vực bị tác động (năng lượng, giao thông vận tải, các quá trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm, nông nghiệp, LULUCF, quản lý chất thải và lĩnh vực khác);
- (g) Các khí bị tác động;
- (h) Năm bắt đầu triển khai;
- (i) Tổ chức triển khai.

83. Mỗi Bên có thể cung cấp thông tin dưới đây về các hành động, chính sách và biện pháp đã báo cáo:

- (a) Kinh phí;
- (b) Lợi ích về giảm nhẹ không liên quan đến khí nhà kính;
- (c) Cách thức các hành động giảm nhẹ được xác định tại khoản 80 nêu trên tương tác với nhau, nếu thích hợp.

84. Đối với mỗi Bên với NDC thuộc Điều 4 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu bao gồm các đồng lợi ích về giảm nhẹ từ các hành động về thích ứng và/hoặc kế hoạch đa dạng hóa kinh tế theo Điều 4, khoản 7, thông tin sẽ báo cáo theo khoản 80, 82 và 83 nêu trên bao gồm các thông tin liên quan đến chính sách, biện pháp góp phần tạo ra các đồng lợi ích về giảm nhẹ từ các hành động về thích ứng hoặc kế hoạch đa dạng hóa kinh tế.

85. Mỗi Bên sẽ cung cấp trong phạm vi cho phép, các ước tính về mức giảm phát thải khí nhà kính dự kiến và đã đạt được cho các hành động, chính sách và biện pháp theo mẫu bảng đề cập tại khoản 82 nêu trên, các Bên là các quốc gia đang phát triển cần áp dụng tính linh hoạt tùy theo năng lực đối với quy định này sẽ được khuyến khích báo cáo các thông tin trên.

86. Mỗi Bên sẽ mô tả các phương pháp luận và giả định được sử dụng để ước tính lượng giảm phát thải hoặc hấp thụ khí nhà kính từ các hành động, chính sách và biện pháp, trong phạm vi cho phép. Thông tin này có thể được trình bày trong phụ lục của báo cáo minh bạch hai năm một lần.
87. Mỗi Bên sẽ xác định các hành động, chính sách và biện pháp không còn thực hiện so với báo cáo minh bạch hai năm một lần và giải thích lý do ngừng thực hiện.
88. Mỗi Bên sẽ xác định các hành động, chính sách và biện pháp tác động đến phát thải khí nhà kính từ giao thông vận tải quốc tế.
89. Trong phạm vi cho phép, mỗi Bên cung cấp thông tin về cách hành động, chính sách và biện pháp tác động đến phát thải và hấp thụ khí nhà kính dài hạn.
90. Mỗi Bên được khuyến khích cung cấp thông tin chi tiết, trong phạm vi cho phép, về đánh giá tác động kinh tế xã hội của các biện pháp ứng phó.

E. Tóm tắt về phát thải và hấp thụ khí nhà kính

91. Mỗi Bên sẽ đệ trình báo cáo kiểm kê khí nhà kính quốc gia độc lập sẽ cung cấp một tóm tắt về phát thải và hấp thụ khí nhà kính. Thông tin này sẽ được cung cấp cho các năm báo cáo tương ứng với các báo cáo kiểm kê khí nhà kính mới nhất theo dạng bảng.

F. Dự báo phát thải và hấp thụ khí nhà kính nếu thích hợp

92. Mỗi Bên sẽ báo cáo các dự báo theo khoản 93–101 dưới đây; các Bên là các quốc gia đang phát triển cần áp dụng tính linh hoạt tùy theo năng lực được khuyến khích báo cáo các dự báo này.
93. Các dự báo chỉ ra tác động của các chính sách và biện pháp đến xu hướng phát thải và hấp thụ khí nhà kính tương lai, và sẽ không được sử dụng để đánh giá tiến độ triển khai và đạt được NDC theo Điều 4 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trừ khi một Bên đã xác định dự báo đó là đường cơ sở tại chương III.B nêu trên.
94. Mỗi Bên báo cáo theo khoản 92 nêu trên sẽ báo cáo một dự báo “có các biện pháp” cho phát thải và hấp thụ khí nhà kính và có thể báo cáo một dự báo “với biện pháp bổ sung” và một dự báo “không có biện pháp”.¹
95. Các dự báo sẽ bắt đầu từ năm gần đây nhất trong báo cáo kiểm kê khí nhà kính quốc gia và kéo dài ít nhất 15 năm sau năm tiếp theo kết thúc bằng 0 hoặc 5; các Bên là các quốc gia đang phát triển cần áp dụng tính linh hoạt tùy theo năng lực có thể kéo dài đến điểm cuối của NDC theo Điều 4 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.
96. Mỗi Bên sẽ cung cấp thông tin mô tả về phương pháp luận được sử dụng để xây dựng các dự báo. Các thông tin này bao gồm;
- (a) Các mô hình và/hoặc cách tiếp cận và giả định, tham số chính được sử dụng cho dự báo (ví dụ tỷ lệ/mức tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa, tỷ lệ/mức tăng dân số);

¹ Kịch bản “có biện pháp” bao gồm các chính sách và biện pháp hiện đã được triển khai và phê duyệt. Nếu được cung cấp, kịch bản “với biện pháp bổ sung” bao gồm các chính sách và biện pháp đã được phê duyệt, triển khai, lên kế hoạch. Nếu được cung cấp, kịch bản “không có biện pháp” loại trừ tất cả các chính sách và biện pháp đã được triển khai, phê duyệt và lên kế hoạch sau năm bắt đầu dự báo.

(b) Các thay đổi trong phương pháp luận từ báo cáo minh bạch hai năm một lần gần đây nhất;

(c) Các giả định về chính sách và biện pháp bao gồm trong dự báo “có các biện pháp” và dự báo “không có các biện pháp”, nếu có;

(d) Phân tích độ nhạy với các dự báo, cùng với giải thích ngắn gọn về phương pháp luận và tham số được lựa chọn.

97. Mỗi Bên sẽ cung cấp các dự báo về các chỉ số chính để đánh giá tiến độ đạt được NDC theo Điều 4 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

98. Mỗi Bên sẽ bao gồm trong các dự báo cho các ngành, khí nhà, tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia, sử dụng đơn vị đo lường chung thống nhất với báo cáo kiểm kê phát thải khí nhà kính.

99. Các dự báo sẽ được thể hiện liên quan đến dữ liệu kiểm kê thực tế của các năm trước.

100. Dự báo phát thải sẽ được cung cấp có bao gồm và không bao gồm lĩnh vực LULUCF.

101. Các dự báo sẽ được trình bày dưới dạng đồ thị và dạng bảng.

102. Các Bên là các quốc gia đang phát triển cần áp dụng tính linh hoạt tùy theo năng lực đối với khoản 93–101 nêu trên có thể sử dụng phương pháp luận và phạm vi ít chi tiết hơn.

G. Các thông tin khác

103. Mỗi Bên có thể cung cấp các thông tin khác liên quan đến việc giám sát tiến độ triển khai và đạt được NDC theo Điều 4 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

IV. Thông tin liên quan đến tác động và thích ứng với biến đổi khí hậu theo Điều 7 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

104. Mỗi Bên sẽ cung cấp thông tin liên quan đến tác động và thích ứng với biến đổi khí hậu theo Điều 7 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, nếu phù hợp. Việc cung cấp các thông tin này là không bắt buộc.

105. Thông tin đề cập dưới đây có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc ghi nhận các nỗ lực về thích ứng của các Bên là các quốc gia đang phát triển.

A. Hoàn cảnh quốc gia, sắp xếp thể chế và khuôn khổ pháp lý

106. Mỗi Bên sẽ cung cấp các thông tin sau đây nếu phù hợp:

(a) Hoàn cảnh quốc gia liên quan đến các hành động về thích ứng, bao gồm đặc điểm địa lý sinh học, dân số, kinh tế, cơ sở hạ tầng và thông tin về năng lực thích ứng;

(b) Sắp xếp thể chế và quản trị, bao gồm đánh giá tác động, giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu ở cấp ngành, hoạch định chính sách, lập kế hoạch, phối hợp, giải quyết các vấn đề liên ngành, điều chỉnh ưu tiên và các hoạt động, tham vấn, tham gia, triển khai, quản lý dữ liệu, giám sát, đánh giá và báo cáo;

(c) Khuôn khổ pháp lý và chính sách.

B. Tác động, rủi ro, tính dễ bị tổn thương nếu phù hợp

107. Mỗi Bên sẽ cung cấp các thông tin sau đây nếu phù hợp:

(a) Xu hướng khí hậu và thiên tai hiện tại, dự báo;

- (b) Các tác động đã theo dõi được và tiềm ẩn của biến đổi khí hậu, bao gồm cho tính dễ bị tổn thương cấp ngành, kinh tế, xã hội và/hoặc môi trường;
- (c) Các cách tiếp cận, phương pháp luận và công cụ, thách thức và tính không chắc chắn liên quan, liên quan đến khoản 107(a) và (b) nêu trên.

C. Các ưu tiên và thách thức về thích ứng

108. Mỗi Bên sẽ cung cấp thông tin sau đây nếu phù hợp:
- (a) Ưu tiên và tiến độ trong nước đối với các ưu tiên;
 - (b) Các thách thức, thiếu sót và rào cản về thích ứng;

D. Các chiến lược, kế hoạch, mục tiêu và hành động về thích ứng để tích hợp vấn đề thích ứng vào các chính sách, chiến lược quốc gia

109. Mỗi Bên sẽ cung cấp các thông tin sau đây nếu phù hợp:
- (a) Triển khai các hành động về thích ứng theo mục tiêu toàn cầu về thích ứng được nêu trong Điều 7, khoản 1 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;
 - (b) Các mục tiêu, hành động, mục đích, chủ trương, nỗ lực, kế hoạch (ví dụ như kế hoạch thích ứng quốc gia và địa phương), chiến lược, chính sách, ưu tiên (ví dụ như lĩnh vực ưu tiên, khu vực ưu tiên hoặc kế hoạch tích hợp cho quản lý ven biển, nước và nông nghiệp), các chương trình và nỗ lực tăng cường sức chống chịu;
 - (c) Cách thức tích hợp các thông tin khoa học mới nhất, quan điểm giới và kiến thức bản địa truyền thống vào vấn đề thích ứng;
 - (d) Các ưu tiên phát triển liên quan đến thích ứng và tác động của biến đổi khí hậu;
 - (e) Các hành động về thích ứng và/hoặc kế hoạch đa dạng hóa kinh tế có tạo ra các đồng lợi ích về giảm nhẹ;
 - (f) Các nỗ lực để tích hợp vấn đề biến đổi khí hậu vào phát triển nỗ lực, kế hoạch, chính sách và chương trình, bao gồm các hoạt động liên quan đến tăng cường năng lực;
 - (g) Các giải pháp dựa vào thiên nhiên để thích ứng với biến đổi khí hậu;
 - (h) Sự tham gia của các bên liên quan, bao gồm các kế hoạch, ưu tiên, hành động và chương trình địa phương, cộng đồng và khu vực tư nhân.

E. Tiến độ triển khai về thích ứng

110. Mỗi Bên sẽ báo cáo thông tin về tiến độ của các nội dung sau nếu phù hợp:
- (a) Triển khai các hành động xác định tại chương IV.D nêu trên;
 - (b) Các bước đã thực hiện để xây dựng, triển khai, xuất bản và cập nhật các chương trình, chiến lược, biện pháp, khuôn khổ pháp lý (ví dụ như kế hoạch thích ứng quốc gia) và các thông tin khác cấp quốc gia và cấp địa phương;
 - (c) Triển khai các hành động về thích ứng được xác định trong các thông báo quốc gia về thích ứng hiện tại và quá khứ, bao gồm các nỗ lực để đạt được nhu cầu về thích ứng, nếu có;
 - (d) Triển khai các hành động về thích ứng được xác định trong hợp phần thích ứng của NDC, nếu có;
 - (e) Các hoạt động phối hợp và thay đổi trong quy định, chính sách và kế hoạch.
111. Các Bên là các quốc gia đang phát triển có thể bao gồm thông tin về việc triển khai của các hành động về thích ứng được hỗ trợ, tính hiệu quả của các biện pháp thích ứng đã được triển khai.

F. Giám sát và đánh giá các hành động, quy trình về thích ứng

112. Nhằm tăng cường các hành động về thích ứng và hỗ trợ việc báo cáo, mỗi Bên sẽ báo cáo về việc thành lập và áp dụng các hệ thống trong nước để giám sát và đánh giá việc triển khai các hành động về thích ứng. Các Bên sẽ báo cáo về các cách tiếp cận, hệ thống để giám sát và đánh giá, bao gồm các cách tiếp cận đã và đang được phát triển.

113. Mỗi Bên sẽ cung cấp các thông tin dưới đây liên quan đến giám sát và đánh giá, nếu phù hợp:

- (a) Thành tựu, tác động, tính chống chịu, đánh giá, hiệu quả và kết quả;
- (b) Các cách tiếp cận, hệ thống được sử dụng và kết quả đầu ra;
- (c) Đánh giá và các chỉ số cho:
 - (i) Cách vấn đề thích ứng tăng cường khả năng chống chịu và giảm các tác động;
 - (ii) Khi vấn đề thích ứng không đủ để ngăn cản các tác động;
 - (iii) Tính hiệu quả của các biện pháp về thích ứng đã được triển khai;
- (d) Việc triển khai về:
 - (i) Tính minh bạch của quá trình lên kế hoạch và triển khai;
 - (ii) Cách các chương trình hỗ trợ đáp ứng nhu cầu và tính dễ bị tổn thương cụ thể về thích ứng;
 - (iii) Cách các hành động về thích ứng tác động đến các mục tiêu phát triển khác;
 - (iv) Thông lệ tốt, bài học kinh nghiệm từ các thay đổi chính sách, quy định, hành động và cơ chế hợp tác.

114. Mỗi Bên sẽ cung cấp thông tin liên quan đến tính hiệu quả và bền vững của các hành động về thích ứng, nếu phù hợp, bao gồm:

- (a) Quyền sở hữu, sự tham gia của các bên liên quan, sự liên kết với của các hành động về thích ứng với các chính sách quốc gia, địa phương và khả năng nhân rộng;
- (b) Kết quả của các hành động về thích ứng và tính bền vững của các kết quả.

G. Thông tin liên quan đến việc ngăn chặn, giảm thiểu và giải quyết tổn thất và thiệt hại liên quan đến các tác động của biến đổi khí hậu

115. Mỗi Bên quan tâm có thể cung cấp, nếu phù hợp, thông tin liên quan đến tăng cường hiểu biết, hành động và hỗ trợ cho theo hướng hợp tác và tạo điều kiện để ngăn chặn, giảm thiểu và giải quyết vấn đề tổn thất và thiệt hại liên quan đến tác động của biến đổi khí hậu, có xem xét đến thay đổi dự báo về rủi ro, tính dễ bị tổn thương, năng lực thích ứng, mức độ phơi nhiễm về khí hậu, nếu phù hợp, bao gồm:

- (a) Các tác động đã được quan sát và tiềm năng của biến đổi khí hậu, bao gồm các tác động liên quan đến hiện tượng thời tiết cực đoan, hiện tượng dài hạn dựa trên các cơ sở khoa học tốt nhất;
- (b) Các hoạt động liên quan đến việc ngăn chặn, giảm thiểu và giải quyết vấn đề tổn thất và thiệt hại liên quan đến các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu;
- (c) Sắp xếp thể chế để hỗ trợ triển khai các hoạt động đề cập tại khoản 115(b) nêu trên.

H. Hợp tác, thông lệ tốt và bài học kinh nghiệm

116. Mỗi Bên sẽ cung cấp các thông tin liên quan về hợp tác, thông lệ tốt, bài học kinh nghiệm, nếu phù hợp:

- (a) Các nỗ lực để chia sẻ thông tin, thông lệ tốt, bài học kinh nghiệm liên quan đến:
- (i) Khoa học, kế hoạch và chính sách liên quan đến vấn đề thích ứng;

- (ii) Sự đổi mới chính sách và các dự án thí điểm, trình diễn;
 - (iii) Tích hợp các hành động về thích ứng vào các kế hoạch ở các cấp độ khác nhau;
 - (iv) Hợp tác về chia sẻ kinh nghiệm và tăng cường khoa học, thể chế và thích ứng;
 - (v) Khu vực, quy mô và loại hình hợp tác, thông lệ tốt;
 - (vi) Cải thiện tính bền vững và hiệu quả của các hành động về thích ứng;
 - (vii) Hỗ trợ các quốc gia đang phát triển xác định các hành động thích ứng hiệu quả, nhu cầu, ưu tiên, thách thức, thiếu sót để khuyến khích các thông lệ tốt;
- (b) Tăng cường nghiên cứu khoa học và kiến thức liên quan đến:
- (i) Khí hậu, bao gồm nghiên cứu và quan trắc, hệ thống cảnh báo sớm để phục vụ các dịch vụ khí hậu, hoạch định chính sách;
 - (ii) Tính dễ bị tổn thương và thích ứng;
 - (iii) Giám sát và đánh giá.

I. Các thông tin khác liên quan đến tác động và thích ứng với biến đổi khí hậu theo Điều 7 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

117. Mỗi Bên sẽ cung cấp, nếu phù hợp, các thông tin khác liên quan đến tác động và thích ứng với biến đổi khí hậu theo Điều 7.

V. Thông tin liên quan đến hỗ trợ về tài chính, phát triển và chuyển giao công nghệ, tăng cường năng lực được cung cấp và huy động theo Điều 9–11 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

118. Các Bên là các quốc gia phát triển sẽ cung cấp thông tin theo Điều 13, khoản 9 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu tuân thủ các MPGs trong chương này. Các Bên khác có cung cấp hỗ trợ được khuyến khích sử dụng MPGs trong chương này để báo cáo thông tin.

A. Hoàn cảnh quốc gia và sắp xếp thể chế

119. Thông tin về hoàn cảnh quốc gia và sắp xếp thể chế liên quan đến việc báo cáo hoạt động cung cấp, huy động hỗ trợ, bao gồm:

- (a) Mô tả về hệ thống, quy trình được sử dụng để xác định, theo dõi và báo cáo về hỗ trợ được cung cấp và huy động thông qua các chính sách công;
- (b) Mô tả về thách thức và hạn chế;
- (c) Thông tin về kinh nghiệm và thực tiễn liên quan đến chính sách công, khuôn khổ pháp lý để khuyến khích các nguồn đầu tư và tài chính khí hậu từ khu vực tư nhân;
- (d) Các nỗ lực nhằm tăng cường khả năng so sánh và độ chính xác của thông tin được báo cáo về hỗ trợ tài chính được cung cấp, huy động thông qua chính sách công, như sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế, hài hòa với các quốc gia, tổ chức và hệ thống quốc tế.

120. Thông tin, nếu có, về hoàn cảnh quốc gia, sắp xếp thể chế để cung cấp hỗ trợ về phát triển và chuyển giao công nghệ, tăng cường năng lực.

B. Các giả định, định nghĩa và phương pháp luận

121. Để nâng cao tính minh bạch trong báo cáo, mô tả về các giả định, định nghĩa và phương pháp luận, nếu có, được sử dụng để xác định và/hoặc báo cáo, bao gồm:

- (a) Năm báo cáo được lựa chọn (năm dương lịch, năm tài chính);
- (b) Tỷ lệ chuyển đổi giữa nội tệ và đồng đô la Mỹ;
- (c) Tình trạng (đã cam kết, đã giải ngân);
- (d) Hình thức (song phương, đa phương, đa phương);
- (e) Nguồn vốn (hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), các dòng tài chính chính thức khác (OOF), khác);
- (f) Công cụ tài chính (viện trợ không hoàn lại, khoản vay ưu đãi, vốn chủ sở hữu, bảo lãnh, bảo hiểm, khác (nếu rõ));
- (g) Thông tin về các công cụ và nguồn vốn được báo cáo, bao gồm cách thức một Bên xác định nguồn tài chính là ưu đãi và/hoặc ODA, bao gồm việc sử dụng các thông tin như tài trợ tương đương, cách tiếp cận thể chế và/hoặc dựa trên công cụ;
- (h) Loại hỗ trợ (thích ứng, giảm nhẹ, liên ngành);
- (i) Lĩnh vực;
- (j) Tiểu lĩnh vực;
- (k) Hỗ trợ mục tiêu về tăng cường năng lực và/hoặc phát triển và chuyển giao công nghệ;
- (l) Hỗ trợ cụ thể về khí hậu;
- (m) Thông tin về những nỗ lực đã thực hiện để tránh tính lặp, bao gồm:
 - (i) Cách tránh tính lặp đối với hỗ trợ do nhiều Bên cung cấp;
 - (ii) Cách tránh tính lặp đối với việc huy động tài chính tư nhân qua biện pháp can thiệp công do nhiều Bên thực hiện, bao gồm phương pháp luận và giả định được sử dụng để phân bổ cho Bên báo cáo về hỗ trợ, và nếu có thể, loại công cụ được sử dụng để huy động;
 - (iii) Cách tránh tính lặp giữa các nguồn lực được báo cáo là đã cung cấp hoặc huy động, các nguồn lực được sử dụng theo Điều 6 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu nhằm đạt được NDC;
 - (iv) Cách thức hỗ trợ được phân bổ giữa các quốc gia tiếp nhận, trong trường hợp một dự án có nhiều quốc gia tiếp nhận và thông tin được báo cáo trên cơ sở từng quốc gia;
- (n) Định nghĩa của tài chính công và tư nhân, đặc biệt khi các tổ chức hoặc quỹ là hỗn hợp;
- (o) Cách thức tài chính tư nhân được đánh giá là huy động thông qua biện pháp can thiệp công, bao gồm:
 - (i) Xác định mối liên hệ nhân quả rõ ràng giữa biện pháp can thiệp công và tài chính tư nhân được huy động, khi một hoạt động sẽ không được tiến hành, mở rộng quy mô nếu thiếu sự can thiệp của các Bên;
 - (ii) Cung cấp thông tin về điểm đo lường (điểm cam kết, điểm giải ngân) của tài chính tư nhân được huy động từ biện pháp can thiệp công, trong phạm vi cho phép, liên quan đến loại công cụ và cơ chế huy động;

- (iii) Cung cấp thông tin về ranh giới được sử dụng để xác định nguồn tài chính được huy động từ biện pháp can thiệp công;
 - (p) Cách thức đảm bảo các hỗ trợ được cung cấp và huy động qua biện pháp can thiệp công giải quyết hiệu quả các nhu cầu, ưu tiên của các Bên là các quốc gia đang phát triển để triển khai Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, như được xác định trong các chiến lược, công cụ định hướng quốc gia như các báo cáo minh bạch hai năm một lần, NDC và kế hoạch thích ứng quốc gia;
 - (q) Cách thức đảm bảo hỗ trợ được cung cấp và huy động qua biện pháp can thiệp công phù hợp với các mục tiêu dài hạn của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;
 - (r) Tin hiệu về các nguồn lực tài chính bổ sung mới đã được cung cấp;
 - (s) Cách thức thông tin được cung cấp đã thể hiện tiến bộ so với các mức độ trước đây về cung cấp và huy động tài chính cho Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;
 - (t) Thông tin về báo cáo tài chính đa phương, bao gồm:
 - (i) Nếu nguồn tài chính song phương dựa trên đóng góp của một Bên cho một tổ chức đa phương và/hoặc phần hỗ trợ của một Bên thuộc một tổ chức đa phương;
 - (ii) Nếu và cách thức nguồn tài chính song phương đã được báo cáo là về khí hậu, tỷ lệ cụ thể về khí hậu được tính toán sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế;
 - (iii) Nếu nguồn tài chính song phương đã được báo cáo là cốt lõi/tổng hợp, khi khoản hỗ trợ tài chính khí hậu sẽ được chuyển giao dựa trên lựa chọn của các tổ chức đa phương;
 - (iv) Nếu và cách thức nguồn tài chính song phương được phân bổ cho Bên báo cáo.
122. Mô tả về các giá định, định nghĩa và phương pháp luận được sử dụng để cung cấp thông tin hỗ trợ về phát triển và chuyển giao công nghệ, tăng cường năng lực.

C. Thông tin về hỗ trợ tài chính đã được cung cấp và hỗ trợ theo Điều 9 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

1. Các kênh song phương, khu vực và khác

123. Các thông tin liên quan ở dạng bảng cho hai năm báo cáo trước mà không trùng lặp với các kỳ báo cáo trước về hỗ trợ tài chính song phương, khu vực đã được cung cấp, nêu rõ:
- (a) Năm (năm dương lịch, năm tài chính);
 - (b) Kinh phí (bằng đồng đô la Mỹ và nội tệ) (mệnh giá và trên cơ sở tự nguyện, giá trị tương đương khoản tài trợ);
 - (c) Bên nhận, bao gồm, trong phạm vi cho phép, thông tin về khu vực và quốc gia được nhận, tên của dự án, chương trình, hoạt động và các mục khác (cụ thể);
 - (d) Tình trạng (đã giải ngân, đã cam kết);
 - (e) Kênh tài chính (song phương, khu vực, đa phương, khác (cụ thể));
 - (f) Nguồn tài trợ (ODA, OOF, khác (cụ thể));
 - (g) Công cụ tài chính (viện trợ không hoàn lại, khoản vay ưu đãi, khoản vay không ưu đãi, vốn chủ sở hữu, bảo lãnh, bảo hiểm, khác (cụ thể));
 - (h) Loại hỗ trợ (thích ứng, giảm nhẹ, liên ngành);
 - (i) Lĩnh vực (năng lượng, giao thông vận tải, công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, nước và vệ sinh, liên ngành, khác (cụ thể));
 - (j) Tiểu lĩnh vực, nếu có;

(k) Thông tin bổ sung, nếu có (chi tiết về dự án/chương trình, cơ quan triển khai và trong phạm vi cho phép, liên kết đến các tài liệu dự án/chương trình liên quan);

(l) Nếu có đóng góp cho các mục tiêu tăng cường năng lực và/hoặc phát triển và chuyển giao công nghệ, nếu có.

2. Các kênh đa phương

124. Các thông tin liên quan theo dạng bảng cho hai năm báo cáo trước đây không trùng lặp với các kỳ báo cáo trước về hỗ trợ tài chính đa phương, cụ thể:

- (a) Năm (năm dương lịch, năm tài chính);
- (b) Cơ quan (quỹ đa phương, cơ quan trực thuộc của Cơ chế Tài chính, cơ quan trực thuộc của Cơ chế Khoa học, tổ chức tài chính đa phương, tổ chức quốc tế, khác (cụ thể));
- (c) Kinh phí (bằng đồng đô la Mỹ và nội tệ) (mệnh giá và trên cơ sở tự nguyện, giá trị tương đương khoản tài trợ);
- (d) Tổng hợp hoặc cụ thể về khí hậu, nếu có;
- (e) Liệt kê thu và/hoặc chi, nếu có;
- (f) Bên nhận (quốc gia, vùng, toàn cầu, dự án, chương trình, hoạt động, khác (cụ thể)), nếu có và phù hợp;
- (g) Tình trạng (đã giải ngân, đã cam kết);
- (h) Kênh tài chính (song phương, đa phương);
- (i) Nguồn tài trợ (ODA, OOF, khác (cụ thể));
- (j) Công cụ tài chính (viện trợ không hoàn lại, khoản vay ưu đãi, khoản vay không ưu đãi, vốn chủ sở hữu, bảo lãnh, bảo hiểm, khác (cụ thể));
- (k) Loại hỗ trợ (thích ứng, giảm nhẹ, đa ngành), nếu có;
- (l) Lĩnh vực (năng lượng, giao thông vận tải, công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, nước và vệ sinh, đa ngành, khác (nếu rõ)), nếu có;
- (m) Tiểu lĩnh vực, nếu có;
- (n) Nếu có đóng góp cho các mục tiêu tăng cường năng lực và/hoặc phát triển và chuyển giao công nghệ, nếu có.

3. Thông tin về tài chính được huy động qua biện pháp can thiệp công

125. Thông tin liên quan ở dạng văn bản và/hoặc dạng bảng cho hai năm báo cáo trước đây không trùng lặp với các kỳ báo cáo trước về hỗ trợ tài chính đã huy động qua biện pháp can thiệp công, qua các kênh song phương, khu vực, đa phương, bao gồm các cơ quan trực thuộc Cơ chế Tài chính, các cơ quan trực thuộc Cơ chế Khoa học, nếu có trong phạm vi cho phép:

- (a) Năm (năm dương lịch, năm tài chính);
- (b) Kinh phí (bằng đồng đô la Mỹ và nội tệ) (mệnh giá và trên cơ sở tự nguyện, giá trị tương đương khoản tài trợ);
- (c) Số lượng các nguồn lực được sử dụng để huy động hỗ trợ (bằng đồng đô la Mỹ và nội tệ);
- (d) Loại biện pháp can thiệp công được sử dụng (viện trợ không hoàn lại, khoản vay ưu đãi, khoản vay không ưu đãi, vốn chủ sở hữu, bảo lãnh, bảo hiểm, can thiệp chính sách, tăng cường năng lực, phát triển và chuyển giao công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật);
- (e) Bên nhận (quốc gia, khu vực, toàn cầu, dự án, chương trình, hoạt động, khác (nếu rõ));

- (f) Kênh tài chính (song phương, khu vực, đa phương);
- (g) Loại hỗ trợ (thích ứng, giảm nhẹ, đa ngành);
- (h) Lĩnh vực (năng lượng, giao thông vận tải, công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, nước và vệ sinh, đa ngành, khác (nếu rõ));
- (i) Tiêu lĩnh vực;
- (j) Thông tin bổ sung.

D. Thông tin về hỗ trợ phát triển và chuyển giao công nghệ đã được cung cấp theo Điều 10 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

126. Thông tin ở dạng văn bản, về hỗ trợ được cung cấp cho phát triển và chuyển giao công nghệ theo Điều 10 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, bao gồm các thông tin định tính và định lượng về:

- (a) Các chiến lược được thực hiện để hỗ trợ phát triển và chuyển giao công nghệ, bao gồm nghiên cứu điển hình;
- (b) Hỗ trợ đã cung cấp tại các giai đoạn khác nhau của chu kỳ công nghệ;
- (c) Hỗ trợ phát triển và tăng cường năng lực và công nghệ bản địa của các Bên là các quốc gia đang phát triển;
- (d) Các nỗ lực để khuyến khích các hoạt động của khu vực tư nhân liên quan đến phát triển và chuyển giao công nghệ và hỗ trợ các Bên là các quốc gia đang phát triển;
- (e) Các nỗ lực thúc đẩy, khuyến khích và tạo điều kiện cho sự đổi mới, bao gồm nghiên cứu, phát triển và triển khai, các cách tiếp cận hợp tác để nghiên cứu và phát triển;
- (f) Kiến thức được tạo ra.

127. Thông tin định lượng và/hoặc định tính theo dạng bảng về các biện pháp hoặc hoạt động liên quan đến hỗ trợ phát triển và chuyển giao công nghệ đã được triển khai hoặc lập kế hoạch kể từ báo cáo trước, bao gồm, trong phạm vi cho phép và phù hợp:

- (a) Tiêu đề;
- (b) Đơn vị nhận;
- (c) Mô tả và mục tiêu;
- (d) Loại hỗ trợ (giảm nhẹ, thích ứng hoặc đa ngành);
- (e) Lĩnh vực;
- (f) Loại công nghệ;
- (g) Tình trạng của biện pháp hoặc hoạt động;
- (h) Nếu hoạt động được thực hiện bởi khu vực công và/hoặc tư nhân.

E. Thông tin về hỗ trợ tăng cường năng lực được cung cấp theo Điều 11 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

128. Thông tin ở dạng văn bản về các hỗ trợ tăng cường năng lực được cung cấp theo Điều 11 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, bao gồm, trong phạm vi cho phép, thông tin định lượng và/hoặc định tính về:

- (a) Chiến lược được sử dụng để cung cấp hỗ trợ tăng cường năng lực, bao gồm nghiên cứu điển hình;
- (b) Cách thức hỗ trợ tăng cường năng lực được cung cấp đã đáp ứng các nhu cầu hiện có và mới nổi, ưu tiên và thiếu sót được xác định bởi các Bên là các quốc gia đang phát triển trong lĩnh vực về giảm nhẹ, thích ứng, phát triển và chuyển giao công nghệ;

- (c) Các chính sách thúc đẩy hỗ trợ tăng cường năng lực;
- (d) Sự tham gia của các bên liên quan;
- (e) Các hành động tăng cường năng lực tại các Bên là các quốc gia đang phát triển đã thúc đẩy việc chia sẻ các bài học kinh nghiệm và thông lệ tốt;

129. Thông tin định tính và/hoặc định lượng trong mẫu bảng chung về các biện pháp hoặc hoạt động liên quan đến hỗ trợ tăng cường năng lực, liên quan đến hỗ trợ tăng cường năng lực đã được triển khai hoặc lên kế hoạch từ báo cáo trước, bao gồm, trong phạm vi cho phép và tính liên quan:

- (a) Tiêu đề;
- (b) Đơn vị tiếp nhận;
- (c) Mô tả và mục tiêu;
- (d) Loại hỗ trợ (giảm nhẹ, thích ứng, đa ngành);
- (e) Tình trạng của biện pháp hoặc hoạt động.

VI. Thông tin về nhu cầu và hỗ trợ đã nhận được về tài chính, phát triển và chuyển giao công nghệ, tăng cường năng lực theo Điều 9–11 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

A. Hoàn cảnh quốc gia, sắp xếp thể chế và chiến lược định hướng quốc gia

130. Các Bên là các quốc gia đang phát triển sẽ cung cấp thông tin về hoàn cảnh quốc gia, sắp xếp thể chế liên quan đến việc báo cáo các hỗ trợ cần và đã nhận được, bao gồm:

- (a) Mô tả các hệ thống và quy trình được sử dụng để xác định, theo dõi và báo cáo về hỗ trợ cần và đã nhận được, bao gồm mô tả về thách thức và hạn chế;
- (b) Thông tin về ưu tiên và chiến lược quốc gia cũng như các khía cạnh của NDC thuộc Điều 4 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu cần hỗ trợ.

B. Các giả định, định nghĩa và phương pháp luận

131. Khi báo cáo thông tin về hỗ trợ cần và đã nhận được, các Bên là các quốc gia đang phát triển sẽ mô tả các giả định, định nghĩa và phương pháp luận được sử dụng để cung cấp thông tin về hỗ trợ cần và đã nhận được, bao gồm, nếu có:

- (a) Chuyển đổi nội tệ sang Đô la Mỹ;
- (b) Ước tính kinh phí hỗ trợ cần thiết;
- (c) Xác định năm hoặc khung thời gian báo cáo;
- (d) Xác định nguồn hỗ trợ;
- (e) Xác định nếu hỗ trợ đã cam kết, nhận được hay chưa nhận được hỗ trợ;
- (f) Xác định và báo cáo tình trạng của hoạt động đã được hỗ trợ (đã lên kế hoạch, đang triển khai hoặc đã hoàn thành);
- (g) Xác định và báo cáo về kênh tài chính (song phương, khu vực hay đa phương);
- (h) Xác định và báo cáo về loại hỗ trợ (giảm nhẹ, thích ứng hay đa ngành);
- (i) Xác định và báo cáo về công cụ tài chính (viện trợ không hoàn lại, khoản vay ưu đãi, khoản vay không ưu đãi, vốn chủ sở hữu, bảo lãnh hoặc khác);
- (j) Xác định và báo cáo về lĩnh vực, tiểu lĩnh vực;
- (k) Báo cáo về lợi ích, tác động và kết quả dự kiến của các hỗ trợ cần và đã nhận được;

(l) Xác định và báo cáo về hỗ trợ liên quan đến phát triển và chuyển giao công nghệ, tăng cường năng lực;

(m) Tránh sự trùng lặp khi báo cáo thông tin hỗ trợ cần và đã nhận được cho việc triển khai Điều 13 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và các hoạt động liên quan đến tính minh bạch, bao gồm tăng cường năng lực về tính minh bạch, khi báo cáo thông tin này tách biệt với các thông tin khác về hỗ trợ cần và đã nhận được.

C. Thông tin về nhu cầu hỗ trợ tài chính của các Bên là các quốc gia đang phát triển theo Điều 9 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

132. Các Bên là các quốc gia đang phát triển sẽ cung cấp thông tin về hỗ trợ tài chính cần theo Điều 9 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu ở dạng văn bản, trong phạm vi cho phép và nếu có, bao gồm:

(a) Các lĩnh vực mà các Bên có nhu cầu thu hút tài chính quốc tế, bao gồm các rào cản hiện nay để thu hấp tài chính quốc tế;

(b) Mô tả đóng góp cho NDC và mục tiêu dài hạn của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

133. Các Bên là các quốc gia đang phát triển sẽ cung cấp thông tin ở bảng mẫu chung, thông tin về nhu cầu hỗ trợ tài chính, trong phạm vi cho phép và nếu có, bao gồm:

(a) Tiêu đề (của hoạt động, chương trình hoặc dự án);

(b) Mô tả chương trình/dự án;

(c) Kinh phí dự kiến (nội tệ và Đô la Mỹ);

(d) Khung thời gian dự kiến;

(e) Công cụ tài chính dự kiến (viện trợ không hoàn lại, khoản vay ưu đãi, khoản vay không ưu đãi, vốn chủ sở hữu, bảo lãnh hoặc khác);

(f) Loại hỗ trợ (giảm nhẹ, thích ứng hoặc đa ngành);

(g) Lĩnh vực và tiểu lĩnh vực;

(h) Nếu hoạt động có đóng góp về phát triển và chuyển giao công nghệ và/hoặc tăng cường năng lực, nếu liên quan;

(i) Nếu hoạt động được nêu trong chiến lược quốc gia và/hoặc trong NDC;

(j) Dự kiến về lợi ích, tác động và kết quả.

D. Thông tin về hỗ trợ tài chính các Bên là các quốc gia đang phát triển đã nhận được theo Điều 9 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

134. Các Bên là các quốc gia đang phát triển sẽ cung cấp theo mẫu bảng chung, thông tin về hỗ trợ tài chính đã nhận được, trong phạm vi cho phép và nếu có, về:

(a) Tiêu đề (hoạt động, chương trình hoặc dự án);

(b) Mô tả chương trình/dự án;

(c) Kênh tài chính;

(d) Đơn vị tiếp nhận;

(e) Đơn vị triển khai;

(f) Kinh phí đã nhận được (nội tệ và Đô la Mỹ);

(g) Khung thời gian;

- (h) Công cụ tài chính (viện trợ không hoàn lại, khoản vay ưu đãi, khoản vay không ưu đãi, vốn chủ sở hữu, bảo lãnh hoặc khác);
- (i) Tình trạng (đã cam kết hoặc đã nhận được);
- (j) Lĩnh vực và tiểu lĩnh vực;
- (k) Loại hỗ trợ (giảm nhẹ, thích ứng hoặc đa ngành);
- (l) Nếu hoạt động có đóng góp về phát triển và chuyển giao công nghệ và/hoặc tăng cường năng lực;
- (m) Tình trạng của hoạt động (đã lên kế hoạch, đang triển khai hoặc đã hoàn thành);
- (n) Lợi ích, tác động và kết quả dự kiến.

E. Thông tin về nhu cầu hỗ trợ phát triển và chuyển giao công nghệ của các Bên là các quốc gia đang phát triển theo Điều 10 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

135. Các Bên là các quốc gia đang phát triển sẽ cung cấp theo dạng văn bản, thông tin về nhu cầu hỗ trợ phát triển và chuyển giao công nghệ theo Điều 10 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, trong phạm vi cho phép và nếu có, bao gồm:

- (a) Kế hoạch, nhu cầu và ưu tiên liên quan đến phát triển và chuyển giao công nghệ, bao gồm đã được xác định trong các đánh giá nhu cầu công nghệ, nếu có;
- (b) Phát triển và chuyển giao công nghệ liên quan đến tăng cường năng lực và công nghệ bản địa.

136. Các Bên là các quốc gia đang phát triển sẽ cung cấp theo mẫu bảng chung, thông tin về nhu cầu hỗ trợ phát triển và chuyển giao công nghệ, trong phạm vi cho phép và nếu có;

- (a) Tiêu đề (hoạt động, chương trình hoặc dự án);
- (b) Mô tả chương trình/dự án;
- (c) Loại hỗ trợ (giảm nhẹ, thích ứng, đa ngành);
- (d) Loại công nghệ;
- (e) Khung thời gian dự kiến;
- (f) Lĩnh vực;
- (g) Lợi ích, tác động và kết quả dự kiến.

F. Thông tin về hỗ trợ phát triển và chuyển giao công nghệ các Bên là các quốc gia đang phát triển đã nhận được theo Điều 10 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

137. Các Bên là các quốc gia đang phát triển sẽ cung cấp theo dạng văn bản, thông tin về hỗ trợ phát triển và chuyển giao công nghệ đã nhận được theo Điều 10 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, trong phạm vi cho phép và nếu có, bao gồm:

- (a) Các nghiên cứu điển hình, bao gồm thành công và thất bại chủ yếu;
- (b) Đóng góp của hỗ trợ cho phát triển và chuyển giao công nghệ, năng lực bản địa và bí quyết;
- (c) Giai đoạn của chu kỳ công nghệ đã được hỗ trợ, bao gồm nghiên cứu và phát triển, triển khai, phổ biến và chuyển giao công nghệ.

138. Các Bên là các quốc gia đang phát triển sẽ cung cấp theo mẫu bảng chung, thông tin về hỗ trợ phát triển và chuyển giao công nghệ đã nhận được, trong phạm vi cho phép và nếu có, bao gồm:

- (a) Tiêu đề (hoạt động, chương trình hoặc dự án);
- (b) Mô tả chương trình/dự án;

- (c) Loại công nghệ;
- (d) Khung thời gian;
- (e) Đơn vị tiếp nhận;
- (f) Đơn vị triển khai;
- (g) Loại hỗ trợ (giảm nhẹ, thích ứng hoặc đa ngành);
- (h) Lĩnh vực;
- (i) Tình trạng của hoạt động (đã lên kế hoạch, đang triển khai hoặc đã hoàn thành);
- (j) Lợi ích, tác động và kết quả dự kiến.

G. Thông tin về nhu cầu hỗ trợ tăng cường năng lực theo Điều 11 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

139. Các Bên là các quốc gia đang phát triển sẽ cung cấp theo dạng văn bản, thông tin về nhu cầu hỗ trợ tăng cường năng lực theo Điều 11 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, trong phạm vi cho phép và nếu có, bao gồm:

- (a) Cách tiếp cận để thúc đẩy hỗ trợ về tăng cường năng lực;
- (b) Nhu cầu tăng cường năng lực của quốc gia, hạn chế trong việc báo cáo các nhu cầu, giải thích tác động của việc hỗ trợ năng lực trong việc cải thiện việc cung cấp thông tin;
- (c) Các quy trình để nâng cao nhận thức, sự tham gia, truy cập thông tin của cộng đồng liên quan đến tăng cường năng lực.

140. Các Bên là các quốc gia đang phát triển sẽ cung cấp theo mẫu bảng chung, thông tin về hỗ trợ tăng cường năng lực đã nhận được, trong phạm vi cho phép và nếu có, bao gồm:

- (a) Tiêu đề (hoạt động, chương trình hoặc dự án);
- (b) Mô tả chương trình/dự án;
- (c) Khung thời gian dự kiến;
- (d) Loại hỗ trợ (giảm nhẹ, thích ứng hoặc đa ngành);
- (e) Lợi ích, tác động và kết quả dự kiến.

H. Thông tin về hỗ trợ tăng cường năng lực các Bên là các quốc gia đang phát triển đã nhận được theo Điều 11 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

141. Các Bên là các quốc gia đang phát triển sẽ cung cấp thông tin ở dạng văn bản, thông tin về hỗ trợ tăng cường năng lực đã nhận được theo Điều 11 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, trong phạm vi cho phép và nếu có, bao gồm:

- (a) Các nghiên cứu điển hình, bao gồm các thành công và thất bại chủ yếu;
- (b) Cách hỗ trợ đã nhận được đã tăng cường năng lực cho Bên nhận hỗ trợ;
- (c) Hỗ trợ tăng cường năng lực đã nhận được ở cấp quốc gia và nếu phù hợp, ở cấp tiểu vùng và khu vực, bao gồm các ưu tiên, sự tham gia của các bên liên quan.

142. Các Bên là các quốc gia đang phát triển sẽ cung cấp theo mẫu bảng chung, thông tin về hỗ trợ tăng cường năng lực đã nhận được, trong phạm vi cho phép và nếu có, bao gồm:

- (a) Tiêu đề (hoạt động, chương trình hoặc dự án);
- (b) Mô tả chương trình/dự án;

- (c) Đơn vị tiếp nhận;
- (d) Đơn vị triển khai;
- (e) Loại hỗ trợ (giảm nhẹ, thích ứng hoặc đa ngành);
- (f) Khung thời gian;
- (g) Status of activity (planned, ongoing or completed);
- (h) Lợi ích, tác động và kết quả dự kiến.

I. Thông tin về nhu cầu và hỗ trợ đã nhận được bởi các Bên là các quốc gia đang phát triển cho triển khai Điều 13 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và các hoạt động về tăng cường năng lực liên quan đến tính minh bạch

143. Các Bên là các quốc gia đang phát triển sẽ cung cấp thông tin về hỗ trợ cần và đã nhận được cho triển khai Điều 13 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và các hoạt động về tăng cường năng lực liên quan đến tính minh bạch, trong phạm vi có thể, bao gồm:

- (a) Hỗ trợ cần và đã nhận được cho việc chuẩn bị báo cáo theo Điều 13;
- (b) Hỗ trợ cần và đã nhận được để cải thiện các vấn đề được xác định bởi nhóm chuyên gia kỹ thuật.

144. Các Bên là các quốc gia đang phát triển sẽ cung cấp theo dạng bảng mẫu chung, tóm tắt thông tin về hỗ trợ cần và đã nhận được cho triển khai Điều 13 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và các hoạt động về tăng cường năng lực liên quan đến tính minh bạch, trong phạm vi cho phép và nếu có, bao gồm:

- (a) Tiêu đề (hoạt động, chương trình hoặc dự án);
- (b) Mục tiêu và mô tả;
- (c) Đơn vị tiếp nhận;
- (d) Kênh tài chính;
- (e) Kinh phí (nội tệ và Đô la Mỹ);
- (f) Khung thời gian;
- (g) Tình trạng của hoạt động (đã lên kế hoạch, đang triển khai hoặc đã hoàn thành);
- (h) Lợi ích, tác động và kết quả dự kiến.

145. Khi báo cáo thông tin về hỗ trợ cần và đã nhận được cho triển khai Điều 13 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và các hoạt động về tăng cường năng lực liên quan đến tính minh bạch, các Bên là các quốc gia đang phát triển sẽ đảm bảo tránh sự trùng lặp trong báo cáo các thông tin này tách biệt với các thông tin khác về hỗ trợ tài chính, phát triển công nghệ và tăng cường năng lực cần và đã nhận được.

VII. Rà soát của chuyên gia kỹ thuật

A. Phạm vi

146. Việc rà soát của chuyên gia kỹ thuật bao gồm:

- (a) Rà soát tính nhất quán của thông tin do các Bên gửi theo Điều 13, khoản 7 và 9, của Thỏa thuận Paris với các phương thức, thủ tục và quy trình này, có tính đến tính linh hoạt dành cho Bên theo Điều 13, khoản 2, của Thỏa thuận Paris;
- (b) Rà soát việc thực hiện và đạt được NDC của Bên đó theo Điều 4 của Thỏa thuận Paris;

- (c) Rà soát sự hỗ trợ của Bên được cung cấp, nếu có liên quan;
 - (d) Xác định các lĩnh vực cần cải thiện của Bên liên quan đến việc thực hiện Điều 13 của Thỏa thuận Paris;
 - (e) Đối với những nước đang phát triển, các Bên cần nó theo năng lực của họ, hỗ trợ trong việc xác định nhu cầu xây dựng năng lực.
147. Rà soát của chuyên gia kỹ thuật sẽ đặc biệt chú ý đến khả năng và hoàn cảnh quốc gia tương ứng của các Bên là nước đang phát triển.
148. Theo Điều 13, Khoản 3, của Thỏa thuận Paris, việc rà soát của chuyên gia kỹ thuật sẽ được thực hiện một cách thuận lợi, không xâm phạm, không trừng phạt, tôn trọng chủ quyền quốc gia và sẽ tránh gây gánh nặng quá mức cho các Bên.
149. Nhóm rà soát của chuyên gia kỹ thuật không được:
- (a) Đưa ra phán quyết chính trị;
 - (b) Rà soát tính đầy đủ hoặc phù hợp của NDC của một Bên theo Điều 4 của Thỏa thuận Paris, mô tả liên quan theo chương III.B ở trên, hoặc các chỉ số được xác định trong chương III.C ở trên;
 - (c) Rà soát tính đầy đủ của các hành động trong nước của một Bên;
 - (d) Rà soát tính đầy đủ của hỗ trợ cung cấp của một Bên;
 - (e) Đối với những Bên là nước đang phát triển cần sự linh hoạt theo năng lực của mình, rà soát lại quyết tâm của Bên đó trong việc áp dụng sự linh hoạt đã được quy định trong các phương thức, thủ tục và quy trình này, bao gồm cả các khung thời gian ước tính tự xác định được đề cập trong Điều 6 ở trên, hoặc liệu một Bên là nước đang phát triển có đủ năng lực để thực hiện điều khoản cụ thể đó mà không có sự linh hoạt hay không.

B. Các thông tin sẽ rà soát

150. Thông tin được đệ trình theo Điều 13, khoản 7 và 9, của Thỏa thuận Paris sẽ trải qua một cuộc rà soát của chuyên gia kỹ thuật phù hợp với các phương thức, thủ tục và quy trình có trong chương này. Điều này bao gồm:
- (a) Báo cáo kiểm kê quốc gia về lượng phát thải do con người theo các nguồn phát thải và hấp thụ bởi các bể chứa KNK, như được đề cập trong Khoản 10 (a) ở trên, do mỗi Bên đệ trình;
 - (b) Thông tin cần thiết để theo dõi tiến độ đạt được trong việc thực hiện và đạt được NDC theo Điều 4, như được đề cập trong Khoản 10 (b) ở trên, do mỗi Bên đệ trình;
 - (c) Thông tin về tài chính, phát triển và chuyển giao công nghệ và hỗ trợ nâng cao năng lực được cung cấp cho các Bên là nước đang phát triển theo Điều 9, 10 và 11 của Thỏa thuận Paris nêu tại Khoản 10 (d) ở trên. Thông tin do các Bên khác cung cấp hỗ trợ, như được đề cập trong Điều 9, Khoản 2, của Thỏa thuận Paris, có thể trải qua đánh giá của chuyên gia kỹ thuật về thông tin được báo cáo này theo quyết định của Bên đó.

C. Thể thức rà soát của chuyên gia kỹ thuật

1. Định nghĩa

151. Rà soát của chuyên gia kỹ thuật có thể được tiến hành dưới dạng rà soát tập trung, rà soát trong nước, rà soát tại chỗ hoặc rà soát đơn giản.
152. Rà soát tập trung là khi các thành viên của nhóm đánh giá chuyên gia kỹ thuật tiến hành rà soát từ một địa điểm tập trung duy nhất. Trong quá trình rà soát tập trung, một nhóm đánh giá chuyên gia kỹ thuật duy nhất có thể rà soát nhiều Bên.
153. Rà soát trong nước là khi các thành viên của đoàn đánh giá chuyên gia kỹ thuật tiến hành rà soát tại nước của Bên đang rà soát chuyên gia kỹ thuật. Các chuyến công tác tại nước đó sẽ được lên kế hoạch, và diễn ra với sự đồng ý và phối hợp chặt chẽ của Bên bị rà soát.

154. Rà soát tại chỗ là khi các thành viên của nhóm đánh giá chuyên gia kỹ thuật tiến hành rà soát từ xa từ các quốc gia tương ứng của họ.

155. Việc rà soát đơn giản hóa báo cáo kiểm kê quốc gia của một Bên liên quan đến việc ban thư ký thực hiện rà soát ban đầu về tính đầy đủ và nhất quán với các phương thức, thủ tục và quy trình, phù hợp với các thủ tục đánh giá ban đầu². Việc rà soát các phát hiện của đánh giá ban đầu này sẽ là một phần của kỹ thuật kết quả chuyên gia rà soát báo cáo kiểm kê toàn quốc của Bên liên quan.

2. Khả năng áp dụng

156. Báo cáo minh bạch hai năm một lần của một Bên không phải được rà soát trong nước hoặc đơn giản hóa sẽ được rà soát tập trung hoặc tại chỗ.

157. Các quốc gia kém phát triển và quốc gia đảo nhỏ có thể chọn tham gia vào cuộc rà soát tập trung giống như một nhóm. Trong quá trình rà soát nhóm tập trung, một nhóm chuyên gia rà soát duy nhất sẽ xem xét một số báo cáo minh bạch hai năm một lần từ các quốc gia kém phát triển và quốc gia đảo nhỏ.

158. Bên liên quan sẽ tiến hành quá trình rà soát trong nước bao gồm:

- (a) Báo cáo minh bạch hai năm một lần đầu tiên;
- (b) Ít nhất hai báo cáo minh bạch hai năm một lần trong khoảng thời gian 10 năm, trong đó một là báo cáo minh bạch hai năm một lần chứa thông tin về việc Bên đó đạt được NDC theo Điều 4 của Thỏa thuận Paris;
- (c) Báo cáo minh bạch hai năm một lần nếu được đề xuất trong đánh giá của chuyên gia kỹ thuật về báo cáo minh bạch hai năm một lần trước đó của Bên đó;
- (d) Báo cáo minh bạch hai năm một lần theo yêu cầu của Bên dưới sự đánh giá của chuyên gia kỹ thuật.

159. Các Bên là nước đang phát triển cần linh hoạt theo khả năng của quốc gia đối với khoản 158 ở trên để có thể linh hoạt lựa chọn thực hiện một cuộc rà soát tập trung thay vì một cuộc rà soát trong nước, nhưng được khuyến khích thực hiện một cuộc rà soát trong nước.

160. Không nên tiến hành rà soát tại chỗ thường xuyên hơn 5 năm một lần, đối với báo cáo minh bạch hai năm một lần đầu tiên được đệ trình sau khi một Bên liên lạc hoặc cập nhật NDC của mình theo Điều 4 hoặc cho một báo cáo minh bạch hai năm một lần chứa thông tin về việc đạt được NDC theo Điều 4.

161. Báo cáo kiểm kê quốc gia của một Bên được gửi trong năm mà báo cáo minh bạch hai năm một lần chưa đến hạn sẽ được xem xét đơn giản hóa. Việc theo dõi các phát hiện của quá trình rà soát đơn giản hóa sẽ là một phần của cuộc rà soát của chuyên gia kỹ thuật trong năm tiếp theo.

D. Quy trình

162. Khi tiến hành trong nước, việc rà soát tập trung và tại chỗ:

- (a) Ban thư ký sẽ bắt đầu chuẩn bị quy trình rà soát ngay sau khi gửi thông tin quy định trong chương VII.B ở trên và thống nhất với Bên về thời điểm rà soát là ít nhất 14 tuần trước khi rà soát chuyên gia kỹ thuật. Ban thư ký có thể tổ chức rà soát các báo cáo minh bạch hai năm một lần theo cách thức so le giữa hai báo cáo liên tiếp;
- (b) Ban thư ký phải thành lập một nhóm rà soát chuyên gia kỹ thuật ít nhất 10 tuần trước tuần rà soát của chuyên gia kỹ thuật;
- (c) Nhóm rà soát của chuyên gia kỹ thuật cần thông báo bất kỳ câu hỏi sơ bộ nào cho Bên liên quan ít nhất bốn tuần trước tuần rà soát của chuyên gia kỹ thuật. Nhóm rà soát của chuyên gia kỹ thuật có thể yêu cầu thông tin bổ sung trước hoặc trong tuần rà soát.

² Được xây dựng bởi những chuyên gia rà soát chính, với sự hỗ trợ của ban thư ký

Bên liên quan cần cố gắng hết sức hợp lý để cung cấp thông tin được yêu cầu trong vòng hai tuần kể từ khi có yêu cầu Các Bên là nước đang phát triển cần sự linh hoạt theo khả năng của mình đối với điều khoản này được khuyến khích cung cấp thông tin trong vòng ba tuần kể từ khi có yêu cầu;

(d) Nhóm rà soát của chuyên gia kỹ thuật sẽ trao đổi với Bên liên quan về các lĩnh vực dự thảo cần cải tiến, đưa ra các “khuyến nghị” sơ bộ (đối với các điều khoản “sẽ”) và / hoặc “khuyến khích” (đối với các điều khoản không phải “sẽ”), và Các Bên của nước đang phát triển cần linh hoạt theo khả năng của mình, bất kỳ nhu cầu nâng cao năng lực nào được xác định với sự tham vấn của Bên liên quan, vào cuối tuần rà soát của chuyên gia kỹ thuật;

(e) Nhóm rà soát của chuyên gia kỹ thuật, dưới trách nhiệm tập thể của mình, chuẩn bị dự thảo báo cáo rà soát á của chuyên gia kỹ thuật và thông qua ban thư ký gửi cho Bên liên quan để lấy ý kiến trong vòng hai tháng kể từ tuần rà soát của chuyên gia kỹ thuật;

(f) Sau đó, Bên liên quan sẽ có tối đa một tháng kể từ khi nhận được ý kiến; Các Bên của nước đang phát triển cần linh hoạt theo khả năng của mình đối với quy định này có thể linh hoạt đưa ra ý kiến thay thế trong vòng ba tháng kể từ khi nhận được dự thảo báo cáo rà soát của chuyên gia kỹ thuật;

(g) Nhóm rà soát của chuyên gia kỹ thuật phải chuẩn bị phiên bản cuối cùng của báo cáo rà soát của chuyên gia kỹ thuật, có tính đến các ý kiến của Bên đó, trong vòng một tháng kể từ khi nhận được ý kiến;

(h) Có tính đến các thủ tục trong khoản trên, nhóm rà soát của chuyên gia kỹ thuật phải nỗ lực hết sức để hoàn thành báo cáo rà soát của chuyên gia kỹ thuật càng sớm càng tốt và không muộn hơn 12 tháng kể từ ngày bắt đầu quá trình rà soát của chuyên gia kỹ thuật.

163. Đối với các rà soát đơn giản, ban thư ký phải chuẩn bị một bản dự thảo đánh giá ban đầu và gửi cho Bên đó trong vòng sáu tuần kể từ khi gửi thông tin của Bên được quy định trong chương VII.B ở trên. Sau đó, Bên đó có thể đưa ra nhận xét trong vòng bốn tuần kể từ khi nhận được bản dự thảo đánh giá ban đầu. Ban thư ký phải giải quyết các nhận xét của Bên và công bố đánh giá ban đầu cuối cùng trên trang web của UNFCCC trong vòng bốn tuần kể từ khi nhận được ý kiến của Bên.

E. Tính bảo mật

164. Một Bên có thể chỉ định thông tin được cung cấp cho các nhóm rà soát của chuyên gia kỹ thuật trong quá trình đánh giá là mật. Trong trường hợp như vậy, Bên cần cung cấp cơ sở để bảo vệ thông tin đó. Trong trường hợp này, các nhóm rà soát của chuyên gia kỹ thuật và ban thư ký sẽ không công bố thông tin một cách công khai. Các thành viên của nhóm rà sát chuyên gia kỹ thuật có nghĩa vụ duy trì tính bảo mật tiếp tục sau khi kết thúc đánh giá chuyên gia kỹ thuật.

F. Vai trò của các Bên

165. Bên liên quan phải hợp tác với nhóm rà soát của chuyên gia kỹ thuật và ban thư ký và thực hiện mọi nỗ lực hợp lý để trả lời tất cả các câu hỏi và cung cấp thêm thông tin và nhận xét làm rõ cho báo cáo rà soát của chuyên gia kỹ thuật một cách kịp thời.

G. Vai trò của nhóm rà soát chuyên gia kỹ thuật

166. Các chuyên gia kỹ thuật, khi tiến hành rà soát, phải tuân thủ các phương thức, thủ tục, quy trình này

167. Các chuyên gia kỹ thuật sẽ tham gia đánh giá chuyên gia kỹ thuật với tư cách chuyên gia cá nhân.

H. Vai trò của ban thư ký

168. Ban thư ký sẽ tổ chức các cuộc rà soát của chuyên gia kỹ thuật, bao gồm việc điều phối lịch trình, sắp xếp hậu cần và hành chính của việc rà soát và cung cấp các công cụ và tài liệu rà soát cho nhóm rà soát của chuyên gia kỹ thuật.

169. Ban thư ký, cùng với các chuyên gia rà soát chính được đề cập trong chương VII.I.3 dưới đây, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi thông tin giữa Bên và nhóm rà soát chuyên gia kỹ thuật.

170. Ban thư ký, dưới sự hướng dẫn của trưởng ban rà soát, sẽ biên soạn và chỉnh sửa các báo cáo rà soát cuối cùng của chuyên gia kỹ thuật.

171. Ban thư ký sẽ tạo điều kiện cho các cuộc họp hàng năm của những người rà soát chính.

I. Nhóm rà soát chuyên gia kỹ thuật và sắp xếp thể chế

1. Thông tin chung

172. Các chuyên gia kỹ thuật sẽ được các Bên và các tổ chức liên chính phủ đề cử vào danh sách các chuyên gia của UNFCCC.

173. Các chuyên gia kỹ thuật phải hoàn thành chương trình đào tạo được đề cập trong quyết định 18 / CMA.1, khoản 12 (c), trước khi phục vụ trong nhóm đánh giá chuyên gia kỹ thuật.

174. Mỗi báo cáo minh bạch được đệ trình sẽ được giao cho một nhóm rà soát chuyên gia kỹ thuật duy nhất với các thành viên được lựa chọn từ danh sách các chuyên gia của UNFCCC.

2. Thành phần

175. Các chuyên gia kỹ thuật phải có năng lực được công nhận trong các lĩnh vực được rà soát.

176. Ban thư ký sẽ thành lập một nhóm rà soát kỹ thuật theo cách thức sao cho các kỹ năng và năng lực tập thể của các nhóm rà soát chuyên gia kỹ thuật tương ứng với thông tin được xem xét, như quy định trong chương VII.B ở trên, và các nhóm bao gồm các chuyên gia cho từng lĩnh vực kiểm kê KNK quan trọng, giảm nhẹ và hỗ trợ, các phương pháp tiếp cận hợp tác và các kết quả giảm nhẹ được chuyển giao quốc tế theo Điều 6, và LULUCF, nếu có liên quan.

177. Ít nhất một thành viên trong nhóm phải thông thạo ngôn ngữ của Bên được xem xét, trong phạm vi có thể.

178. Ban thư ký sẽ lựa chọn các thành viên của nhóm rà soát chuyên gia kỹ thuật nhằm đạt được sự cân bằng giữa các chuyên gia từ các Bên là nước phát triển và đang phát triển. Ban thư ký phải đảm bảo sự cân bằng về địa lý và giới tính giữa các chuyên gia đánh giá kỹ thuật, trong chừng mực có thể. Khi lựa chọn các thành viên của nhóm rà soát chuyên gia kỹ thuật để đánh giá nhóm tập trung các báo cáo minh bạch hai năm một lần từ các quốc gia kém phát triển và quốc gia đảo nhỏ, ban thư ký sẽ cố gắng bao gồm các chuyên gia kỹ thuật từ các quốc gia kém phát triển và quốc gia đảo nhỏ.

179. Hai lần rà soát liên tiếp về đệ trình của một Bên không thể được thực hiện bởi cùng một nhóm rà soát chuyên gia kỹ thuật.

180. Cần cố gắng hết sức để lựa chọn những người rà soát chính đã tham gia vào các cuộc rà soát theo Công ước hoặc Điều 13 của Thỏa thuận Paris.

181. Nhóm rà soát của chuyên gia kỹ thuật sẽ bao gồm hai chuyên gia rà soát chính, một người từ một Bên là nước phát triển và một người khác từ một Bên là nước đang phát triển.

182. Các chuyên gia từ các nước đang phát triển Các Bên tham gia nhóm rà soát chuyên gia kỹ thuật sẽ được tài trợ theo các thủ tục hiện có để tham gia vào các hoạt động của UNFCCC.

3. Chuyên gia rà soát chính

183. Chuyên gia rà soát chính sẽ giám sát công việc của nhóm rà soát chuyên gia kỹ thuật và đóng vai trò là người đồng rà soát, phù hợp với các phương thức, thủ tục và quy trình này.

184. Chuyên gia rà soát chính phải đảm bảo rằng các cuộc rà soát của chuyên gia kỹ thuật mà họ tham gia được tiến hành phù hợp với các phương thức, thủ tục và quy trình có trong chương này. Chuyên gia rà soát chính cũng phải đảm bảo chất lượng và tính khách quan của việc rà soát của chuyên gia kỹ thuật và cung cấp tính liên tục, nhất quán giữa các Bên và tính kịp thời của các cuộc rà soát của chuyên gia kỹ thuật.

185. Chuyên gia rà soát chính phải truyền đạt thông tin cần thiết cho nhóm rà soát của chuyên gia kỹ thuật; theo dõi tiến độ rà soát của chuyên gia kỹ thuật; phối hợp gửi các câu hỏi của nhóm chuyên gia kỹ thuật rà soát cho Bên liên quan và phối hợp đưa các câu trả lời vào báo cáo rà soát của chuyên gia kỹ thuật; ưu tiên các vấn đề đã nêu trong các báo cáo rà soát của chuyên gia kỹ thuật trước đó; và cung cấp tư vấn kỹ thuật cho các thành viên của nhóm rà soát chuyên gia kỹ thuật.

186. Các chuyên gia rà soát chính sẽ họp hàng năm tại cuộc họp của các chuyên gia rà soát chính để thảo luận về cách cải thiện chất lượng, hiệu quả và tính nhất quán của các cuộc rà soát của chuyên gia kỹ thuật và xây dựng các kết luận về các cuộc họp này.

J. Báo cáo rà soát của chuyên gia kỹ thuật

187. Báo cáo rà soát của chuyên gia kỹ thuật phải bao gồm các kết quả rà soát của chuyên gia kỹ thuật phù hợp với phạm vi được xác định trong chương VII.A ở trên.

188. Các báo cáo rà soát của chuyên gia kỹ thuật sẽ được công bố rộng rãi trên trang web của UNFCCC.

VIII. Việc xem xét tiến độ một cách thuận lợi, đa phương

A. Phạm vi

189. Việc xem xét tiến độ một cách thuận lợi, đa phương được thực hiện liên quan đến các nỗ lực của Bên theo Điều 9 của Thỏa thuận Paris và việc thực hiện và đạt được NDC của Bên đó.

B. Thông tin cần xem xét

190. Thông tin cần được xem xét trong quá trình xem xét tiến độ một cách thuận lợi, đa phương bao gồm:

- (a) Thông tin đệ trình bởi các Bên theo khoản 10(a) và (b) và khoản 10(d) và (e) ở trên;
- (b) Báo cáo đánh giá của chuyên gia kỹ thuật của các Bên theo chương VII.J ở trên;
- (c) Bất kỳ thông tin bổ sung nào do các Bên cung cấp nhằm mục đích của việc xem xét tiến độ một cách thuận lợi, đa phương.

C. Thể thức và quy trình

191. Việc xem xét tiến độ một cách thuận lợi, đa phương sẽ bao gồm 2 giai đoạn: giai đoạn hỏi và trả lời bằng văn bản, sau đó là giai đoạn phiên họp làm việc nhóm.

192. Giai đoạn hỏi và trả lời bằng văn bản sẽ bao gồm các bước sau:

- (a) Bất kỳ Bên nào cũng có thể gửi các câu hỏi bằng văn bản cho Bên liên quan, phù hợp với phạm vi được xác định trong chương VIII;
- (b) Những câu hỏi như vậy sẽ được gửi thông qua một nền tảng trực tuyến mở ba tháng trước phiên họp làm việc nhóm. Bên liên quan có thể cân nhắc trả lời các câu hỏi nhận được sau hai tháng trước phiên họp làm việc nhóm;

(c) Bên được hỏi sẽ nỗ lực cao nhất để trả lời bằng văn bản các câu hỏi không muộn hơn một tháng trước phiên họp làm việc nhóm thông qua nền tảng trực tuyến; Các Bên là nước đang phát triển cần sự linh hoạt trong khả năng đối với điều khoản này sẽ được linh động để gửi văn bản trả lời tối đa hai tuần trước phiên họp của nhóm làm việc. Bên đó có thể nêu rõ trong câu trả lời nếu Bên đó cho rằng câu hỏi bằng văn bản nằm ngoài phạm vi việc xem xét tiến độ một cách thuận lợi, đa phương;

(d) Ban thư ký sẽ tổng hợp các câu hỏi và câu trả lời và công bố trên trang web của UNFCCC trước giai đoạn phiên họp làm việc nhóm.

193. Giai đoạn họp làm việc nhóm sẽ diễn ra trong các phiên họp của Cơ quan phụ trách triển khai (SBI) và bao gồm các bước sau:

- (a) Bài Bản trình bày của Bên liên quan;
- (b) Một phiên thảo luận tập trung vào bài trình bày của Bên liên quan và thông tin được xác định trong chương VIII.B ở trên. Tất cả các Bên có thể tham gia vào phiên thảo luận và đưa ra các câu hỏi cho Bên liên quan. Các phiên họp làm việc nhóm sẽ được mở cho các quan sát viên đã đăng ký và sẽ được công khai thông qua ghi hình trực tiếp trực tuyến;
- (c) Bên liên quan có thể cung cấp văn bản trả lời bổ sung cho các câu hỏi được nêu ra trong phiên thảo luận bằng văn bản thông qua nền tảng trực tuyến trong vòng 30 ngày sau phiên họp.

194. Trong giai đoạn phiên họp làm việc nhóm về xem xét tiến độ một cách thuận lợi, đa phương, nhóm các Bên là các nước kém phát triển nhất và các quốc gia đảo nhỏ có thể chọn tham gia như một nhóm.

195. Ban thư ký sẽ thiết lập một nền tảng trực tuyến nhằm:

- (a) Cho phép Bên liên quan tổ chức hội thảo trên web trước và/hoặc sau phiên SBI;
- (b) Tạo điều kiện thuận lợi cho giai đoạn hỏi và trả lời bằng văn bản;
- (c) Tạo điều kiện thuận lợi cho giai đoạn họp làm việc nhóm, bao gồm bằng cách cho phép các chuyên gia ở các địa điểm xa tham gia vào phiên làm việc nhóm.

196. Ban thư ký cũng sẽ điều phối sắp xếp thực tế của việc xem xét tiến độ một cách thuận lợi, đa phương.

D. Tần suất và thời gian

197. Việc xem xét tiến độ một cách thuận lợi, đa phương sẽ diễn ra càng sớm càng tốt sau khi công bố báo cáo rà soát của chuyên gia kỹ thuật của Bên liên quan. Nếu báo cáo đánh giá của chuyên gia kỹ thuật không có trong vòng 12 tháng kể từ khi nộp báo cáo minh bạch hai năm một lần của Bên liên quan, ban thư ký sẽ sắp xếp để Bên đó tham gia vào quá trình xem xét tiến độ một cách thuận lợi, đa phương trong lần tiếp theo.

198. Nếu một Bên không nộp báo cáo minh bạch hai năm một lần trong vòng 12 tháng kể từ ngày đến hạn được xác định trong quyết định 18/CMA.1, ban thư ký, với sự tham vấn của Bên liên quan, sẽ sắp xếp để Bên đó tham gia vào quá trình xem xét tiến độ một cách thuận lợi, đa phương trong lần tiếp theo.

E. Biên bản

199. Trong vòng một tháng kể từ họp làm việc nhóm, ban thư ký sẽ chuẩn bị và công bố trên trang web của UNFCCC hồ sơ về quá trình xem xét tiến độ một cách thuận lợi, đa phương cho Bên liên quan, bao gồm:

- (a) câu hỏi và câu trả lời
- (b) Bài trình bày của Bên liên quan

- (c) Biên bản họp làm việc nhóm;
- (d) Báo cáo tóm tắt quy trình của quá trình xem xét tiến độ một cách thuận lợi, đa phương cho Bên liên quan;
- (e) Bất kỳ thông tin bổ sung thông qua nền tảng trực tuyến, nếu có.

*Hội nghị toàn thể lần thứ 26
Ngày 15, tháng 12, năm 2018*

Quyết định 19/CMA.1

Các vấn đề liên quan đến Điều 14 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và các khoản 99-101 của Quyết định 1/CP.21

Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu,

Nhắc lại Điều 2 và 14 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, quyết định 1 / CP.21, khoản 99– 101, và các Điều có liên quan khác của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và khoản quyết định 1 / CP.21,

Công nhận rằng việc đánh giá nỗ lực toàn cầu được đề cập trong Điều 14 của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu là rất quan trọng để nâng cao tham vọng tập thể trong hành động và hỗ trợ nhằm đạt được mục đích và các mục tiêu dài hạn của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu,

I. Phương thức

Các yếu tố tổng quát

1. *Nhắc lại*, như được quy định trong Điều 14, Khoản 1, của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, rằng Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu sẽ định kỳ kiểm tra việc thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu để đánh giá tiến độ chung hướng tới việc đạt được mục đích và các mục tiêu dài hạn của Thỏa thuận và rằng sẽ thực hiện điều đó một cách toàn diện và thuận lợi, xem xét đến giảm nhẹ, thích ứng và các phương thức thực hiện và hỗ trợ, trên cơ sở công bằng và khoa học tốt nhất hiện có;
2. *Quyết định* rằng cơ sở công bằng và khoa học tốt nhất hiện có sẽ được xem xét xuyên suốt và phù hợp với các Bên, trong suốt quá trình đánh giá nỗ lực toàn cầu;
3. *Đồng thời quyết định* rằng việc đánh giá nỗ lực toàn cầu sẽ bao gồm các thành phần sau:
 - (a) Thu thập và chuẩn bị thông tin, tập trung vào việc thu thập, biên soạn và tổng hợp thông tin và chuẩn bị cho việc thực hiện đánh giá kỹ thuật nêu tại khoản 3 (b) dưới đây;
 - (b) Đánh giá kỹ thuật, tập trung vào đánh giá việc thực hiện Thỏa thuận Paris để đánh giá tiến độ chung nhằm đạt được mục đích và các mục tiêu dài hạn của Thỏa thuận Paris, cũng như đánh giá các cơ hội để tăng cường hành động và hỗ trợ để đạt được mục đích và mục tiêu của Thỏa thuận;
 - (c) Xem xét các kết quả đầu ra, tập trung thảo luận về tác động của các phát hiện của đánh giá kỹ thuật nhằm đạt được kết quả của việc đánh giá nỗ lực toàn cầu thông báo cho các Bên trong cập nhật và tăng cường đóng góp do quốc gia tự quyết định trong hành động và hỗ trợ của các Bên, cũng như tăng cường hợp tác quốc tế về hành động khí hậu;
4. *Quyết định* thêm rằng việc đánh giá nỗ lực toàn cầu sẽ được tiến hành với sự hỗ trợ của Cơ quan phụ trách thực hiện và Cơ quan phụ trách tư vấn khoa học và công nghệ, sẽ thành lập một nhóm liên hệ chung về vấn đề này;
5. *Quyết tâm* tham gia vào một cuộc đối thoại kỹ thuật nhằm hỗ trợ công việc của nhóm liên lạc chung được đề cập trong Khoản 4 ở trên thông qua việc xem xét thông tin đầu vào của chuyên gia, như được xác định trong các nguồn thông tin đầu vào được đề cập trong Khoản 36 và 37 dưới đây cho đánh giá nỗ lực toàn cầu;
6. *Quyết định* thiết lập cuộc đối thoại kỹ thuật được đề cập trong Khoản 5 ở trên, để nhằm:
 - (a) Thực hiện công việc thông qua việc trao đổi tập trung các quan điểm, thông tin và ý tưởng trong các phiên, hội thảo hoặc hoạt động khác theo thể thức bàn tròn;

(b) Tổ chức công việc phù hợp với việc kiểm tra việc thực hiện Thỏa thuận Paris để đánh giá tiến độ tập thể nhằm đạt được mục đích và các mục tiêu dài hạn, bao gồm cả theo Điều 2, khoản 1 (a – c), trong các lĩnh vực tập trung về giảm nhẹ, thích ứng và các phương thức hiện và hỗ trợ, trong bối cảnh này, cần lưu ý rằng việc đánh giá nỗ lực toàn cầu có thể tính đến, khi thích hợp, các nỗ lực liên quan mà:

(i) Giải quyết các hậu quả và tác động xã hội, kinh tế của các biện pháp ứng phó;

(ii) Ngăn chặn, giảm thiểu và giải quyết các tổn thất và thiệt hại liên quan đến các tác động bất lợi của biến đổi khí hậu;

(c) Được hỗ trợ bởi hai đồng điều hành viên¹, mà sẽ chịu trách nhiệm tiến hành đối thoại và chuẩn bị báo cáo tổng hợp kết quả thực tế và các kết quả đầu ra khác của việc đánh giá kỹ thuật, với sự hỗ trợ của ban thư ký;

7. *Yêu cầu* Chủ tịch Cơ quan phụ trách tư vấn khoa học và công nghệ và Cơ quan phụ trách thực hiện xây dựng các câu hỏi hướng dẫn cho tất cả các thành phần của đánh giá nỗ lực toàn cầu, bao gồm các câu hỏi chuyên đề cụ thể và các câu hỏi xuyên suốt, một phiên họp của các cơ quan trực thuộc trước khi các hoạt động liên quan đến việc đánh giá nỗ lực toàn cầu đang được thực hiện;

8. *Quyết định* rằng thành phần thu thập và chuẩn bị thông tin của đánh giá nỗ lực toàn cầu sẽ bắt đầu một phiên trước khi bắt đầu đánh giá kỹ thuật, sẽ diễn ra trong hai (hoặc là ba tùy thuộc vào thời gian công bố báo cáo của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu) phiên họp liên tiếp của các cơ quan trực thuộc trước phiên họp thứ sáu của Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu (tháng 11 năm 2023), trong đó việc xem xét kết quả đầu ra sẽ diễn ra, với chu kỳ lặp lại 5 năm một lần, sau đó;

9. *Đồng thời quyết định* rằng việc đánh giá nỗ lực toàn cầu sẽ được tiến hành một cách toàn diện, thuận lợi, hiệu quả và tránh trùng lặp công việc và có tính đến kết quả của các công việc liên quan được tiến hành theo Thỏa thuận Paris, Công ước và Nghị định thư Kyoto;

10. *Tiếp tục quyết định* rằng việc đánh giá nỗ lực toàn cầu sẽ là một quá trình do Bên điều khiển được tiến hành một cách minh bạch và có sự tham gia của các bên ngoài liên quan và rằng, để hỗ trợ sự tham gia hiệu quả và bình đẳng như vậy, tất cả các thông tin đầu vào sẽ được hoàn toàn có thể tiếp cận bởi các Bên, thông qua cả trực tuyến, như được đề cập trong khoản 21 bên dưới;

11. *Quyết định* rằng sự tham gia của các Bên trong việc đánh giá nỗ lực toàn cầu cần được đảm bảo thông qua việc cung cấp đủ kinh phí cho sự tham gia và đại diện của các Bên là nước đang phát triển trong tất cả các hoạt động thuộc đánh giá nỗ lực toàn cầu, bao gồm đối thoại kỹ thuật, hội thảo, bàn tròn và các phiên họp của các cơ quan trực thuộc và Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về các biến đổi khí hậu có các hoạt động về đánh giá nỗ lực toàn cầu, phù hợp với các thông lệ hiện có;

12. *Kêu gọi* các Bên là nước phát triển huy động sự hỗ trợ cho xây dựng năng lực để các nước kém phát triển nhất, các quốc đảo nhỏ đang phát triển và các nước đang phát triển khác có thể tham gia hiệu quả vào việc đánh giá nỗ lực toàn cầu và nắm bắt thông tin đánh giá nỗ lực toàn cầu có liên quan;

13. *Quyết định* rằng các kết quả đầu ra của các thành phần của việc đánh giá nỗ lực toàn cầu được đề cập trong khoản 3 ở trên phải bao gồm tóm tắt các cơ hội và thách thức để tăng cường hành động và hỗ trợ trên cơ sở công bằng và khoa học tốt nhất hiện có, cũng như các bài học kinh nghiệm và thực tiễn tốt, cùng quan điểm để đạt được kết quả được xác định trong Điều 14, khoản 3, của Thỏa thuận Paris;

14. Nhấn mạnh rằng các kết quả đầu ra của việc đánh giá nỗ lực toàn cầu nên tập trung vào việc xem xét việc thực hiện Thỏa thuận Paris để đánh giá tiến độ chung, không tập trung vào từng Bên và bao gồm việc xem xét quy định ngoài chính sách về tiến độ chung mà các Bên có thể sử dụng để thông báo nhằm cập nhật và tăng cường các hành động và hỗ trợ theo cách thức được quốc gia xác định phù hợp với các quy định liên quan của Thỏa thuận Paris cũng như trong việc tăng cường hợp tác quốc tế về hành động khí hậu.

¹ Một từ Bên là nước đang phát triển và một từ Bên là nước phát triển

15. *Quyết định* xem xét tinh chỉnh các yếu tố thủ tục và hậu cần của quy trình đánh giá nỗ lực toàn cầu tổng thể trên cơ sở kinh nghiệm thu được từ các đợt đánh giá nỗ lực toàn cầu đầu tiên và tiếp theo, nếu thích hợp;

16. *Yêu cầu* các Chủ tịch của Cơ quan phụ trách Tư vấn Khoa học và Công nghệ và Cơ quan Phụ trách Thực hiện tổ chức việc đánh giá nỗ lực toàn cầu một cách linh hoạt và phù hợp, nhằm xác định các cơ hội vừa học vừa làm, bao gồm cả việc đánh giá sự tiến độ chung, và thực hiện các bước cần thiết để xem xét các yếu tố đầu vào khi có sẵn;

17. *Mời* các Bên trình bày những đóng góp được xác định trên phạm vi quốc gia của họ, được thông báo bởi kết quả của việc đánh giá nỗ lực toàn cầu, tại một sự kiện đặc biệt được tổ chức dưới sự bảo trợ của Tổng Thư ký Liên hợp quốc;

18. *Thừa nhận* rằng các sự kiện liên quan khác trong và ngoài UNFCCC có thể đóng góp vào việc đánh giá nỗ lực toàn cầu và thực hiện kết quả của nó;

Thu thập và chuẩn bị thông tin

19. *Yêu cầu* Chủ tịch của Cơ quan phụ trách tư vấn khoa học và công nghệ và Cơ quan phụ trách thực hiện đưa ra lời kêu gọi về thông tin đầu vào được đề cập trong Khoản 36 và 37 dưới đây, có tính đến việc các thông tin đầu vào đó phải được gửi trước ít nhất ba tháng khi tính toán đến đánh giá kỹ thuật;

20. *Quyết định* rằng việc thu thập và chuẩn bị thông tin của đánh giá nỗ lực toàn cầu sẽ kết thúc không muộn hơn sáu tháng trước khi tính toán kết quả đầu ra để đảm bảo tính toán kết quả đầu vào kịp thời, trừ khi có thông tin quan trọng cần xem xét sau ngày khóa số;

21. *Yêu cầu* ban thư ký tạo điều kiện hỗ trợ trực tuyến cho tất cả các thông tin đầu vào cho việc đánh giá nỗ lực toàn cầu từ các Bên, theo lĩnh vực chuyên đề, và tổ chức hội thảo trên web để làm rõ các phương pháp luận và giải định được sử dụng để tổng hợp các thông tin đầu vào, sẽ được tổ chức sau thời hạn nộp đầu vào được đề cập trong khoản 19 ở trên và trước khi bắt đầu đánh giá kỹ thuật;

22. *Mời* ban thư ký bắt đầu biên soạn cho đánh giá kỹ thuật các thông tin đầu vào cập nhật nhất từ các nguồn được xác định trong khoản 37 dưới hai phiên họp của các cơ quan phụ trách trước khi đánh giá;

23. *Yêu cầu* ban thư ký, dưới sự hướng dẫn của đồng điều hành viên được đề cập trong khoản 6 (c) ở trên, chuẩn bị cho đánh giá kỹ thuật:

- (a) Một báo cáo tổng hợp về thông tin được xác định trong khoản 36 (a) dưới đây, có tính đến kinh nghiệm trước đây trong việc chuẩn bị các báo cáo đó;
- (b) Một báo cáo tổng hợp về tình trạng của các nỗ lực thích ứng, kinh nghiệm và các ưu tiên, tóm tắt các thông tin gần đây nhất được xác định trong khoản 36 (c) dưới đây;
- (c) Một báo cáo tổng hợp về hiệu quả tổng thể của các đóng góp do quốc gia tự quyết định do các Bên thông báo, tóm tắt thông tin gần đây nhất được xác định trong khoản 36 (b) dưới đây;
- (d) Một báo cáo tổng hợp về thông tin được xác định trong khoản 36 (d) dưới đây;

24. *Mời* các cơ quan và diễn đàn được thành lập có liên quan và các thỏa thuận thể chế khác theo hoặc phục vụ Thỏa thuận Paris và / hoặc Công ước² để chuẩn bị cho đánh giá kỹ thuật, với sự hỗ trợ của Ban thư ký, đối với báo cáo tổng hợp về các thông tin xác định theo Điều 36 dưới đây trong các lĩnh vực chuyên môn tương ứng;

² Hiện tại, các cơ quan và diễn đàn được thành lập là Ủy ban thích ứng, Nhóm chuyên gia về quốc gia kém phát triển nhất, Ủy ban điều hành công nghệ, Ủy ban thường trực về tài chính, Ủy ban Paris về nâng cao năng lực, Ủy ban điều hành Cơ chế quốc tế về tổn thất và thiệt hại của Warsaw liên quan đến Tác động của biến đổi khí hậu, Nhóm chuyên gia tư vấn, diễn đàn về tác động của việc thực hiện các biện pháp ứng phó, và Nhóm công tác tạo thuận lợi cho nền tảng của cộng đồng địa phương và người bản địa.

25. *Yêu cầu* Cơ quan phụ về tư vấn khoa học và công nghệ và Cơ quan phụ về thực hiện xác định các lỗ hổng thông tin tiềm ẩn liên quan đến việc đánh giá nỗ lực toàn cầu và, nếu cần thiết và khả thi, đưa ra các yêu cầu bổ sung đầu vào, có tính đến ngày khóa sổ đối với thành phần thu thập và chuẩn bị thông tin của đánh giá nỗ lực toàn cầu và sự cần thiết phải xem xét các thông tin quan trọng, đồng thời tính đến các lỗ hổng liên quan được xác định trong các báo cáo của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu và các tác động của chúng liên quan đến mục đích và mục tiêu dài hạn của Thỏa thuận Paris;

Đánh giá kỹ thuật

26. *Lưu ý rằng*, để sử dụng hiệu quả thời gian, đánh giá kỹ thuật có thể trùng lặp với thành phần thu thập và chuẩn bị thông tin của việc đánh giá nỗ lực toàn cầu;

27. *Xác nhận rằng* tất cả các yếu tố đầu vào và chủ đề, đặc biệt là mối liên hệ giữa các vấn đề khác nhau, cần được thảo luận một cách cân bằng, tổng thể và toàn diện với sự phân bổ thời gian cân đối giữa các lĩnh vực chuyên đề, có tính đến cân nhắc công bằng và khoa học tốt nhất hiện có;

28. *Ghi nhận*, cân nhắc những lời khuyên do Cơ quan phụ trách tư vấn khoa học và công nghệ³ cung cấp theo quyết định 1/CP.21, khoản 100, rằng các đánh giá của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu cần được xem xét một cách hiệu quả và cân bằng, có tính đến các bài học rút ra từ kinh nghiệm trong quá khứ;

29. *Cũng công nhận rằng* một cuộc đối thoại giữa các chuyên gia của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu và các bên thông qua Cơ quan phụ trách tư vấn khoa học và công nghệ - Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu nên được sử dụng để cho phép trao đổi thông tin khoa học và kỹ thuật tập trung về các phát hiện trong của Ủy ban liên chính phủ về Biến đổi khí hậu theo cách thức công khai và minh bạch, và Cơ quan phụ trách tư vấn khoa học và công nghệ – Nhóm công tác liên chính phủ về biến đổi khí hậu cần tiếp tục được sử dụng để tăng cường giao tiếp và phối hợp giữa Cơ quan phụ trách tư vấn khoa học và công nghệ và Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu trong bối cảnh tích trữ toàn cầu;

30. *Quyết định rằng* đối thoại kỹ thuật được đề cập trong Khoản 6 ở trên sẽ cởi mở, toàn diện, minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi, đồng thời sẽ cho phép các Bên tham gia và tổ chức các cuộc thảo luận với các cơ quan và diễn đàn được thành lập và các thỏa thuận thể chế khác theo hoặc phục vụ Thỏa thuận Paris và / hoặc Công ước và các chuyên gia và đề xem xét đầu vào và đánh giá sự tiến độ chung;

31. *Đồng thời quyết định rằng* những người đồng điều hành cuộc đối thoại kỹ thuật sẽ tóm tắt kết quả đầu ra trong các báo cáo tóm tắt, có tính đến tính công bằng và khoa học tốt nhất hiện có, cho mỗi lĩnh vực chuyên đề được đề cập trong khoản 6 (b) ở trên và tổng hợp thực tế bao quát về các báo cáo này theo cách xuyên suốt;

32. *Tiếp tục quyết định rằng* diễn đàn về tác động của việc thực hiện các biện pháp ứng phó sẽ tóm tắt kết quả phù hợp với các yếu tố liên quan của phương thức, chương trình làm việc và chức năng của nó theo quyết định 1 / CP.21, khoản 34;

Xem xét các kết quả đầu ra

33. *Quyết định rằng* việc xem xét các kết quả đầu ra sẽ bao gồm các sự kiện cấp cao trong đó các kết quả đánh giá kỹ thuật sẽ được trình bày và các tác động của chúng được các Bên thảo luận và xem xét, đồng thời các sự kiện sẽ được chủ trì bởi một ủy ban cấp cao bao gồm Chủ tịch Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và các Chủ tịch của Cơ quan Tư vấn Khoa học và Công nghệ và Cơ quan Phụ trách Thực hiện;

³ Xem văn kiện FCCC/SBSTA/2016/4, khoản 56.

34. *Đồng thời quyết định* rằng đầu ra của thành phần này của đánh giá nỗ lực toàn cầu phải:

(a) Xác định các cơ hội và thách thức trong việc tăng cường hành động và hỗ trợ cho tiến độ cung liên quan đến các lĩnh vực chuyên đề của đánh giá nỗ lực toàn cầu được đề cập trong Điều 6 (b) ở trên, cũng như các biện pháp khả thi và các thực tiễn tốt, hợp tác quốc tế và thực tiễn tốt có liên quan;

(b) Tóm tắt các thông điệp chính trị quan trọng, bao gồm các khuyến nghị phát sinh từ các sự kiện nêu trong Khoản 33 ở trên để tăng cường hành động và tăng cường hỗ trợ;

(c) Được tham chiếu trong một quyết định xem xét và thông qua bởi Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về các biến đổi khí hậu và / hoặc một tuyên bố;

II. Nguồn thông tin đầu vào

35. *Quyết định* rằng các nguồn thông tin đầu vào cho việc đánh giá nỗ lực toàn cầu phải thông báo cho các lĩnh vực chuyên đề được đề cập trong khoản 6 (b) ở trên;

36. *Đồng thời quyết định* rằng các nguồn thông tin đầu vào cho việc đánh giá nỗ lực toàn cầu sẽ xem xét thông tin ở cấp độ tập thể về:

(a) Tình trạng phát thải khí nhà kính theo các nguồn và hấp thụ bởi các bể chìm và các nỗ lực giảm nhẹ do các Bên thực hiện, bao gồm thông tin được đề cập trong Điều 13, Khoản 7 (a) và Điều 4, Khoản 7, 15 và 19, của Thỏa thuận Paris;

(b) Hiệu quả tổng thể của các đóng góp do quốc gia tự quyết định của các Bên và tiến độ chung mà các Bên đạt được đối với việc thực hiện các đóng góp do quốc gia tự quyết định, bao gồm thông tin được đề cập trong Điều 13, khoản 7 (b), của Thỏa thuận Paris;

(c) Tình trạng của các nỗ lực thích ứng, hỗ trợ, kinh nghiệm và các ưu tiên, bao gồm thông tin được đề cập trong Điều 7, Khoản 2, 10, 11 và 14, của Thỏa thuận Paris, và các báo cáo được đề cập trong Điều 13, Khoản 8, của Thỏa thuận Paris;

(d) Các dòng tài chính, bao gồm thông tin được đề cập trong Điều 2, Khoản 1 (c), và các phương tiện thực hiện và hỗ trợ, huy động và cung cấp hỗ trợ, bao gồm thông tin được đề cập trong Điều 9, Khoản 4 và 6, Điều 10, Khoản 6, Điều 11, Khoản 3 và Điều 13, đặc biệt là Khoản 9 và 10, của Thỏa thuận Paris. Điều này nên bao gồm thông tin từ đánh giá hai năm một lần mới nhất và tổng quan về dòng tài chính khí hậu của Ủy ban Thường vụ về Tài chính;

(e) Nỗ lực tăng cường hiểu biết, hành động và hỗ trợ, trên cơ sở hợp tác và tạo điều kiện, liên quan đến việc ngăn chặn, giảm thiểu và giải quyết những mất mát và thiệt hại liên quan đến các tác động bất lợi của biến đổi khí hậu;

(f) Các rào cản và thách thức, bao gồm tài chính, công nghệ⁴ và khoảng cách năng cao năng lực mà các nước đang phát triển phải đối mặt;

(g) Các thông lệ tốt, kinh nghiệm và cơ hội tiềm năng để tăng cường hợp tác quốc tế về giảm nhẹ và thích ứng và tăng cường hỗ trợ theo Điều 13 khoản 5 của Thỏa thuận Paris;

(h) Các cân nhắc về tính công bằng, bao gồm công bằng, như được các Bên thông báo trong các khoản đóng góp được xác định trên phạm vi quốc gia của họ;

37. *Quyết định* rằng các nguồn thông tin đầu vào cho việc đánh giá nỗ lực toàn cầu bao gồm:

(a) Các báo cáo và thông tin liên lạc từ các Bên, đặc biệt là các báo cáo được đệ trình theo Thỏa thuận Paris và Công ước;

(b) Các báo cáo mới nhất của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu, theo quyết định 1 / CP.21, khoản 99;

⁴ Bao gồm kết quả của đánh giá định kỳ theo Cơ chế Công nghệ như được đề cập trong quyết định 16 / CMA.1.

- (c) Báo cáo của các cơ quan trực thuộc, theo quyết định 1 / CP.21, khoản 99;
- (d) Các báo cáo từ các cơ quan và diễn đàn có liên quan và các tổ chức thể chế khác theo hoặc phục vụ Thỏa thuận Paris và / hoặc Công ước;
- (e) Các báo cáo tổng hợp của ban thư ký được đề cập trong khoản 23 ở trên;
- (f) Các báo cáo liên quan từ các cơ quan của Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác, cần hỗ trợ cho quá trình UNFCCC;
- (g) Các đề trình tự nguyện từ các Bên, bao gồm cả thông tin đầu vào để cung cấp thông tin về việc cân nhắc công bằng trong việc đánh giá nỗ lực toàn cầu;
- (h) Các báo cáo liên quan từ các nhóm và tổ chức khu vực;
- (i) Nội dung đề trình của các bên liên quan ngoài Đảng và các tổ chức quan sát viên của UNFCCC;

38. *Mời* Cơ quan phụ trách Tư vấn Khoa học và Công nghệ bổ sung danh sách chưa đầy đủ ở khoản 36 và 37 ở trên tại phiên họp của tổ chức này được tổ chức trước khi thu thập và chuẩn bị thông tin để đánh giá nỗ lực toàn cầu, nếu thích hợp, có tính đến các lĩnh vực chuyên đề về đánh giá nỗ lực toàn cầu và tầm quan trọng của việc tận dụng báo cáo cấp quốc gia.

*Hội nghị toàn thể lần thứ 26
Ngày 15, tháng 12, năm 2018*

Quyết định 20/CMA.1

Các phương thức và thủ tục cho hoạt động hiệu quả của ủy ban thúc đẩy thực hiện và tuân thủ được đề cập trong Điều 15, Khoản 2, của Thỏa thuận Paris

Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu,

Nhắc lại Điều 15 của Thỏa thuận Paris và quyết định 1 / CP.21, khoản 102 và 103,

1. *Thông qua các phương thức và thủ tục cho hoạt động hiệu quả của ủy ban nêu tại Điều 15, Khoản 2, của Thỏa thuận Paris như có trong phụ lục;*
2. *Quyết định cam kết, tại kỳ họp thứ bảy của Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu (2024), việc rà soát lần đầu các phương thức và thủ tục được đề cập trong khoản 1 ở trên dựa trên cơ sở kinh nghiệm thu được từ việc thực hiện và xem xét mọi khuyến nghị của ủy ban được đề cập trong khoản 1 ở trên, và xem xét tiến hành các đánh giá thêm một cách thường xuyên;*
3. *Ghi chú ý nghĩa ngân sách ước tính của các hoạt động do ban thư ký thực hiện theo các quy định trong phụ lục;*
4. *Yêu cầu rằng các hành động của ban thư ký được yêu cầu trong quyết định này phải được thực hiện tùy thuộc vào sự sẵn có của các nguồn tài chính.*

Phụ lục

Các phương thức và thủ tục để hoạt động hiệu quả của ủy ban được đề cập trong Điều 15, Khoản 2, của Thỏa thuận Paris

I. Mục đích, nguyên tắc, bản chất, chức năng và phạm vi

1. Cơ chế tạo điều kiện thực hiện và thúc đẩy việc tuân thủ các quy định của Thỏa thuận Paris được thành lập theo Điều 15 của Thỏa thuận bao gồm một ủy ban (sau đây gọi là Ủy ban).
2. Ủy ban sẽ dựa trên chuyên môn và có tính chất tạo điều kiện thuận lợi và hoạt động theo cách minh bạch, không đối đầu và không trừng phạt. Ủy ban sẽ đặc biệt chú ý đến khả năng và hoàn cảnh quốc gia tương ứng của các Bên.
3. Công việc của Ủy ban sẽ được hướng dẫn bởi các quy định của Thỏa thuận Paris, bao gồm cả Điều 2 của nó.
4. Khi thực hiện công việc của mình, Ủy ban sẽ cố gắng tránh trùng lặp nỗ lực, sẽ không hoạt động như một cơ chế thực thi hoặc giải quyết tranh chấp, cũng không đưa ra các hình phạt hoặc trừng phạt, và sẽ tôn trọng chủ quyền quốc gia.

II. Sắp xếp thể chế

5. Ủy ban sẽ bao gồm 12 thành viên có năng lực được công nhận trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, kinh tế xã hội hoặc pháp lý liên quan được Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu (CMA) bầu chọn trên cơ sở công bằng địa lý, với 2 thành viên mỗi nhóm từ 5 nhóm khu vực của Liên hợp quốc và 1 thành viên đến từ các quốc đảo nhỏ đang phát triển và các nước kém phát triển nhất, có tính đến mục tiêu cân bằng giới.
6. CMA sẽ bầu các thành viên của Ủy ban cũng như người thay thế cho mỗi thành viên, có tính đến tính chất dựa trên chuyên gia của Ủy ban và cố gắng phản ánh sự đa dạng của chuyên môn được đề cập trong Khoản 5 ở trên.
7. Các thành viên và thành viên dự khuyết sẽ được bầu vào Ủy ban để phục vụ trong thời hạn ba năm và tối đa là hai nhiệm kỳ liên tiếp.
8. Tại CMA 2 (tháng 12 năm 2019), sáu thành viên và sáu thành viên dự khuyết sẽ được bầu vào Ủy ban với nhiệm kỳ ban đầu là hai năm và sáu thành viên và sáu thành viên dự khuyết với nhiệm kỳ ba năm. Sau đó, CMA sẽ bầu tại các phiên họp thường kỳ liên quan của mình sáu thành viên và sáu thành viên thay thế với nhiệm kỳ ba năm. Các thành viên và thành viên thay thế sẽ vẫn tại vị cho đến khi người kế nhiệm của họ được bầu.
9. Nếu một thành viên của Ủy ban từ chức hoặc không thể hoàn thành nhiệm kỳ được giao hoặc không thể thực hiện các chức năng trong Ủy ban, một chuyên gia từ cùng một Bên sẽ được Bên đó chỉ định để thay thế thành viên đó trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ chưa hết hạn.
10. Các thành viên và thành viên thay thế của Ủy ban sẽ phục vụ với tư cách chuyên gia cá nhân của họ.
11. Ủy ban sẽ bầu trong số các thành viên của mình hai Đồng Chủ tịch trong thời hạn ba năm, có tính đến nhu cầu đảm bảo đại diện địa lý công bằng. Các đồng Chủ tịch sẽ thực hiện các chức năng được xây dựng trong các quy tắc thủ tục của Ủy ban được đề cập trong khoản 17 và 18 dưới đây.
12. Trừ khi có quyết định khác, Ủy ban sẽ họp ít nhất hai lần một năm, bắt đầu từ năm 2020. Khi lên lịch các cuộc họp, Ủy ban cần tính đến khả năng tổ chức các cuộc họp của mình kết hợp với các phiên họp của các cơ quan trực thuộc phục vụ Thỏa thuận Paris, sao cho phù hợp.

13. Chỉ các thành viên và thành viên dự khuyết của Ủy ban và các quan chức ban thư ký mới có mặt trong quá trình xây dựng và thông qua quyết định của Ủy ban.
14. Ủy ban, bất kỳ Bên nào hoặc những người khác tham gia vào quá trình xem xét của Ủy ban sẽ bảo vệ tính bí mật của thông tin nhận được một cách tin cậy.
15. Việc thông qua các quyết định của Ủy ban sẽ yêu cầu có đủ số lượng 10 thành viên trong số các thành viên.
16. Ủy ban sẽ cố gắng hết sức để đạt được thỏa thuận về bất kỳ quyết định nào bằng sự đồng thuận. Nếu tất cả các nỗ lực đạt được sự đồng thuận đã cạn kiệt, thì biện pháp cuối cùng, quyết định có thể được thông qua bởi ít nhất ba phần tư số thành viên có mặt và biểu quyết.
17. Ủy ban sẽ xây dựng các quy tắc thủ tục nhằm khuyến nghị CMA xem xét và thông qua tại CMA 3 (tháng 11 năm 2020), được thông báo theo các nguyên tắc minh bạch, tạo thuận lợi, chức năng không đối đầu và không trừng phạt, và đặc biệt chú ý đến khả năng và hoàn cảnh quốc gia tương ứng của các Bên.
18. Các quy tắc thủ tục được đề cập trong khoản 17 ở trên sẽ giải quyết bất kỳ vấn đề nào cần thiết cho hoạt động đúng đắn và hiệu quả của Ủy ban, bao gồm vai trò của Đồng Chủ tịch Ủy ban, xung đột lợi ích, bất kỳ mốc thời gian bổ sung nào liên quan đến công việc của Ủy ban, các giai đoạn và tiến trình thủ tục cho công việc của Ủy ban, và lý luận trong các quyết định của Ủy ban.

III. Khởi đầu và quy trình

19. Khi thực hiện các chức năng của mình được đề cập trong khoản 20 và 22 dưới đây, và tuân theo các phương thức và thủ tục này, Ủy ban sẽ áp dụng các quy tắc thủ tục liên quan được phát triển theo khoản 17 và 18 ở trên và sẽ được hướng dẫn bởi những điều sau đây
- (a) Không điều gì trong công việc của Ủy ban có thể thay đổi tính pháp lý của các điều khoản của Thỏa thuận Paris;
- (b) Khi xem xét cách thức tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện và thúc đẩy sự tuân thủ, Ủy ban sẽ cố gắng tham gia một cách xây dựng và tham khảo ý kiến của Bên liên quan ở tất cả các giai đoạn của quá trình, bao gồm bằng cách mời các đệ trình bằng văn bản và cung cấp cơ hội để nhận xét;
- (c) Ủy ban sẽ đặc biệt chú ý đến khả năng quốc gia tương ứng và hoàn cảnh của bên, ghi nhận những trường hợp đặc biệt của các nước phát triển nhất và đảo nhỏ đang phát triển, ở tất cả các giai đoạn của quá trình, phù hợp với các quy định của Thỏa thuận Paris bao gồm cả việc xác định cách thức tham vấn với Bên liên quan, những hỗ trợ nào có thể được cung cấp cho Bên liên quan để hỗ trợ sự tham gia của mình với Ủy ban và những biện pháp nào phù hợp để tạo điều kiện thực hiện và thúc đẩy sự tuân thủ trong từng tình huống;
- (d) Ủy ban cần tính đến công việc đang được thực hiện bởi các cơ quan khác và theo các thỏa thuận khác cũng như thông qua các diễn đàn phục vụ hoặc được thành lập theo Thỏa thuận Paris nhằm tránh trùng lặp công việc được ủy quyền;
- (e) Ủy ban cần tính đến các cân nhắc liên quan đến tác động của các biện pháp ứng phó.
20. Ủy ban cần xem xét các vấn đề liên quan đến việc một Bên thực hiện hoặc tuân thủ các quy định của Thỏa thuận Paris trên cơ sở văn bản đệ trình của Bên đó liên quan đến việc thực hiện và / hoặc tuân thủ bất kỳ điều khoản nào. của Hiệp định Paris.
21. Ủy ban sẽ tiến hành kiểm tra sơ bộ nội dung đệ trình trong thời hạn được xây dựng trong các quy tắc thủ tục nêu tại Khoản 17 và 18 ở trên nhằm xác minh rằng đệ trình chứa đầy đủ thông tin, bao gồm cả việc liệu vấn đề có liên quan đến việc Bên đó thực hiện hoặc tuân thủ một điều khoản của Thỏa thuận Paris.
22. Ủy ban sẽ:

- (a) Sẽ bắt đầu xem xét các vấn đề trong trường hợp một Bên không:
- (i) Truyền đạt hoặc duy trì đóng góp được xác định trên phạm vi quốc gia theo Điều 4 của Thỏa thuận Paris, dựa trên tình trạng liên lạc cập nhật nhất trong cơ quan đăng ký công được đề cập trong Điều 4, khoản 12, của Thỏa thuận Paris;
 - (ii) Đã nộp một báo cáo bắt buộc hoặc thông báo thông tin theo Điều 13, khoản 7 và 9, hoặc Điều 9, khoản 7, của Thỏa thuận Paris;
 - (iii) Tham gia vào quá trình xem xét tiến bộ một cách thuận lợi, đa phương, dựa trên thông tin do ban thư ký cung cấp;
 - (iv) Gửi thông báo bắt buộc về thông tin theo Điều 9, khoản 5, của Thỏa thuận Paris;
- (b) Có thể, với sự đồng ý của Bên liên quan, tham gia vào việc xem xét các vấn đề một cách thuận lợi trong các trường hợp có sự mâu thuẫn đáng kể và dai dẳng về thông tin do một Bên gửi theo Điều 13, Khoản 7 và 9, của Thỏa thuận Paris với các phương thức, thủ tục và hướng dẫn nêu tại Điều 13, Khoản 13, của Thỏa thuận Paris. Việc xem xét này sẽ dựa trên các khuyến nghị được đưa ra trong báo cáo đánh giá cuối cùng của chuyên gia kỹ thuật, được chuẩn bị theo Điều 13, khoản 11 và 12, của Thỏa thuận, cùng với bất kỳ ý kiến bằng văn bản nào do Bên đó cung cấp trong quá trình xem xét. Khi xem xét các vấn đề như vậy, Ủy ban sẽ xem xét Điều 13, Khoản 14 và 15, của Thỏa thuận, cũng như tính linh hoạt được cung cấp trong các điều khoản của phương thức, thủ tục và hướng dẫn theo Điều 13 của Thỏa thuận Thỏa thuận Paris đối với những các nước đang phát triển Các bên cần nó theo khả năng của mình.
23. Việc xem xét các vấn đề được đề cập trong Khoản 22 (a) ở trên sẽ không giải quyết nội dung của các đóng góp, thông tin liên lạc, thông tin và báo cáo được đề cập trong Khoản 22 (a) (i – iv) ở trên.
24. Trường hợp Ủy ban quyết định bắt đầu xem xét như được đề cập trong Khoản 22 ở trên, Ủy ban sẽ thông báo cho Bên liên quan và yêu cầu Bên đó cung cấp thông tin cần thiết về vấn đề này.
25. Đối với việc xem xét của Ủy ban các vấn đề được khởi xướng theo các quy định của Khoản 20 hoặc 22 ở trên và xa hơn nữa đối với các quy tắc thủ tục được đề cập trong Khoản 17 và 18 ở trên:
- (a) Bên liên quan có thể tham gia vào các cuộc thảo luận của Ủy ban, trừ khi Ủy ban đang soạn thảo và thông qua quyết định;
 - (b) Nếu Bên có liên quan yêu cầu bằng văn bản, Ủy ban sẽ tổ chức một cuộc tham vấn trong cuộc họp mà tại đó vấn đề liên quan đến Bên đó sẽ được xem xét;
 - (c) Trong quá trình xem xét, Ủy ban có thể thu thập thông tin bổ sung như được đề cập trong Khoản 35 dưới đây hoặc, khi thích hợp và tham khảo ý kiến của Bên liên quan, mời đại diện của các cơ quan và cơ quan liên quan theo hoặc phục vụ Thỏa thuận Paris tham gia, trong các cuộc họp liên quan của nó;
 - (d) Ủy ban sẽ gửi một bản sao của các phát hiện dự thảo, các biện pháp dự thảo và bất kỳ dự thảo khuyến nghị nào cho Bên liên quan và sẽ xem xét bất kỳ ý kiến nào của Bên đó khi hoàn thiện các phát hiện, biện pháp và khuyến nghị đó.
26. Ủy ban sẽ dành sự linh hoạt đối với các mốc thời gian của các thủ tục theo Điều 15 khi các Bên có thể cần thiết, đặc biệt chú ý đến khả năng và hoàn cảnh quốc gia tương ứng của họ.
27. Tùy thuộc vào sự sẵn có của các nguồn tài chính, hỗ trợ cần được cung cấp, theo yêu cầu, cho các Bên liên quan của nước đang phát triển để tạo điều kiện cho họ tham gia cần thiết vào các cuộc họp liên quan của Ủy ban.

IV. Biện pháp và kết quả

28. Khi xác định các biện pháp, phát hiện hoặc khuyến nghị thích hợp, Ủy ban sẽ được thông báo về bản chất pháp lý của các quy định liên quan của Thỏa thuận Paris, sẽ xem xét các ý kiến nhận được từ Bên liên quan và đặc biệt chú ý đến khả năng của quốc gia và hoàn cảnh của Bên liên quan. Các hoàn cảnh đặc biệt của các quốc đảo nhỏ đang phát triển và các quốc gia kém phát triển nhất, cũng như các tình huống bất khả kháng, cũng cần được ghi nhận, nếu có liên quan.
29. Bên liên quan có thể cung cấp cho Ủy ban thông tin về những hạn chế, nhu cầu hoặc thách thức về năng lực cụ thể, bao gồm liên quan đến sự hỗ trợ nhận được, để Ủy ban xem xét trong việc xác định các biện pháp, phát hiện hoặc khuyến nghị thích hợp.
30. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện và thúc đẩy sự tuân thủ, Ủy ban sẽ thực hiện các biện pháp thích hợp. Chúng có thể bao gồm những điều sau:
- (a) Tham gia đối thoại với Bên liên quan với mục đích xác định các thách thức, đưa ra các khuyến nghị và chia sẻ thông tin, bao gồm liên quan đến việc tiếp cận hỗ trợ tài chính, công nghệ và nâng cao năng lực, nếu thích hợp;
 - (b) Hỗ trợ Bên liên quan tham gia với các cơ quan hoặc tổ chức tài chính, công nghệ và xây dựng năng lực thích hợp theo hoặc phục vụ Thỏa thuận Paris để xác định các thách thức và giải pháp có thể xảy ra;
 - (c) Đưa ra các khuyến nghị cho Bên liên quan về các thách thức và giải pháp nêu tại Khoản 30 (b) ở trên và thông báo các khuyến nghị đó, với sự đồng ý của Bên liên quan, cho các cơ quan hoặc cơ quan liên quan, nếu thích hợp;
 - (d) Khuyến nghị xây dựng một kế hoạch hành động và nếu được yêu cầu, hỗ trợ Bên liên quan trong việc xây dựng kế hoạch;
 - (e) Đưa ra các phát hiện thực tế liên quan đến các vấn đề thực hiện và tuân thủ được đề cập trong Khoản 22 (a) ở trên.
31. Bên liên quan được khuyến khích cung cấp thông tin cho Ủy ban về tiến độ đạt được trong việc thực hiện kế hoạch hành động nêu trong khoản 30 (d) ở trên.

V. Xem xét các vấn đề có tính hệ thống

32. Ủy ban có thể xác định các vấn đề có tính hệ thống liên quan đến việc thực hiện và tuân thủ các quy định của Thỏa thuận Paris mà một số Bên phải đối mặt và đưa các vấn đề đó và, nếu thích hợp, bất kỳ khuyến nghị nào cho CMA để xem xét.
33. CMA có thể, bất cứ lúc nào, yêu cầu Ủy ban kiểm tra các vấn đề có tính hệ thống. Sau khi xem xét vấn đề, Ủy ban sẽ báo cáo lại CMA và đưa ra các khuyến nghị khi thích hợp.
34. Khi giải quyết các vấn đề có tính hệ thống, Ủy ban sẽ không giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện và tuân thủ các quy định của Thỏa thuận Paris của một Bên cá nhân.

VI. Thông tin

35. Trong quá trình làm việc, Ủy ban có thể xin ý kiến chuyên gia, đồng thời tìm kiếm và tiếp nhận thông tin từ các quy trình, cơ quan, tổ chức và diễn đàn theo hoặc phục vụ Thỏa thuận Paris.

VII. Mối quan hệ với Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

36. Căn cứ Điều 15 của Thỏa thuận Paris, Ủy ban sẽ báo cáo hàng năm cho CMA

VIII. Ban thư ký

37. Ban thư ký nêu tại Điều 17 của Thỏa thuận Paris sẽ đóng vai trò là ban thư ký của Ủy ban.

*Hội nghị toàn thể lần thứ 26
Ngày 15, tháng 12, năm 2018*

Nghị quyết 3/CMA.1

Sự bày tỏ lòng biết ơn đối với Chính phủ Cộng hòa Ba Lan và người dân thành phố Katowice

Nghị quyết do Fiji đệ trình

Hội nghị các Bên, Hội nghị các Bên tham gia Nghị định thư Kyoto và Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu,

Họp mặt tại Katowice từ ngày 2 đến ngày 14, tháng 12, năm 2018,

- 1. Bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Chính phủ Cộng hòa Ba Lan vì đã tạo điều kiện cho phiên họp thứ hai mươi tư của Hội nghị các Bên, phiên họp thứ mười bốn của Hội nghị các Bên tham gia Nghị định thư Kyoto và phần thứ ba của phiên họp thứ nhất của Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu được tổ chức tại Katowice;*
- 2. Đề nghị Chính phủ Cộng hòa Ba Lan chuyển tới thành phố và người dân Katowice lòng biết ơn của Hội nghị các Bên, Hội nghị các Bên tham gia Nghị định thư Kyoto và Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu vì sự hiếu khách nồng hậu cho những người tham gia hội nghị.*

*Hội nghị toàn thể lần thứ 28
Ngày 15, tháng 12, năm 2018*

